**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**VIỆN ĐÀO TẠO BÁO CHÍ VÀ TRUYỀN THÔNG**

**BỘ ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGÀNH BÁO CHÍ**

**ĐIỀU CHỈNH NĂM 2022**

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN HỌC PHẦN** | **TRANG** |
| 1 | Báo chí Truyền thông đại cương | 3 |
| 2 | Lý luận Báo chí Truyền thông | 14 |
| 3 | Pháp luật và Đạo đức Báo chí Truyền thông | 27 |
| 4 | Các phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông | 35 |
| 5 | Tổ chức và Quản trị Nội dung Tạp chí in và điện tử | 45 |
| 6 | Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông | 57 |
| 7 | Lịch sử Báo chí Việt Nam và Thế giới | 65 |
| 8 | Ngôn ngữ Báo chí | 77 |
| 9 | Kỹ năng Viết cho Báo in | 89 |
| 10 | Kỹ năng Viết cho Báo điện tử | 98 |
| 11 | Kỹ thuật Phát thanh và Truyền hình | 106 |
| 12 | Kỹ năng viết cho Phát thanh và Truyền hình | 119 |
| 13 | Quản trị Nội dung Website | 132 |
| 14 | Ảnh báo chí | 142 |
| 15 | Biên tập Văn bản báo chí | 153 |
| 16 | Báo chí Chuyên biệt | 164 |
| 17 | Đại cương về Kinh tế Báo chí Truyền thông | 178 |
| 18 | Truyền thông Đa phương tiện | 188 |
| 19 | Sản xuất Ấn phẩm Báo chí Truyền thông | 199 |
| 20 | Sản xuất Chương trình Tin tức Thời sự | 208 |
| 21 | Sản xuất Chương trình Chuyên đề | 220 |
| 22 | Thực tập Thực tế | 233 |
| 23 | Thực tập Tốt nghiệp | 239 |
| 24 | Các loại hình Báo chí Truyền thông | 245 |
| 25 | Lý luận và Các thể loại Báo chí Truyền thông | 252 |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CƯƠNG**

1. **Mã học phần**: JOU1051
2. **Số tín chỉ**: 03
3. **Học phần tiên quyết** (nếu có):
4. **Ngôn ngữ giảng dạy**: Tiếng Việt
5. **Giảng viên** (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

- Nguyễn Thị Thúy Hằng, Tiến sĩ, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

- Vũ Trà My, Thạc sĩ, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

1. **Mục tiêu của học phần**:

Học phần này trang bị cho người học các vấn đề lý luận cơ bản về truyền thông và truyền thông đại chúng, vị trí vai trò của báo chí truyền thông đối với chính trị, kinh tế, xã hội, hiểu về 6 loại hình truyền thông đại chúng cơ bản, và xu thế phát triển của từng loại hình, từ đó, vận dụng vào thực tiễn để lý giải cho sự vận động và phát triển của ngành báo chí truyền thông.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kĩ năng, thái độ)**:

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a) Về kiến thức:

+ Hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản của truyền thông và truyền thông đại chúng như khái niệm truyền thông, các yếu tố trong quá trình truyền thông, mô hình truyền thông, hiệu quả của truyền thông, vai trò của truyền thông trong đời sống xã hội;

+ Hiểu được khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và xu hướng phát triển của của 6 loại hình truyền thông đại chúng cơ bản gồm báo chí in, phát thanh, truyền hình, báo điện tử, quảng cáo và quan hệ công chúng;

+ Hiểu được vị trí, vai trò của báo chí truyền thông trong mối liên hệ với các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội; hiểu được bản chất của hoạt động báo chí truyền thông là một loại hình thông tin chính trị - xã hội;

+ Tóm tắt được những vấn đề tổng quan về báo chí truyền thông Việt Nam hiện nay như quy mô, những thành công và hạn chế; môi trường truyền thông, những thuận lợi, khó khăn và thách thức cũng như xu hướng phát triển và hội nhập của báo chí truyền thông Việt Nam, đặc biệt là từ sau Đổi mới.

b) Về kỹ năng:

+ Vận dụng tư duy tổng hợp để phân tích và hiểu rõ bản chất của hoạt động truyền thông;

+ Vận dụng các vấn đề lý luận đã học vào thực tiễn đời sống để nhận diện, phân tích và hiểu rõ về những hiện tượng truyền thông cụ thể;

+ Phát hiện và đánh giá về hoạt động báo chí truyền thông trong nước và thế giới;

+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc phối hợp nhóm để cùng giải quyết một vấn đề lý luận hoặc thực tiễn trong truyền thông;

+ Xử lý các tình huống trong truyền thông một cách chủ động, linh hoạt, tự tin và sáng tạo.

c) Về thái độ:

+ Người học nâng cao nhận thức chính trị - tư tưởng;

+ Yêu thích và say mê nghề nghiệp;

+ Nghiêm túc, trung thực đối với việc nghiên cứu báo chí truyền thông;

+ Nâng cao vai trò, trách nhiệm xã hội nghề nghiệp;

+ Có khả năng tự học, tự nghiên cứu hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[1]](#footnote-1) | Hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản của truyền thông và truyền thông đại chúng như khái niệm truyền thông, các yếu tố trong quá trình truyền thông mô hình truyền thông, hiệu quả của truyền thông, vai trò của truyền thông trong đời sống xã hội; | PLO1.3[[2]](#footnote-2) |
| CLO2 | Hiểu được khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và xu hướng phát triển của của 6 loại hình truyền thông đại chúng cơ bản gồm báo chí in, phát thanh, truyền hình, báo điện tử, quảng cáo và quan hệ công chúng | PLO1.3 |
| CLO3 | Hiểu được vị trí, vai trò của báo chí truyền thông trong mối liên hệ với các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội; | PLO1.3 |
| CLO4 | Hiểu được bản chất của hoạt động báo chí truyền thông là một loại hình thông tin chính trị - xã hội; | PLO1.3 |
| CLO5 | Tóm tắt được những vấn đề tổng quan về báo chí truyền thông Việt Nam hiện nay như quy mô, những thành công và hạn chế; môi trường truyền thông, những thuận lợi, khó khăn và thách thức cũng như xu hướng phát triển và hội nhập của báo chí truyền thông Việt Nam, đặc biệt là từ sau Đổi mới | PLO1.3 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO6 | Vận dụng các kỹ năng tư duy tổng hợp để phân tích và hiểu rõ bản chất của hoạt động truyền thông. | PLO2.1.2 |
| CLO7 | Vận dụng các vấn đề lý luận đã học vào thực tiễn đời sống xã hội để nhận diện, phân tích và hiểu rõ về những hiện tượng truyền thông cụ thể. | PLO2.1.2 |
| CLO8 | Phát hiện và đánh giá về hoạt động báo chí truyền thông trong nước và thế giới. | PLO2.1.3 |
| CLO9 | Lập kế hoạch làm việc độc lập hoặc phối hợp nhóm để cùng giải quyết một vấn đề lý luận hoặc thực tiễn trong truyền thông, truyền thông đại chúng. | PLO2.2.2 |
| CLO10 | Xử lý các tình huống trong truyền thông một cách chủ động, linh hoạt, tự tin và sáng tạo. | PLO2.2.1 |
| Thái độ | |  |
| CLO11 | Người học nâng cao nhận thức chính trị - tư tưởng; | PLO3.2 |
| CLO12 | Yêu thích và say mê nghề nghiệp; | PLO3.2 |
| CLO13 | Nghiêm túc, trung thực đối với việc nghiên cứu báo chí truyền thông; | PLO3.2 |
| CLO14 | Nâng cao vai trò, trách nhiệm xã hội nghề nghiệp. | PLO3.2 |
| CLO15 | Có khả năng tự học, tự nghiên cứu hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời. | PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | Giới thiệu đề cương, CĐR của học phần; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra, đánh giá; học liệu… Bầu lớp trưởng lớp học phần và phân nhóm.  Khảo sát đầu học phần. | Đề cương học phần. |  |
| Tuần 2 | Chương 1: Truyền thông và vai trò của truyền thông trong đời sống xã hội  1.1. Giới thiệu các hiện tượng truyền thông từ thời kỳ sơ khai, trải qua sự phát triển của nhu cầu truyền thông và tiền đề kinh tế xã hội, khoa học công nghệ.  1.2. Khái niệm truyền thông. Các quan niệm về truyền thông từ các góc độ tiếp cận.  1.3. Các dạng thức truyền thông. Các thuật ngữ truyền thông  1.4. Vai trò của truyền thông trong đời sống xã hội  1.5. Các vấn đề của truyền thông hiện đại | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Phạm Thành Hưng. Thuật ngữ báo chí - truyền thông. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. |  |
| Tuần 3 | Chương 2. Các yếu tố trong quá trình truyền thông  2.1. Các yếu tố tham gia quá trình truyền thông  2.2. Quy trình truyền thông  Giao bài tập nhóm cho các nhóm. | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Phạm Thành Hưng. Thuật ngữ báo chí - truyền thông. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. |  |
| Tuần 4 | Chương 3. Mô hình truyền thông  3.1. Các mô hình truyền thông  3.2. Cơ chế phản hồi trong truyền thông  3.3. Các dạng nhiễu trong truyền thông | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Phạm Thành Hưng. Thuật ngữ báo chí - truyền thông. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. |  |
| Tuần 5 | Chương 4. Những điều kiện để truyền thông đạt hiệu quả  4.1. Cơ chế tác động của truyền thông  4.2. Hiệu quả xã hội của hoạt động truyền thông  4.3. Hiệu quả truyền thông qua nghiên cứu trường hợp cụ thể | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 6 | Sinh viên trình bày kết quả bài tập nhóm lần 1. | Bài tập nhóm được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên. |  |
| Tuần 7 | Sinh viên trình bày kết quả bài tập nhóm lần 1. | Bài tập nhóm được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên. |  |
| Tuần 8 | Sinh viên trình bày kết quả bài tập nhóm lần 1. | Giảng viên tổng kết kết quả bài tập nhóm lần 1. |  |
| Tuần 9 | Chương 5. Các loại hình truyền thông đại chúng  5.1. Báo in  5.2. Phát thanh  5.3. Truyền hình  5.4. Báo điện tử  5.5. Quảng cáo  5.6. Quan hệ công chúng | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 10 | Sinh viên tự đọc tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.  Chương 6. Vị trí, vai trò của báo chí trong đời sống xã hội  6.1. Vị trí của báo chí trong đời sống xã hội  6.2. Vai trò của báo chí đối với các lĩnh vực trong đời sống xã hội. | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 11 | Chương 7. Báo chí - loại hình hoạt động thông tin chính trị - xã hội  7.1. Thông tin và thông tin báo chí  7.2. Thông tin chính trị xã hội  7.3. Sự tiếp nhận thông tin của công chúng. Quy trình tiếp nhận thông tin của công chúng qua mô hình *Nhà báo – Tác phẩm – Công chúng*  7.4. Các yếu tố và điều kiện đảm bảo chất lượng thông tin | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 12 | Chương 8. Tổng quan về báo chí Việt Nam hiện nay  8.1. Sơ lược lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của báo chí cách mạng Việt Nam  8.2. Các điều kiện tác động và môi trường truyền thông từ sau Đổi mới  8.3. Sự phát triển nhu cầu truyền thông của công chúng  8.4. Quy mô và xu hướng phát triển của báo chí Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hoá. | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020.  3. Nguyễn Thị Trường Giang (Chủ biên). Giáo trình lịch sử báo chí Việt Nam (tập 1). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. |  |
| Tuần 13 | Sinh viên trình bày bài tập nhóm lần 2. | Bài tập nhóm được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên. |  |
| Tuần 14 | Sinh viên trình bày bài tập nhóm lần 2. | Bài tập nhóm được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên. |  |
| Tuần 15 | Tổng kết bài tập nhóm lần 2.  Ôn tập. | Giảng viên tổng kết điểm thường xuyên, giữa kỳ. |  |

**10. Các yêu cầu đối với học phần**

- Sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

**11. Phương pháp dạy - học**

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

+ Thuyết giảng

+ Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng.

+ Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm.

Các phương pháp học tập gồm:

+ Sinh viên tự đọc tài liệu.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.

+ Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

+ Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

**12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

*+ Kiểm tra - đánh giá thường xuyên*

- Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia thảo luận của người học trên lớp.

- Các bài tập cá nhân: Dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn.

- Trọng số điểm thành phần: 10%

+*Kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ*

- Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Bài tập nhóm. Bài tập nhóm được đánh giá thông qua báo cáo thảo luận nhóm, biên bản thảo luận nhóm và thuyết trình trên lớp của nhóm. Trọng số điểm giữa kỳ: 30%.

- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Bài thi viết hết môn hoặc tiểu luận cá nhân/nhóm. Lịch thi hoặc tiểu luận theo kế hoạch thi học kỳ của nhà trường. Trọng số điểm cuối kỳ: 60%.

**13. Học liệu:**

***Học liệu bắt buộc:***

1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011). Thư viện Thượng Đình, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội; Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN:<https://bookworm.vnu.edu.vn/Collection.aspx?cID=2&id=3258&pIdx=1&vt=list>.

2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN.

***Học liệu tham khảo:***

3. Phạm Thành Hưng. Thuật ngữ báo chí - truyền thông. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN.

4. Nguyễn Thị Trường Giang (Chủ biên). Giáo trình lịch sử báo chí Việt Nam (tập 1). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN.

5. John Hartley. Communication, cultural and media studies: the key concepts (5th ed.). Routledge, 2019. Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN.

**14. Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống, khoa học và hiện đại về truyền thông và qui trình truyền thông; về lịch sử hình thành, phát triển, đặc điểm loại hình của các phương tiện truyền thông đại chúng.

Học phần cũng giới thiệu về báo chí như một hoạt động truyền thông đại chúng với vị trí, vai trò trong xã hội, những đặc thù của báo chí trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được vấn đề bản chất của hoạt động báo chí cũng như có được hình dung tổng quan về sự hình thành và xu hướng phát triển của báo chí Việt Nam hiện nay.

Ngoài cung cấp kiến thức lý luận, học phần cũng liên hệ chặt chẽ với thực tiễn báo chí truyền thông trong và ngoài nước để làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận; đồng thời vận dụng lý luận để lý giải cho hoạt động thực tiễn.

**15. Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1. Truyền thông và vai trò của truyền thông trong đời sống xã hội**

1.1. Giới thiệu các hiện tượng truyền thông từ thời kỳ sơ khai, trải qua sự phát triển của nhu cầu truyền thông và tiền đề kinh tế xã hội, khoa học công nghệ.

1.2. Khái niệm “truyền thông”. Các quan niệm về truyền thông từ các góc độ tiếp cận.

1.3. Các dạng thức truyền thông. Các thuật ngữ truyền thông

1.4. Vai trò của truyền thông trong đời sống xã hội

1.5. Các vấn đề của truyền thông hiện đại

**Chương 2. Các yếu tố trong quá trình truyền thông**

2.1. Các yếu tố tham gia quá trình truyền thông

2.2. Quy trình truyền thông

**Chương 3. Mô hình truyền thông**

3.1. Các mô hình truyền thông

3.2. Cơ chế phản hồi trong truyền thông

3.3. Các dạng nhiễu trong truyền thông

**Chương 4. Những điều kiện để truyền thông đạt hiệu quả**

4.1. Cơ chế tác động của truyền thông

4.2. Hiệu quả xã hội của hoạt động truyền thông

4.3. Hiệu quả truyền thông qua nghiên cứu trường hợp cụ thể

**Chương 5. Các loại hình truyền thông đại chúng**

5.1. Báo in

5.2. Phát thanh

5.3. Truyền hình

5.4. Báo điện tử

5.5. Quảng cáo

5.6. Quan hệ công chúng

**Chương 6. Vị trí, vai trò của báo chí trong đời sống xã hội**

6.1. Vị trí của báo chí trong đời sống xã hội

6.2. Vai trò của báo chí đối với các lĩnh vực trong đời sống xã hội

**Chương 7. Báo chí - loại hình hoạt động thông tin chính trị - xã hội**

7.1. Thông tin và thông tin báo chí

7.2. Thông tin chính trị xã hội

7.3. Sự tiếp nhận thông tin của công chúng. Quy trình tiếp nhận thông tin của công chúng qua mô hình *Nhà báo – Tác phẩm – Công chúng*

7.4. Các yếu tố và điều kiện đảm bảo chất lượng thông tin

**Chương 8. Tổng quan về báo chí Việt Nam hiện nay**

8.1. Sơ lược lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của báo chí cách mạng Việt Nam

8.2. Các điều kiện tác động và môi trường truyền thông từ sau Đổi mới

8.3. Sự phát triển nhu cầu truyền thông của công chúng

8.4. Quy mô và xu hướng phát triển của báo chí Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hoá

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**LÝ LUẬN BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG**

1. **Mã học phần**: JOU1150
2. **Số tín chỉ**: 03
3. **Học phần tiên quyết** (nếu có): JOU1051
4. **Ngôn ngữ giảng dạy**: Tiếng Việt
5. **Giảng viên** (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Phan Văn Kiền. Tiến sĩ, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

Đỗ Anh Đức. Tiến sĩ, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

Nguyễn Thị Thúy Hằng, Tiến sĩ, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

1. **Mục tiêu của học phần**:

Học phần này trang bị cho người học hệ thống lý luận báo chí cách mạng, hiểu và vận dụng được kiến thức về chức năng, nguyên tắc hoạt động, mối quan hệ giữa luật pháp và báo chí, lao động sáng tạo trong hoạt động báo chí, trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của nhà báo đối với hoạt động thực tiễn báo chí ở Việt Nam hiện nay.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kĩ năng, thái độ)**:

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a) Về kiến thức:

+ Nhận biết được các vấn đề cơ bản lý luận và thực tiễn của hoạt động báo chí;

+ Nhận biết được kiến thức sâu rộng của ngành học truyền thông đại chúng như: Quan niệm chung về báo chí, bản chất của hoạt động báo chí, đối tượng và cơ chế tác động của báo chí, khái quát về sự ra đời và phát triển; chức năng và các nguyên hoạt động; luật pháp với báo chí; chủ thể hoạt động báo chí và vấn đề đạo đức nghề nghiệp; trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của nhà báo; hiệu quả báo chí; lao động sáng tạo trong hoạt động báo chí; nhà báo.

+ Hiểu được sự thay đổi của xã hội, đặt biệt là xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế truyền thông đại chúng.

­+ Nhận biết được kiến thức để có thể phân tích, đánh giá, bình luận về những sự vật, hiện tượng phức tạp trong hoạt động báo chí.

b) Về kỹ năng:

+ Có các kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp và có thể phát triển được;

+ Có các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.

+ Có kỹ năng làm việc với người khác;

+ Có kỹ năng phát hiện, tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt; có các kỹ năng tự phát triển giữa xu hướng thay đổi.

+ Kỹ năng biết vận dụng những kiến thức đã học áp dụng vào hoạt động thực tiễn: tạo năng lực tư duy lý luận trọng học tập và nghiên cứu các chương trình nghiệp vụ tiếp theo; phát hiện các sự kiện, hiện tượng, vấn đề, con người có thật dưới góc nhìn báo chí học; chủ động, tự tin xử lý các vấn đề phức tạp của đời sống xã hội trong và ngoài nước trong hoạt động báo chí truyền thông.

c) Về thái độ:

+ Vận dụng những kiến thức cơ bản về lý luận báo chí truyền thông để có nền tảng về lý luận cho việc tiếp nhận những kiến thức chuyên ngành tiếp theo;

+ Vận dụng những kiến thức đã học một cách hợp lý vào từng hoạt động thực tiễn cụ thể: sáng tạo tác phẩm, chương trình, nghiên cứu khoa học, v.v..

+ Thái độ công bằng, minh bạch, khách quan, khoa học trong nhận xét, phân tích, đánh giá sản phẩm;

+ Rèn luyện thói quen tư duy nhận định, đánh giá, phân tích, tổng hợp, khái quát một cách khoa học công minh, sáng tạo;

+ Có khả năng tự học, tự nghiên cứu hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[3]](#footnote-3) | Nhận biết được các vấn đề cơ bản lý luận và thực tiễn hoạt động báo chí.­ | PLO1.3[[4]](#footnote-4) |
| CLO2 | Nhận biết được kiến thức sâu rộng của ngành học truyền thông đại chúng như: Quan niệm chung về báo chí, bản chất của hoạt động báo chí, đối tượng và cơ chế tác động của báo chí, khái quát về sự ra đời và phát triển; chức năng và các nguyên hoạt động; luật pháp với báo chí; chủ thể hoạt động báo chí và vấn đề đạo đức nghề nghiệp; trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của nhà báo; hiệu quả báo chí; lao động sáng tạo trong hoạt động báo chí; nhà báo. | PLO1.3 |
| CLO3 | Hiểu được sự thay đổi của xã hội, đặc biệt là xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế truyền thông đại chúng. | PLO1.3 |
| CLO4 | Nhận biết được kiến thức để có thể phân tích, đánh giá, bình luận về những sự vật, hiện tượng phức tạp trong hoạt động báo chí. | PLO1.3 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO5 | Có các kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp và có thể phát triển được. | PLO2.1.1 |
| CLO6 | Có các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề. | PLO2.1.3 |
| CLO7 | Có kỹ năng làm việc với người khác. | PLO2.2.2 |
| CLO8 | Có kỹ năng phát hiện, tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt; có các kỹ năng tự phát triển giữa xu hướng thay đổi. | PLO2.1.5 |
| CLO9 | Kỹ năng biết vận dụng những kiến thức đã học áp dụng vào hoạt động thực tiễn: tạo năng lực tư duy lý luận trọng học tập và nghiên cứu các chương trình nghiệp vụ tiếp theo; phát hiện các sự kiện, hiện tượng, vấn đề, con người có thật dưới góc nhìn báo chí học; chủ động, tự tin xử lý các vấn đề phức tạp của đời sống xã hội trong và ngoài nước trong hoạt động báo chí truyền thông... | PLO2.1.6 |
| Thái độ | |  |
| CLO10 | Vận dụng những kiến thức cơ bản về lý luận báo chí truyền thông để có nền tảng về lý luận cho việc tiếp nhận những kiến thức chuyên ngành tiếp theo. | PLO3.2 |
| CLO11 | Vận dụng những kiến thức đã học một cách hợp lý vào từng hoạt động thực tiễn cụ thể: sáng tạo tác phẩm, chương trình, nghiên cứu khoa học, v.v.. | PLO3.2 |
| CLO12 | Thái độ công bằng, minh bạch, khách quan, khoa học trong nhận xét, phân tích, đánh giá sản phẩm. | PLO3.2 |
| CLO13 | Rèn luyện thói quen tư duy nhận định, đánh giá, phân tích, tổng hợp, khái quát một cách khoa học công minh, sáng tạo. | PLO3.1 |
| CLO14 | Có khả năng tự học, tự nghiên cứu hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời. | PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | Giới thiệu đề cương, CĐR của học phần; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra, đánh giá; học liệu… Bầu lớp trưởng lớp học phần và phân nhóm.  Khảo sát đầu học phần. | Đề cương học phần. |  |
| Tuần 2 | Chương 1: Chức năng của báo chí truyền thông  1.1. Chức năng thông tin  1.1.1. Tầm quan trọng của thông tin  1.1.2. Chức năng thông tin – chức năng quan trọng hàng đầu của báo chí truyền thông  1.2. Chức năng giáo dục chính trị - tư tưởng  1.2.1. Tầm quan trọng của chính trị - tư tưởng  1.2.2. Nhiệm vụ của báo chí truyền thông trong công tác giáo dục chính trị - tư tưởng  1.2.3. Hoạt động tuyên truyền, cổ động, tổ chức tập thể của báo chí – truyền thông | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 3 | Chương 1 (tiếp)  1.3. Chức năng quản lý, giám sát và phản biện xã hội  1.3.1. Khái niệm quản lý, giám sát và phản biện xã hội  1.3.2. Chức năng giám sát, quản lý xã hội của báo chí  1.3.3. Chức năng phản biện xã hội của báo chí  1.4. Chức năng nâng cao dân trí và giải trí  1.4.1. Chức năng nâng cao dân trí  1.4.2. Chức năng giải trí  1.4.3. Mối quan hệ giữa nâng cao dân trí và giải trí  1.4.4. Những yêu cầu của nâng cao dân trí và giải trí  1.5. Chức năng kinh tế báo chí  Giao bài tập nhóm cho các nhóm. | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 4 | Chương 2. Nguyên tắc hoạt động của báo chí truyền thông  2.1. Nguyên tắc tính khuynh hướng  2.2. Nguyên tắc tính Đảng.  2.3. Tính nhân dân và dân chủ | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 5 | Chương 2 (tiếp)  2.4. Tính chân thật, khách quan.  2.5. Tính nhân đạo, nhân văn.  2.6. Tính dân tộc và quốc tế. | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 6 | Sinh viên trình bày kết quả bài tập nhóm lần 1. | Bài tập nhóm được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên. |  |
| Tuần 7 | Sinh viên trình bày kết quả bài tập nhóm lần 1. | Bài tập nhóm được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên. |  |
| Tuần 8 | Tổng kết kết quả bài tập nhóm lần 1. | Giảng viên tổng kết kết quả bài tập nhóm lần 1, giao bài tập nhóm lần 2. |  |
| Tuần 9 | Chương 3: Pháp luật và báo chí  3.1. Mối quan hệ giữa báo chí và luật pháp  3.2. Cơ sở pháp luật của báo chí Việt Nam  3.2.1. Luật về chế độ báo chí năm 1957 | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 10 | Sinh viên tự đọc tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.  Chương 3 (tiếp)  3.2.2. Luật báo chí và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật báo chí năm 1999  3.2.3. Luật báo chí năm 2016  3.2.4. Cơ sở pháp lý hoạt động báo chí của phóng viên nước ngoài tại Việt Nam và phóng viên Việt Nam tại nước ngoài.  3.3. Luật pháp quốc tế và hoạt động báo chí. | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 11 | Chương 4: Hiệu quả của báo chí  4.1. Khái niệm về hiệu quả và hiệu quả báo chí.  4.2. Yêu cầu về hiệu quả báo chí  4.2.1 Yêu cầu về nội dung  4.2.2 Yêu cầu về mặt hình thức  4.3. Cơ sở đánh giá hiệu quả báo chí.  4.4. Những yếu tố tạo nên hiệu quả báo chí  4.4.1. Yếu tố chiến lược thông tin  4.4.2. Yếu tố con người  4.4.3. Đối tượng phục vụ của báo chí  4.4.4. Yếu tố phương tiện vật chất kỹ thuật.  4.5. Công chúng với hoạt động báo chí  4.6. Hiệu quả báo chí và quy luật tiếp nhận thông tin | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 12 | Chương 5: Lao động sáng tạo trong hoạt động báo chí  5.1. Tính đặc thù của báo chí  5.2. Đặc trưng của lao động sáng tạo trong nghề báo  5.2.1. Tính thường xuyên và liên tục trong lao động sáng tạo  5.2.2. Tính khách quan trong sáng tạo  5.2.3. Tính chính trị trong sáng tạo  5.2.4. Tính thực tiễn trong sáng tạo  5.3. Quá trình sáng tạo sản phẩm báo chí.  5.3.1. Giai đoạn 1: Xác định chủ đề và ý đồ cụ thể của tác giả  5.3.2. Giai đoạn 2: Lập kế hoạch nội dung và kế hoạch thu thập tư liệu cho tác phẩm  5.3.3. Giai đoạn 3: Xây dựng tư liệu cho hồ sơ  5.3.4. Giai đoạn 4: Lựa chọn thể loại và lập dàn bài chi tiết.  5.3.5. Giai đoạn 5: Hoàn thành tác phẩm | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |
| Tuần 13 | Sinh viên trình bày bài tập nhóm lần 2. | Bài tập nhóm được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên. |  |
| Tuần 14 | Sinh viên trình bày bài tập nhóm lần 2. | Bài tập nhóm được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên. |  |
| Tuần 15 | Chương 6. Nhà báo  6.1. Khái niệm về nhà báo  6.2. Phẩm chất nghiệp vụ của nhà báo  6.3. Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo  Tổng kết điểm thường xuyên, giữa kỳ. | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. |  |

**10. Các yêu cầu đối với học phần**

- Sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

**11. Phương pháp dạy - học**

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

+ Thuyết giảng

+ Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng.

+ Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm.

Các phương pháp học tập gồm:

+ Sinh viên tự đọc tài liệu.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.

+ Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

+ Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

**12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

*+ Kiểm tra - đánh giá thường xuyên*

- Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia thảo luận của người học trên lớp.

- Các bài tập cá nhân: Dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn.

- Trọng số điểm thành phần: 10%

+*Kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ*

- Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Bài tập nhóm. Bài tập nhóm được đánh giá thông qua báo cáo thảo luận nhóm, biên bản thảo luận nhóm và thuyết trình trên lớp của nhóm. Trọng số điểm giữa kỳ: 30%.

- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Bài thi viết hết môn hoặc tiểu luận cá nhân. Lịch thi hoặc tiểu luận theo kế hoạch thi học kỳ của nhà trường. Trọng số điểm cuối kỳ: 60%.

**13. Học liệu:**

***Học liệu bắt buộc:***

1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011). Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN: <https://bookworm.vnu.edu.vn/Collection.aspx?cID=2&id=3258&pIdx=1&vt=list>.

2. Tạ Ngọc Tấn. Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*.* Nxb Chính trị Quốc gia, 2020. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN.

***Học liệu tham khảo:***

3. Dương Xuân Sơn. *Giáo trình lý luận báo chí truyền thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN

4. Denis McQuail and Mark Deuze. McQuail’s Media and Mass Communication Theory. Sage, 2020. Tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông.

**14. Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống, khoa học và hiện đại về truyền thông và qui trình truyền thông; về lịch sử hình thành, phát triển, đặc điểm loại hình của các phương tiện truyền thông đại chúng.

Học phần cũng giới thiệu về báo chí như một hoạt động truyền thông đại chúng với vị trí, vai trò trong xã hội, những đặc thù của báo chí trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được vấn đề bản chất của hoạt động báo chí cũng như có được hình dung tổng quan về sự hình thành và xu hướng phát triển của báo chí Việt Nam hiện nay.

Ngoài cung cấp kiến thức lý luận, học phần cũng liên hệ chặt chẽ với thực tiễn báo chí truyền thông trong và ngoài nước để làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận; đồng thời vận dụng lý luận để lý giải cho hoạt động thực tiễn.

**15. Nội dung chi tiết học phần** (trình bày các chương, mục, tiểu mục…):

**Chương 1: Chức năng của báo chí truyền thông**

1.1. Chức năng thông tin

1.1.1. Tầm quan trọng của thông tin

1.1.2. Chức năng thông tin – chức năng quan trọng hàng đầu của báo chí truyền thông

1.2. Chức năng giáo dục chính trị - tư tưởng

1.2.1. Tầm quan trọng của chính trị - tư tưởng

1.2.2. Nhiệm vụ của báo chí truyền thông trong công tác giáo dục chính trị - tư tưởng

1.2.3. Hoạt động tuyên truyền, cổ động, tổ chức tập thể của báo chí – truyền thông

1.3. Chức năng quản lý, giám sát và phản biện xã hội

1.3.1. Khái niệm quản lý, giám sát và phản biện xã hội

1.3.2. Chức năng giám sát, quản lý xã hội của báo chí

1.3.3. Chức năng phản biện xã hội của báo chí

1.4. Chức năng nâng cao dân trí và giải trí

1.4.1. Chức năng nâng cao dân trí

1.4.2. Chức năng giải trí

1.4.3. Mối quan hệ giữa nâng cao dân trí và giải trí

1.4.4. Những yêu cầu của nâng cao dân trí và giải trí

1.5. Chức năng kinh tế báo chí

**Chương 2. Nguyên tắc hoạt động của báo chí truyền thông**

2.1. Nguyên tắc tính khuynh hướng

2.2. Nguyên tắc tính Đảng.

2.3. Tính nhân dân và dân chủ.

2.4. Tính chân thật, khách quan.

2.5. Tính nhân đạo, nhân văn.

2.6. Tính dân tộc và quốc tế.

**Chương 3: Pháp luật và báo chí**

3.1. Mối quan hệ giữa báo chí và luật pháp

3.2. Cơ sở pháp luật của báo chí Việt Nam

3.2.1. Luật về chế độ báo chí năm 1957

3.2.2. Luật báo chí và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật báo chí năm 1999

3.2.3. Luật báo chí năm 2016

3.2.4. Cơ sở pháp lý hoạt động báo chí của phóng viên nước ngoài tại Việt Nam và phóng viên Việt Nam tại nước ngoài.

3.3. Luật pháp quốc tế và hoạt động báo chí.

**Chương 4: Hiệu quả của báo chí**

4.1. Khái niệm về hiệu quả và hiệu quả báo chí.

4.2. Yêu cầu về hiệu quả báo chí

4.2.1 Yêu cầu về nội dung

4.2.2 Yêu cầu về mặt hình thức

4.3. Cơ sở đánh giá hiệu quả báo chí.

4.4. Những yếu tố tạo nên hiệu quả báo chí

4.4.1. Yếu tố chiến lược thông tin

4.4.2. Yếu tố con người

4.4.3. Đối tượng phục vụ của báo chí

4.4.4. Yếu tố phương tiện vật chất kỹ thuật.

4.5. Công chúng với hoạt động báo chí

4.6. Hiệu quả báo chí và quy luật tiếp nhận thông tin.

**Chương 5: Lao động sáng tạo trong hoạt động báo chí**

5.1. Tính đặc thù của báo chí

5.2. Đặc trưng của lao động sáng tạo trong nghề báo

5.2.1. Tính thường xuyên và liên tục trong lao động sáng tạo

5.2.2. Tính khách quan trong sáng tạo

5.2.3. Tính chính trị trong sáng tạo

5.2.4. Tính thực tiễn trong sáng tạo

5.3. Quá trình sáng tạo sản phẩm báo chí.

5.3.1. Giai đoạn 1: Xác định chủ đề và ý đồ cụ thể của tác giả

5.3.2. Giai đoạn 2: Lập kế hoạch nội dung và kế hoạch thu thập tư liệu cho tác phẩm

5.3.3. Giai đoạn 3: Xây dựng tư liệu cho hồ sơ

5.3.4. Giai đoạn 4: Lựa chọn thể loại và lập dàn bài chi tiết.

5.3.5. Giai đoạn 5: Hoàn thành tác phẩm

**Chương 6. Nhà báo**

6.1. Khái niệm về nhà báo

6.2. Phẩm chất nghiệp vụ của nhà báo

6.3. Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**PHÁP LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG**

*(Media Law and Ethics)*

1. **Mã học phần:** JOU2019
2. **Số tín chỉ:** 03
3. **Học phần tiên quyết:** JOU1051
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Giảng viên:**

- Đinh Văn Hường, PGS.TS., Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

- Vũ Kim Hoa, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

- Trần Ngọc Hà, Thạc sỹ, Báo Pháp luật Việt Nam

1. **Mục tiêu học phần:**

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản giúp người học nắm được khung pháp lý cơ bản của hoạt động báo chí ở Việt Nam. Học phần giúp xây dựng cho người học có ý thức và có khả năng xác định được những vấn đề pháp luật mà người làm báo chí thường xuyên gặp phải trong quá trình tác nghiệp để phòng tránh việc vi phạm pháp luật, nâng cao kiến thức về pháp luật và tuân thủ pháp luật trong hoạt động tác nghiệp. Học phần cũng giúp người học hiểu và ý thức những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cơ bản của người làm báo. Các văn bản pháp quy như luật báo chí, luật quảng cáo, xuất bản, quyền sở hữu trí tuệ... sẽ được giới thiệu trong Học phần. Các quy định về quyền lợi, nghĩa vụ, đạo đức và trách nhiệm của nhà báo và nhân viên truyền thông, quảng cáo, biên tập viên... sẽ được thảo luận thông qua các nghiên cứu trường hợp trong và ngoài nước.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

* *Kiến thức:*
* Trình bày được về hệ thống pháp luật về báo chí-truyền thông
* Nhắc lại được các quy định quan trọng trong các bộ luật về báo chí-truyền thông
* Giải thích được các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông
* *Kỹ năng:*
* Vận dụng các quy định về luật pháp và các quy tắc đạo đức nghề nghiệp một cách nghiêm túc trong hoạt động báo chí-truyền thông.
* Lí giải được tầm quan trọng của việc tuân thủ luật pháp và quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong công việc của nhà báo.
* Phân biệt được giữa pháp luật báo chí và đạo đức báo chí
* *Thái độ:*
* Bình luận được về các hạn chế trong các bộ luật báo chí
* Đánh giá về một số hạn chế trong việc tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp của nhà báo trong thực tế.
* Đề xuất các giải pháp cho các hạn chế trên.

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[5]](#footnote-5) | Trình bày được về hệ thống pháp luật về báo chí-truyền thông | PLO1.4[[6]](#footnote-6) |
| CLO2 | Nhắc lại được các quy định quan trọng trong các bộ luật về báo chí-truyền thông | PLO1.4 |
| CLO3 | Giải thích được các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Vận dụng các quy định về luật pháp và các quy tắc đạo đức nghề nghiệp một cách nghiêm túc trong hoạt động báo chí-truyền thông. | PLO2.1.2  PLO2.1.4  PLO2.1.5  PLO2.2 |
| CLO5 | Lí giải được tầm quan trọng của việc tuân thủ luật pháp và quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong công việc của nhà báo. | PLO2.1.2  PLO2.1.4 |
| CLO6 | Phân biệt được giữa pháp luật báo chí và đạo đức báo chí | PLO2.1.2 |
| Thái độ | |  |
| CLO7 | Bình luận được về các hạn chế trong các bộ luật báo chí | PLO3 |
| CLO8 | Đánh giá về một số hạn chế trong việc tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp của nhà báo trong thực tế | PLO2.1.7  PLO2.1.8  PLO3  PLO4 |
| CLO9 | Đề xuất các giải pháp cho các hạn chế trên | PLO2.1.6  PLO2.1.8  PLO3  PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1 | Giới thiệu môn học  Chương 1. Tổng quan về luật pháp và luật báo chí truyền thông | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 2 | Chương 1. Tổng quan về luật pháp và luật báo chí truyền thông (tiếp) | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 3 | Chương 2: Luật Báo chí năm 1957 | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 4 | Chương 3: Luật Báo chí năm 1989 | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 5 | Chương 4: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật báo chí năm 1999 (trên cơ sở luật Báo chí năm 1989) và nghị định số 51 của Chính phủ. | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 6 | Chương 4: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật báo chí năm 1999 (trên cơ sở luật Báo chí năm 1989) và nghị định số 51 của Chính phủ (tiếp) | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kì | |  |
| Tuần 8 | Chương 5: Qui ước đạo đức nghề nghiệp của báo chí Việt Nam | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 9 | Chương 5: Qui ước đạo đức nghề nghiệp của báo chí Việt Nam (tiếp) | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, Nxb. ĐHQGHN. | Bài tập |
| Tuần 10 | Chương 6: Đạo đức báo chí một số nước trên thế giới | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 11 | Chương 6: Đạo đức báo chí một số nước trên thế giới (tiếp) | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 12 | Chương 7: Tình hình thực hiện luật pháp báo chí truyền thông trong thực tiễn | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 13 | Chương 7: Tình hình thực hiện luật pháp báo chí truyền thông trong thực tiễn (tiếp) | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 14 | Chương 8: Tình hình thực hiện đạo đức nghề nghiệp trong thực tế | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 15 | Chương 8: Tình hình thực hiện đạo đức nghề nghiệp trong thực tế (tiếp)  Tổng kết môn học | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

Các yêu cầu của học phần đối với sinh viên như sau:

* Cần đọc, nghiên cứu các tài liệu bắt buộc
* Được khuyến khích đọc thêm tài liệu tham khảo
* Cần nghiêm túc tham gia bài tập nhóm và các thảo luận trên lớp
* Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên
* Có ý thức tự học, tự đọc, tự tìm hiểu thêm về các nội dung của môn học
* Tuyệt đối không đạo văn. Trích dẫn đầy đủ khi làm bài tập/thi.

1. **Phương pháp dạy - học**

* Các phương pháp giảng dạy được sử dụng:
* Thuyết giảng
* Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm (thảo luận, hợp tác làm bài tập nhóm, v.v.)
* Hướng dẫn sinh viên một số phương pháp để tự học (tìm kiếm tài liệu, đọc tài liệu, đánh giá thông tin, ghi chú, v.v.)
* Các phương pháp học tập được sử dụng:
* Sinh viên tự đọc tài liệu.
* Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
* Tham gia các hoạt động nhóm/cá nhân.
* Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập trên nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

* *Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (10%)*
* Điểm danh để đánh giá chuyên cần
* Các bài tập (từ tuần thứ 2 trở đi, theo nội dung Học phần, 1 giờ làm bài tập trên lớp hoặc 2-3 giờ làm ở nhà).

Điểm chuyên cần và bài tập được xem xét để cộng thêm vào điểm giữa kỳ.

* *Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ*
* Giữa kỳ: kiểm tra viết (30%)
* Cuối kỳ: thi viết trên lớp hoặc làm tiểu luận (do giảng viên quyết định tùy theo tình hình thực tế) (60%)

1. **Học liệu**

* *Học liệu bắt buộc*
* Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, Nxb. ĐHQGHN. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* *Học liệu tham khảo*
* Tài liệu tham khảo về đạo đức báo chí nước ngoài do giảng viên cung cấp
* Các văn bản pháp luật liên quan

1. **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần *Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông* trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về luật báo chí truyền thông (khái niệm, bản chất, văn bản pháp luật báo chí...); Những quy định về đạo đức nghề nghiệp của báo chí Việt Nam trong sự nghiệp CNH - HĐH và hội nhập quốc tế, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Học phần giúp người học hiểu biết, vận dụng và thực hiện hài hòa mối quan hệ giữa đạo đức và luật pháp báo chí truyền thông trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp.

Học phần cũng cung cấp một số qui tắc (qui định) đạo đức báo chí ở một số nước (Mỹ, Pháp, Nga, Trung Quốc...) để người học hiểu biết thêm, tham khảo và vận dụng nhất định trong điều kiện báo chí Việt Nam đổi mới và hội nhập.

1. **Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1. Tổng quan về luật pháp và luật báo chí truyền thông**

*1.1. Khái niệm luật pháp và luật pháp báo chí truyền thông*

*1.2. Hệ thống văn bản pháp luật báo chí truyền thông*

*1.3. Giải thích khái niệm “Báo chí là quyền lực thứ 4...”*

*1.4. Vài nét về luật báo chí trước năm 1945*

*1.5. Luật pháp báo chí giai đoạn 1945 - 1957*

**Chương 2: Luật Báo chí năm 1957**

*2.1. Bối cảnh ra đời*

*2.2. Nội dung của luật*

*2.3. Ý nghĩa của luật*

*2.4. Tình hình thực hiện trong thực tiễn*

**Chương 3: Luật Báo chí năm 1989**

*3.1. Bối cảnh ra đời*

*3.2. Nội dung của luật*

*3.3. Ý nghĩa của luật*

*3.4. Tình hình thực hiện trong thực tiễn và liên hệ với người học*

**Chương 4: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật báo chí năm 1999 (trên cơ sở luật Báo chí năm 1989) và nghị định số 51 của Chính phủ.**

*4.1. Bối cảnh sửa đổi*

*4.2. Những nội dung sửa đổi*

*4.3. Ý nghĩa của luật sửa đổi*

*4.4. Nghị định số 51 hướng dẫn chi tiết thi hành luật Báo chí*

*4.5. Tình hình thực hiện và liên hệ với người học*

**Chương 5: Qui ước đạo đức nghề nghiệp của báo chí Việt Nam**

*5.1. Khái niệm đạo đức*

*5.2. Khái niệm đạo đức báo chí*

*5.3. 9 điều qui định của đạo đức báo chí Việt Nam*

*5.4. Đạo đức báo chí Hồ Chí Minh và bài học vận dụng*

*5.5. Các mối quan hệ ứng xử của nhà báo trong hoạt động thực tiễn*

**Chương 6: Đạo đức báo chí một số nước trên thế giới**

*6.1. Đạo đức báo chí Mỹ*

*6.2. Đạo đức báo chí Anh*

*6.3. Đạo đức báo chí Pháp*

*6.4. Đạo đức báo chí Nga*

*6.5. Đạo đức báo chí Nhật Bản*

*6.6. Điểm tương đồng và khác biệt giữa đạo đức báo chí Việt Nam và một số nước.*

**Chương 7: Tình hình thực hiện luật pháp báo chí truyền thông trong thực tiễn**

*7.1. Những thành tựu cơ bản*

*7.2. Những vi phạm, hạn chế*

7.2.1. Một số cơ quan báo chí vi phạm

7.2.2. Một số nhà báo vi phạm

7.2.3. Cá nhân, tổ chức của xã hội vi phạm đối với báo chí

7.2.4. Cá nhân, tổ chức phản động chống phá luật báo chí

*7.3. Nguyên nhân khách quan và chủ quan của những vi phạm*

*7.4. Giải pháp khắc phục vi phạm*

*7.5. Liên hệ thực tiễn và bản thân*

**Chương 8: Tình hình thực hiện đạo đức nghề nghiệp trong thực tế**

*8.1. Những biểu hiện đạo đức nghề nghiệp tốt*

*8.2. Những biểu hiện vi phạm đạo đức nghề nghiệp*

*8.3. Nguyên nhân khách quan và chủ quan của vi phạm*

*8.4. Giải pháp khắc phục vi phạm*

*8.5. Điểm tương đồng và khác biệt giữa pháp luật và đạo đức báo chí*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**PHƯƠNG PHÁP CƠ BẢN TRONG NGHIÊN CỨU TRUYỀN THÔNG**

(*Research Method in Communication studies*)

1. **Mã học phần**: JOU1151
2. **Số tín chỉ:** 03
3. **Học phần tiên quyết:** JOU1051
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Giảng viên:**

- Đỗ Anh Đức, Tiến sỹ, Đại học KHXH & NV

- Hoàng Thị Thu Hà, Thạc sỹ., Đại học KHXH & NV

- Phạm Hải Chung, Tiến sỹ, Đại học KHXH&NV

1. **Mục tiêu học phần:**

Sau khi kết thúc Học phần sinh viên sẽ nắm được các phương pháp cơ bản và quy trình thực hiện để đánh giá và giải quyết những vấn đề quan trọng trong lĩnh vực truyền thông đại chúng, bao gồm báo chí và quan hệ công chúng, quảng cáo, v.v. đặc biệt là phương pháp điều tra xã hội học (survey) và phân tích nội dung sản phẩm truyền thông (content analysis).

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

* *Kiến thức:*
* Liệt kê được các bước trong quy trình nghiên cứu truyền thông
* Gọi tên được các phương pháp định lượng và định tính phổ biến trong nghiên cứu truyền thông
* Giải thích được quy trình nghiên cứu truyền thông
* Mô tả được các bước thực hiện theo từng phương pháp nghiên cứu
* Phân biệt được nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính
* Trình bày được về tầm quan trọng nghiên cứu truyền thông đối với sự phát triển của báo chí truyền thông nói riêng và sự phát triển của xã hội nói chung.
* *Kỹ năng:*
* Áp dụng các phương pháp nghiên cứu vào thực hiện các bài tập nhóm về các tình huống nghiên cứu cụ thể.
* So sánh các phương pháp nghiên cứu với nhau để thấy được ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp.
* Lý giải về vị trí, vai trò của hoạt động nghiên cứu trong quá trình ra quyết định của các tổ chức báo chí truyền thông.
* *Thái độ:*
* Đánh giá được về một tình huống hay vấn đề mà một tổ chức báo chí truyền thông có thể gặp phải, dựa trên các kiến thức và kĩ năng về nghiên cứu truyền thông được học.
* Thiết kế đề cương nghiên cứu nhằm giải quyết một câu hỏi nghiên cứu cụ thể.
* Đề xuất giải pháp dựa trên kết quả của các bài tập thực hành nghiên cứu cụ thể.

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[7]](#footnote-7) | Liệt kê được các bước trong quy trình nghiên cứu truyền thông | PLO1.2[[8]](#footnote-8), PLO1.3, PLO1.4 |
| CLO2 | Gọi tên được các phương pháp định lượng và định tính phổ biến trong nghiên cứu truyền thông | PLO1.2, PLO1.3, PLO1.4 |
| CLO3 | Giải thích được quy trình nghiên cứu truyền thông | PLO1.2, PLO1.3, PLO1.4 |
| CLO4 | Mô tả được các bước thực hiện theo từng phương pháp nghiên cứu | PLO1.2, PLO1.3, PLO1.4 |
| CLO5 | Phân biệt được nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính | PLO1.2, PLO1.3, PLO1.4 |
| CLO6 | Trình bày được về tầm quan trọng nghiên cứu truyền thông đối với sự phát triển của báo chí truyền thông nói riêng và sự phát triển của xã hội nói chung. | PLO1.2, PLO1.3, PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO7 | Áp dụng các phương pháp nghiên cứu vào thực hiện các bài tập nhóm về các tình huống nghiên cứu cụ thể. | PLO2.1.2  PLO2.1.3  PLO2.1.4  PLO2.1.5  PLO2.2 |
| CLO8 | So sánh các phương pháp nghiên cứu với nhau để thấy được ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp. | PLO2.1.2 |
| CLO9 | Lý giải về vị trí, vai trò của hoạt động nghiên cứu trong quá trình ra quyết định của các tổ chức báo chí truyền thông. | PLO2.1.2  PLO2.1.4 |
| Thái độ | |  |
| CLO10 | Đánh giá được về một tình huống hay vấn đề mà một tổ chức báo chí truyền thông có thể gặp phải, dựa trên các kiến thức và kĩ năng về nghiên cứu truyền thông được học. | PLO2.1.7  PLO2.1.8  PLO3  PLO4 |
| CLO11 | Thiết kế đề cương nghiên cứu nhằm giải quyết một câu hỏi nghiên cứu cụ thể. | PLO2.1.3  PLO3  PLO4 |
| CLO12 | Đề xuất giải pháp dựa trên kết quả của các bài tập thực hành nghiên cứu cụ thể. | PLO2.1.3  PLO2.1.6  PLO3  PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1 | Giới thiệu môn học  Chương 1. Giới thiệu các phương pháp nghiên cứu báo chí truyền thông cơ bản (P1) | Hoàng Thị Minh Thảo (2020), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 2 | Chương 1. Giới thiệu các phương pháp nghiên cứu báo chí truyền thông cơ bản (P2) | Hoàng Thị Minh Thảo (2020), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 3 | Chương 2. Vai trò của công chúng truyền thông và nghiên cứu công chúng truyền thông (P1) | Hoàng Thị Minh Thảo (2020), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 4 | Chương 2. Vai trò của công chúng truyền thông và nghiên cứu công chúng truyền thông (P2) | Hoàng Thị Minh Thảo (2020), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 5 | Chương 3: Phương pháp điều tra xã hội học (P1) | Hoàng Thị Minh Thảo (2020), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)*, Nxb. ĐHQGHN. | Bài tập cá nhân |
| Tuần 6 | Chương 3: Phương pháp điều tra xã hội học (P2) | Hoàng Thị Minh Thảo (2020), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kì | |  |
| Tuần 8 | Chương 3: Phương pháp điều tra xã hội học (P3) | Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2016). *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*. Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 9 | Chương 4: Chủ thể truyền thông – Sản phẩm truyền thông – Khách thể truyền thông (P1) | Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2016). *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*. Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 10 | Chương 4: Chủ thể truyền thông – Sản phẩm truyền thông – Khách thể truyền thông (P2) | Hoàng Thị Minh Thảo (2020), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 11 | Chương 5: Phương pháp phân tích nội dung sản phẩm truyền thông (P1) | Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2016). *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*. Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 12 | Chương 5: Phương pháp phân tích nội dung sản phẩm truyền thông (P2) | Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2016). *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*. Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 13 | Chương 6: Một số phương pháp nghiên cứu truyền thông khác (P1) | Hoàng Thị Minh Thảo (2020), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 14 | Chương 6: Một số phương pháp nghiên cứu truyền thông khác (P2) | Hoàng Thị Minh Thảo (2020), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 15 | Chương 6: Một số phương pháp nghiên cứu truyền thông khác (P3)  Tổng kết môn học | Hoàng Thị Minh Thảo (2020), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

Các yêu cầu của học phần đối với sinh viên như sau:

* Cần đọc, nghiên cứu các tài liệu bắt buộc
* Được khuyến khích đọc thêm tài liệu tham khảo
* Cần nghiêm túc tham gia bài tập nhóm và các thảo luận trên lớp
* Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên
* Có ý thức tự học, tự đọc, tự tìm hiểu thêm về các nội dung của môn học
* Tuyệt đối không đạo văn. Trích dẫn đầy đủ khi làm bài tập/thi.

1. **Phương pháp dạy - học**

* Các phương pháp giảng dạy được sử dụng:
* Thuyết giảng
* Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm (thảo luận, hợp tác làm bài tập nhóm, v.v.)
* Hướng dẫn sinh viên một số phương pháp để tự học (tìm kiếm tài liệu, đọc tài liệu, đánh giá thông tin, ghi chú, v.v.)
* Các phương pháp học tập được sử dụng:
* Sinh viên tự đọc tài liệu.
* Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
* Tham gia các hoạt động nhóm/cá nhân.
* Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập trên nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

* *Kiểm tra – đánh giá thường xuyên (30%)*
* Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia của sinh viên trên lớp.
* Các bài tập: 1 bài kiểm tra viết trên lớp. Thời gian không quá 30 phút. Loại bài tập này thường dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn.
* *Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ*
* Kiểm tra - đánh giá giữa kì: Bài tập lớn hoặc tiểu luận ở tuần thứ 9 của học kỳ ( trọng số 30%)
* Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Bài thi viết hoặc tiểu luận hết môn (trọng số 60%). Lịch thi, kiểm tra (kể cả lịch thi lại):Theo kế hoạch thi học kỳ của Trường. Hoặc, bài tập lớn về phương pháp nghiên cứu đối với một đề tài cụ thể.

1. **Học liệu**

* *Học liệu bắt buộc*
* Hoàng Thị Minh Thảo (2020), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology), Nxb. ĐHQGHN. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2016). *Phương pháp nghiên cứu xã hội học.* Nxb. ĐHQGHN. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* *Học liệu tham khảo*
* Trần Hữu Quang (2015). *Xã hội học báo chí.* Nxb. ĐHQG TP.HCM. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* Nguyễn Quý Thanh (2006). *Xã hội học về dư luận xã hội*. Nxb. ĐHQGHN. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.

1. **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần *Phương pháp cơ bản nghiên cứu truyền thông* cung cấp kiến thức cơ bản về các phương pháp khoa học được sử dụng trong nghiên cứu công chúng truyền thông; đặc điểm, khả năng ứng dụng và hiệu qủa của mỗi phương pháp trong từng tình huống nghiên cứu.

Quy trình học kết hợp lý thuyết, thực hành, tự nghiên cứu giúp sinh viên vận dụng được kiến thức lý luận về công chúng truyền thông, áp dụng các phương pháp phù hợp trong tình huống nghiên cứu cụ thể.

Học phần hữu ích cho quá trình học tập, nghiên cứu khoa học sinh viên; có thể ứng dụng trong thực tiễn tác nghiệp ở những lĩnh vực như báo chí, quan hệ công chúng, và quảng cáo, v.v.

1. **Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1. Giới thiệu các phương pháp nghiên cứu báo chí truyền thông cơ bản**

* 1. Các phương pháp nghiên cứu định lượng:
     1. Khái niệm
     2. Đặc tính
     3. Khả năng ứng dụng
     4. Các phương pháp nghiên cứu định lượng tiêu biểu
  2. Các phương pháp nghiên cứu định tính:
     1. Khái niệm
     2. Đặc tính
     3. Khả năng ứng dụng
     4. Các phương pháp nghiên cứu định tính tiêu biểu

**Chương 2. Vai trò của công chúng truyền thông và nghiên cứu công chúng truyền thông**

* 1. Khái niệm “công chúng truyền thông”
     1. Thuật ngữ
     2. Các quan niệm về công chúng truyền thông
     3. Định nghĩa “Công chúng truyền thông”
     4. Một số khái niệm công cụ khác
  2. Đặc điểm của công chúng truyền thông
     1. Công chúng truyền thông truyền thống
     2. Công chúng truyền thông hiện đại

**Chương 3: Phương pháp điều tra xã hội học**

3.1. Khái niệm, định nghĩa về phương pháp điều tra xã hội học

3.2. Đặc trưng, đặc điểm của phương pháp điều tra xã hội học

3.3. Quy trình thực hiện điều tra xã hội học

3.4. Những vấn đề cần lưu ý khi chọn mẫu cho điều tra xã hội học

3.5. Cách thức tổng hợp, phân tích và trình bày số liệu thu thập được

3.6. Các phần mềm phục vụ cho điều tra xã hội học

3.7 Điều tra xã hội học trực tiếp và điều tra xã hội học trực tuyến

**Chương 4: Chủ thể truyền thông – Sản phẩm truyền thông – Khách thể truyền thông**

* 1. Thông tin tiềm năng và thông tin thực tế
  2. Công chúng tiềm năng và công chúng thực tế
  3. Mối quan hệ giữa Nhà báo – Tác phẩm – Công chúng
  4. Mối quan hệ giữa sản phẩm truyền thông và hiệu quả truyền thông

**Chương 5: Phương pháp phân tích nội dung sản phẩm truyền thông**

5.1. Định nghĩa về phương pháp phân tích nội dung

5.2. Lịch sử hình thành phương pháp phân tích nội dung

5.3. Đặc trưng, đặc điểm của phương pháp nghiên cứu nội dung

5.4. Quy trình thực hiện một nghiên cứu theo phương pháp nghiên cứu nội dung

5.5. Kỹ thuật mã hóa trong việc phân tích nội dung

5.6. Phân tích và trình bày số liệu thu thâp được

**Chương 6: Một số phương pháp nghiên cứu truyền thông khác**

6.1. Phương pháp phỏng vấn nhóm

6.1.1 .Khái niệm

6.1.2. Đặc tính

6.1.3. Các bước thực hiện

6.1.4. Khả năng ứng dụng

6.1.5. Các hình thức phỏng vấn

6.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

6.2.1.Khái niệm

6.2.2.Đặc tính

6.2.3.Các bước thực hiện

6.2.4.Khả năng ứng dụng

6.2.5.Các hình thức phỏng vấn

6.3.Phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp

6.3.1.Phương pháp phân tích tài liệu

6.3.2.Khái niệm

6.3.3.Đặc tính

6.3.4.Các bước thực hiện

6.3.5.Khả năng ứng dụng

6.4.Phương pháp nghiên cứu trường hợp

6.4.1..Phương pháp phân tích tài liệu

6.4.2.Khái niệm

6.4.3.Đặc tính

6.4.4.Các bước thực hiện

6.4.5.Khả năng ứng dụng

6.5. Phương pháp phân tích hình ảnh

6.5.1..Phương pháp phân tích tài liệu

6.5.2.Khái niệm

6.5.3.Đặc tính

6.5.4.Các bước thực hiện

6.5.5.Khả năng ứng dụng

6.6. Phương pháp quan sát trực tiếp

6.6.1.Khái niệm

6.6.2.Đặc tính

6.6.3.Các bước thực hiện

6.6.4.Khả năng ứng dụng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ NỘI DUNG TẠP CHÍ IN VÀ ĐIỆN TỬ**

*(Design and management of printed and e-magazines content)*

1. **Mã học phần**: JOU1152
2. **Số tín chỉ**: 03
3. **Học phần tiên quyết**: JOU1051
4. **Ngôn ngữ giảng dạy**: Tiếng Việt
5. **Giảng viên**:

Vũ Trà My, Giảng viên, Thạc sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Phan Văn Kiền, Giảng viên, Thạc sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

1. **Mục tiêu của học phần** (kiến thức, kĩ năng, thái độ):

Học phầncung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về loại hình tạp chí. Sinh viên hoàn thành học phầncó thể nắm được những nguyên tắc chung về tổ chức nội dung và thiết kế hình thức cho một tạp chí phù hợp với tôn chỉ mục đích và đối tượng phục vụ của tạp chí; đồng thời có thể xây dựng được nội dung và hình thức của một số trang hoặc chuyên mục nhất định trên tạp chí; sinh viên có kỹ năng phân loại tạp chí điện tử, tổ chức sản xuất một số phần nội dung trên tạp chí điện tử thuộc nhóm thông tin giải trí và chỉ dẫn.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần** (kiến thức, kĩ năng, thái độ):

**Sau khi kết thúc học phần, người học có thể**

***Về kiến thức****:*

- Biết được sự ra đời và quá trình phát triển của tạp chí thế giới và ở Việt Nam qua từng giai đoạn

- Phân tích, đánh giá được về nghệ thuật tổ chức làm tạp chí của một số tờ tạp chí, bằng góc nhìn của báo chí học; tổ chức sản xuất nội dung tạp chí điện tử

* Lý giải được một số vấn đề cần thiết trong quá trình thiết kế tạp chí

***Về kỹ năng:***

* Phân tích được việc tổ chức thiết kế tạp chí hiện thời theo từng nhóm
* Có thể xây dựng được hệ thống chuyên mục cho một số tạp chí cụ thể
* Có thể thiết kế được trang bìa một và trang bìa lót tạp chí sau khi đã học lý thuyết
* Tổ chức sản xuất được một số nội dung trên tạp chí điện tử nhóm thông tin giải trí và chỉ dẫn

***Về thái độ*:**

* Đây là học phần kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, đòi hỏi sinh viên cần có tính sáng tạo trong thực hành
* Tập trung trong quá trình làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập được giao.

**8. Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1 | Biết được sự ra đời và quá trình phát triển của tạp chí thế giới và ở Việt Nam qua từng giai đoạn | PLO1.4 |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được về nghệ thuật tổ chức làm tạp chí của một số tờ tạp chí, bằng góc nhìn của báo chí học; tổ chức sản xuất nội dung tạp chí điện tử | PLO1.3 |
| CLO3 | Lý giải được một số vấn đề cần thiết trong quá trình thiết kế tạp chí | PLO 1.3 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Phân tích được việc tổ chức thiết kế tạp chí hiện thời theo từng nhóm | PLO 2.1.1 |
| CLO5 | Có thể xây dựng được hệ thống chuyên mục cho một số tạp chí cụ thể | PLO 2.1.2 |
| CLO6 | Có thể thiết kế được trang bìa một và trang bìa lót tạp chí sau khi đã học lý thuyết. | PLO 2.1.3 |
| CLO7 | * Tổ chức sản xuất được một số nội dung trên tạp chí điện tử nhóm thông tin giải trí và chỉ dẫn | PLO 2.1.6 |
| Thái độ | |  |
| CLO8 | Tính sáng tạo trong thực hành | PLO 3.1 |
| CLO9 | Tập trung trong quá trình làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập được giao. | PLO 3.2 |
|  |  |  |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | Chương 1 (phần 1) | -Bài giảng của giảng viên  Hà Huy Phượng, Tổ chức nội dung và thiết kế trình bày báo in, Nxb Lý luận chính trị, 2006, Hà Nội. |  |
| Tuần 2 | Chương 1 (phần 2) | -Bài giảng của giảng viên  Hà Huy Phượng, Tổ chức nội dung và thiết kế trình bày báo in, Nxb Lý luận chính trị, 2006, Hà Nội.  . |  |
| Tuần 3 | Chương 1 (phần 3) | Bài giảng của giảng viên  Hà Huy Phượng, Tổ chức nội dung và thiết kế trình bày báo in, Nxb Lý luận chính trị, 2006, Hà Nội. |  |
| Tuần 4 | Chương 2 (phần 1) | Bài giảng của giảng viên  Richard Koci Hernandez and Jeremy Rue (2016), The Principles of Multimedia Journalism - Packaging Digital News, Routledge, London |  |
| Tuần 5: | Chương 2 (phần 2) | Bài giảng của giảng viên  Richard Koci Hernandez and Jeremy Rue (2016), The Principles of Multimedia Journalism - Packaging Digital News, Routledge, London |  |
| Tuần 6 | Chương 2 (phần 3) | Bài giảng của giảng viên  Richard Koci Hernandez and Jeremy Rue (2016), The Principles of Multimedia Journalism - Packaging Digital News, Routledge, London |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kỳ |  |  |
| Tuần 8 | Chương 3 (phần 1) | Bài giảng của giảng viên  -. Josephson, Sheree; Kelly, James D.; Smith, Ken, Handbook of visual communication : theory, methods, and media. (2nd ed.), Nxb Routledge, 2021. |  |
| Tuần 9 | Chương 3 (phần 2) | Bài giảng của giảng viên  Josephson, Sheree; Kelly, James D.; Smith, Ken, Handbook of visual communication : theory, methods, and media. (2nd ed.), Nxb Routledge, 2021. |  |
| Tuần 10 | Chương 3 (phần 3) | Bài giảng của giảng viên  Tạ Ngọc Tấn, Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H., 2020. |  |
| Tuần 11 | Chương 4 (phần 1) | Bài giảng của giảng viên  Tạ Ngọc Tấn, Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H., 2020.. |  |
| Tuần 12 | Chương 4 (phần 2) | Bài giảng của giảng viên  Tạ Ngọc Tấn, Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H., 2020. |  |
| Tuần 13 | Chương 5 (phần 1) | Bài giảng của giảng viên  Vũ Quang Hào. Nghĩ đột phá format cho báo chí, Nxb Thông tấn, 2020..  -. |  |
| Tuần 14 | Chương 5 (phần 2) | Bài giảng của giảng viên  Vũ Quang Hào. Nghĩ đột phá format cho báo chí, Nxb Thông tấn, 2020.. |  |
| Tuần 15 | Tổng kết |  |  |

1. **Các yêu cầu với học phần:**

Sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên

1. **Phương pháp dạy-học:**

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

+ Thuyết giảng

+ Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng.

+ Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm.

+ Mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom)

Các phương pháp học tập gồm:

+ Sinh viên tự đọc tài liệu.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.

+ Sinh viên xem các video bài giảng trên website của khoá học.

+ Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

+ Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

12.**. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**:

*12.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên*

- Chuyên cần: Trọng số 10%. Căn cứ vào sự có mặt và tham gia phát biểu của người học trên lớp. Nếu có mặt 100% nhưng không tham gia phát biểu thì được 8/10. Cứ tham gia phát biểu 2 lần được tính thêm 1 điểm thường xuyên nhưng tổng số điểm có mặt và điểm phát biểu không quá 10 điểm. Việc ghi chép số lần phát biểu, điểm danh có mặt do thư ký điểm danh của lớp học phần(Do Giảng viên chỉ định từ buổi học đầu tiên)

*12.2. Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Tính chất của nội dung kiểm tra** | **Mục đích kiểm tra** | **Trọng số** |
| Bài tập giữa kỳ | Bài tập kết hợp lý luận và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá khả năng ứng dụng lý thuyết và thực tiễn, năng lực làm việc cá nhân, làm việc nhóm | 30% |
| Bài thi hoặc tiểu luận hết môn | Kết hợp lý luận và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá mức độ nắm vững lý thuyết, tư duy lý luận, khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tế một cách linh hoạt và có hệ thống. | 60% |
| Bài tập thường xuyên, chuyên cần. | Thường dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn. | Đánh giá ý thức tự học, khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy lý luận và kĩ năng lập luận trình bày | 10% |

*12..3. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập*

*13.3.1. Bài tập thường xuyên:* Thường dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn. Các tiêu chí đánh giá các loại bài tập này có thể bao gồm:

- *Nội dung:*

+ Thực hiện được việc tổng hợp, đánh giá các vấn đề cơ bản trong việc tổ chức nội dung tạp chí in và điện tử

+ Phân tích, đánh giá, so sánh, các trường hợp, đặc thù riêng của từng loại hình, từng loại nội dung tạp chí in và điện tử

- *Hình thức:*

+ Bố cục hợp lý, ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, không dài quá so với quy định của giảng viên.

Ngoài ra, tùy loại vấn đề mà giảng viên có thể có các tiêu chí đánh giá riêng.

*13.3.2. Loại bài tập giữa kì:*

Là bài tập bước đầu phát triển kỹ năng kết hợp trong nhóm làm việc của người học – phóng viên tương lai, do đó chú trọng đến khả năng tổ chức nhóm và khả năng giải quyết các công việc được giao. Cụ thể:

- Có danh sách nhóm, nhiệm vụ của từng cá nhân và nhóm trưởng điều phối

- Quá trình làm việc của nhóm, giải quyết các tình huống phát sinh

- Sản phẩm tổng hợp cuối cùng của nhóm

- Những ý kiến sáng tạo cải tiến công việc trong thực tế

Do yêu cầu đặc thù của loại bài tập này nên tiêu chí đánh giá bài tập nhóm có thể được thể hiện qua báo cáo theo mẫu sau:

*Trường ĐHKHXH&NV*

*Khoa Báo chí và Truyền thông*

*Báo cáo kết quả nghiên cứu nhóm*

*Vấn đề nghiên cứu:*

*1/ Danh sách nhóm và các nhiệm vụ được phân công.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Họ và tên* | *Nhiệm vụ được phân công* | *Ghi chú* |
| *1.* | *Nguyễn Văn A* |  | *Nhóm trưởng…* |
| *2.* | *…* | *….* |  |

*2/ Quá trình làm việc của nhóm (miêu tả các buổi họp, có thể có biên bản kèm theo).*

*3/ Tổng hợp kết quả làm việc theo nhóm.*

*4/ Kiến nghị, đề xuất (nếu có).*

*Nhóm trưởng*

*(Kí tên)*

*13.3.3. Cấu trúc của đề thi đánh giá cuối kỳ (dành cho các môn thi tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm và tự luận: nêu rõ số lượng câu hỏi, sự phân bổ câu hỏi ở các nội dung môn học, thời lượng làm bài)*

+ Thể hiện được nội dung, chủ để trọng tâm

+ Có bằng chứng, trích dẫn rõ ràng, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, tầm quan trọng của từng nhóm vấn đề; khả năng sáng tạo, vận dụng trong hoạt động thực tiễn.

+ Có bằng chứng cụ thể về việc sử dụng các tài liệu, các công nghệ phương pháp, giải pháp do giảng viên hướng dẫn.

+ Bố cục hợp lý, ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, trình bày rõ ràng.

**13. Học liệu:**

- Hà Huy Phượng, *Tổ chức nội dung và thiết kế trình bày báo in*, Nxb Lý luận chính trị, 2006, Hà Nội

- Richard Koci Hernandez and Jeremy Rue (2016), *The Principles of Multimedia Journalism - Packaging Digital News*, Routledge, London

***Học liệu tham khảo :***

-Vũ Quang Hào. Nghĩ đột phá format cho báo chí, Nxb Thông tấn, 2020.

-Tạ Ngọc Tấn, Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H., 2020.

**14. Tóm tắt nội dung học phần:**

*Tổ chức và quản trị nội dung tạp chí in và điện tử* là học phầncung cấp những kiến thức cơ bản về loại hình tạp chí trong hoạt động báo chí ; phân biệt sự giống và khác nhau giữa các loại tạp chí in và điện tử và giữa các nhóm tạp chí về phương diện nội dung. Học phần trang bị những phương pháp và kỹ năng để xây dựng chiến lược nội dung, tổ chức nội dung từng chuyên trang chuyên mục, thiết kế trang bìa trang nội dung đối với tạp chí in, thiết kế giao diện và trang thứ cấp đối với tạp chí điện tử.

Học phần cũng giúp sinh viên trang bị kiến thức và kỹ năng trong việc quản trị, duy trì và quảng bá tạp chí, phát huy tối đa ưu thế loại hình trong hoạt động truyền thông.

**15.** **Nội dung chi tiết học phần:**

# **Chương một: Khái niệm cơ bản và những vấn đề chung về tạp chí**

1.1.Quan niệm về tạp chí trên thế giới và Việt Nam

1.2. Khái quát lịch sử ra đời và phát triển của tạp chí ở Việt Nam

1.3. Sự khác nhau giữa báo và tạp chí

1.3.1. Về tính chất và mức độ thông tin

1.3.2. Về ngôn ngữ thể hiện

1.3.3. Về tính định kỳ

1.3.4. Khác nhau về đối tượng bạn đọc.

1.4. Tạp chí điện tử khái niệm và nhận diện

**Chương hai : Các dòng tạp chí và phong cách**

2.1. Dòng tạp chí trong lịch sử phát triển của báo chí Việt Nam

2.2. Dòng tạp chí nghiên cứu chuyên sâu

2.3 Dòng tạp chí giải trí – chỉ dẫn

2.4. Dòng tạp chí thông tin tổng hợp (đặc san)

2.5. Dòng tạp chí dành cho đối tượng chuyên biệt

# **Chương ba: Tổ chức nội dung cho tạp chí**

3.1. Xác định tôn chỉ mục đích

3.2. Xác định đối tượng bạn đọc.

3.3. Tổ chức nội dung tạp chí in

3.3.1. Hệ thống chuyên mục

3.3.2. Trang bìa

3.3.3. Trang chuyên đề

3.3.4. Trang nội dung

# 3.4. Tổ chức nội dung tạp chí điện tử

3.4.1. Hệ thống chuyên mục

3.4.2. Trang chủ

3.4.3. Trang thứ cấp

3.4.4. Sơ đồ tổng thể và liên kết trang

# Chương bốn: Những nguyên tắc và thành tố cơ bản trong thiết kế tạp chí in

4.1. Ba nguyên tắc khi thiết kế xây dựng tạp chí

4.1.1. Tính thông tin

4.1.2. Tính khoa học

4.2.3.Tính tiện ích.

4.1.4. Tính nghệ thuật

4.2. Ngôn ngữ văn tự.

4.3. Ngôn ngữ phi văn tự.

4.4. Nguyên tắc thiết kế và trình bày

4.4.1. Nguyên tắc cân đối

4.4.2. Nguyên tắc đậm nhạt tương phản

4.4.3. Nguyên tắc mảng khối

4.4.4. Nguyên tắc đường nét

4.4.5. Nguyên tắc phá thế.

4.4.6. Nguyên tắc nhắc lại

4.5. Lập kế hoạch và thiết kế tổng thể nội dung tạp chí điện tử

**Chương năm: Nguyên tắc và công cụ thiết kế nội dung tạp chí điện tử**

5.1. Đặc trưng loại hình thông tin điện tử

5.1.1. Nguyên tắc thị giác đối với giao diện điện tử

5.1.2. Phi tuyến tính và phi định kỳ

5.1.3. Tính tương tác

5.1.4. Tính đa phương tiện

5.1.5. Tính liên kết và siêu liên kết

5.2. Công cụ thiết kế nội dung đa phương tiện\

5.2.1. Text

5.2.2. Ảnh

5.2.3. Đồ họa tĩnh

5.2.4. Video và audio

5.2.5. Đồ họa động

5.3. Tổ chức nội dung theo từ khóa và phân loại lưu trữ

5.4. Thiết kế điều hướng, nút tương tác và chỉ dẫn bằng màu sắc

5.5. Lập kế hoạch nội dung và thiết kế trang chủ tạp chí điện tử.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG**

*(Organization and Operation of Media Agencies)*

1. **Mã học phần: JOU3046**
2. **Số tín chỉ:** 02
3. **Học phần tiên quyết:** JOU1051
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Giảng viên:**

- Đinh Văn Hường, PGS.TS., Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

- Dương Văn Thắng, Tiến sỹ, Tạp chí Bảo hiểm xã hội

- Vũ Kim Hoa, Tiến sỹ, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

1. **Mục tiêu học phần:**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bộ máy tòa soạn các cơ quan báo chí truyền thông, giúp cho sinh viên hiểu được chức trách của từng bộ phận, nhân sự trong quy trình vận hành của một cơ quan báo chí truyền thông khâu lập kế hoạch tổ chức sản xuất, biên tập…; Học phần giúp người học nắm rõ đặc điểm lao động nghề nghiệp, phương tiện làm việc và nguồn tin của phóng viên... Từ đó, người học sẽ có kỹ năng làm việc để thích ứng và hòa nhập nhanh với thực tiễn nghề nghiệp ngay cả khi học tập, thực tập và sau khi ra trường..

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

* *Kiến thức*
* Mô tả được về bộ máy tòa soạn báo chí truyền thông (báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử, hãng tin tức) của nước ta và một số nước khác (để tham khảo).
* Trình bày được vị trí, trách nhiệm và công việc của từng bộ phận trong mỗi mô hình tổ chức báo chí truyền thông.
* Giải thích được về tính độc lập và tính tương tác giữa các bộ phận trong mỗi mô hình tổ chức báo chí truyền thông.
* *Kỹ năng*
* Vận dụng kiến thức về tổ chức và hoạt động cơ quan báo chí truyền thông vào tổ chức hoạt động nhóm để sáng tạo sản phẩm báo chí truyền thông.
* So sánh cách tổ chức của các cơ quan báo chí truyền thông thuộc các mô hình khác nhau.
* Phân tích ảnh hưởng của cách tổ chức và hoạt động của cơ quan BCTT tới lao động sáng tạo của nhà báo.
* *Thái độ*
* Đánh giá ưu điểm và hạn chế của từng mô hình tổ chức và hoạt động cơ quan báo chí truyền thông trong liên hệ tới lao động sáng tạo của nhà báo.
* Đề xuất giải pháp cho những hạn chế trên.

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[9]](#footnote-9) | Mô tả được về bộ máy tòa soạn báo chí truyền thông (báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử, hãng tin tức) của nước ta và một số nước khác (để tham khảo). | PLO1.4[[10]](#footnote-10) |
| CLO2 | Trình bày được vị trí, trách nhiệm và công việc của từng bộ phận trong mỗi mô hình tổ chức báo chí truyền thông. | PLO1.4 |
| CLO3 | Giải thích được về tính độc lập và tính tương tác giữa các bộ phận trong mỗi mô hình tổ chức báo chí truyền thông. | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Vận dụng kiến thức về tổ chức và hoạt động cơ quan báo chí truyền thông vào tổ chức hoạt động nhóm để sáng tạo sản phẩm báo chí truyền thông. | PLO2.1.2  PLO2.1.4  PLO2.1.5  PLO2.2 |
| CLO5 | So sánh cách tổ chức của các cơ quan báo chí truyền thông thuộc các mô hình khác nhau. | PLO2.1.2  PLO2.1.4 |
| CLO6 | Phân tích ảnh hưởng của cách tổ chức và hoạt động của cơ quan BCTT tới lao động sáng tạo của nhà báo. | PLO2.1.2  PLO2.1.4 |
| Thái độ | |  |
| CLO7 | Đánh giá ưu điểm và hạn chế của từng mô hình tổ chức và hoạt động cơ quan báo chí truyền thông trong liên hệ tới lao động sáng tạo của nhà báo. | PLO2.1.7  PLO2.1.8  PLO3  PLO4 |
| CLO8 | Đề xuất giải pháp cho những hạn chế trên. | PLO2.1.6  PLO2.1.8  PLO3  PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1 | Giới thiệu môn học  Chương 1: Cơ quan báo chí truyền thông | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 2 | Chương 1: Cơ quan báo chí truyền thông (tiếp) | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 3 | Chương 2: Tổ chức bộ máy tòa soạn báo in | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 4 | Chương 3: Tổ chức bộ máy báo phát thanh | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 5 | Chương 4: Tổ chức bộ máy đài truyền hình | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 6 | Chương 5: Tổ chức bộ máy báo điện tử | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kì | |  |
| Tuần 8 | Chương 6: Tổ chức bộ máy hãng thông tấn | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 9 | Chương 6: Tổ chức bộ máy hãng thông tấn (tiếp) | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 10 | Chương 7: Đặc điểm lao động báo chí ở cơ quan báo chí truyền thông | Bùi Chí Trung (2017), *Kinh tế báo chí*, Nxb. Chính trị quốc gia. |  |
| Tuần 11 | Chương 7: Đặc điểm lao động báo chí ở cơ quan báo chí truyền thông (tiếp) | Bùi Chí Trung (2017), *Kinh tế báo chí*, Nxb. Chính trị quốc gia. |  |
| Tuần 12 | Chương 8: Công tác phóng viên | Bùi Chí Trung (2017), *Kinh tế báo chí*, Nxb. Chính trị quốc gia. |  |
| Tuần 13 | Chương 8: Công tác phóng viên (tiếp) | Bùi Chí Trung (2017), *Kinh tế báo chí*, Nxb. Chính trị quốc gia. |  |
| Tuần 14 | Chương 9. Công tác kế hoạch của cơ quan báo chí truyền thông | Bùi Chí Trung (2017), *Kinh tế báo chí*, Nxb. Chính trị quốc gia. |  |
| Tuần 15 | Chương 9. Công tác kế hoạch của cơ quan báo chí truyền thông (tiếp)  Tổng kết môn học | Bùi Chí Trung (2017), *Kinh tế báo chí*, Nxb. Chính trị quốc gia. |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

Các yêu cầu của học phần đối với sinh viên như sau:

* Cần đọc, nghiên cứu các tài liệu bắt buộc
* Được khuyến khích đọc thêm tài liệu tham khảo
* Cần nghiêm túc tham gia bài tập nhóm và các thảo luận trên lớp
* Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên
* Có ý thức tự học, tự đọc, tự tìm hiểu thêm về các nội dung của môn học
* Tuyệt đối không đạo văn. Trích dẫn đầy đủ khi làm bài tập/thi.

1. **Phương pháp dạy - học**

* Các phương pháp giảng dạy được sử dụng:
* Thuyết giảng
* Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm (thảo luận, hợp tác làm bài tập nhóm, v.v.)
* Hướng dẫn sinh viên một số phương pháp để tự học (tìm kiếm tài liệu, đọc tài liệu, đánh giá thông tin, ghi chú, v.v.)
* Các phương pháp học tập được sử dụng:
* Sinh viên tự đọc tài liệu.
* Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
* Tham gia các hoạt động nhóm/cá nhân.
* Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập trên nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

* *Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: 10%*
* Điểm danh để đánh giá chuyên cần
* *Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ*
* Giữa kỳ: kiểm tra viết (30%)
* Cuối kỳ: thi viết trên lớp hoặc làm tiểu luận (do giảng viên quyết định tùy theo tình hình thực tế) (60%)

1. **Học liệu**

* *Học liệu bắt buộc*
* Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* Bùi Chí Trung (2017), *Kinh tế báo chí*, Nxb. Chính trị quốc gia. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.

*Học liệu tham khảo:*

1. Đinh Văn Hường (2006). *Tổ chức và hoạt động của tòa soạn*. Nxb. ĐHQGHN. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
2. Nguyễn Quang Hòa (2002). *Phóng viên và tòa soạn*. Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội. Có tại phòng Tư liệu Viện ĐT BCTT.
3. **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần *Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông* cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bộ máy tòa soạn các cơ quan báo chí, bao gồm: cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ; công tác phóng viên; biên tập viên; cộng tác viên; tổ chức biên tập, sản xuất, lập kế hoạch; đặc điểm lao động nghề nghiệp, phương tiện làm việc và nguồn tin của phóng viên... Từ những hiểu biết công việc “bếp núc” đó, người học sẽ có điều kiện tham gia học việc, học nghề, thực tế, thực tập ở các cơ quan báo chí và hòa nhập nhanh vào “làng báo” khi học tập và sau khi ra trường.

1. **Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1: Cơ quan báo chí truyền thông**

1.1. Quan niệm về cơ quan báo chí truyền thông

1.2. Điều kiện thành lập cơ quan báo chí truyền thông

1.3. Điều kiện để cơ quan báo chí truyền thông hoạt động

**Chương 2: Tổ chức bộ máy tòa soạn báo in**

2.1. Ban lãnh đạo tòa soạn

2.2. Các ban (phòng) chuyên môn của tòa soạn

2.3. Ban thư ký và thư ký tòa soạn

2.4. Các ban (phòng) hành chính - trị sự

2.5. Bộ phận ngoài tòa soạn (văn phòng đại diện, phóng viên thường trú, nhà in)

2.6. Qui trình sản xuất báo in

**Chương 3: Tổ chức bộ máy báo phát thanh**

3.1. Tổng quan về hệ thống phát thanh Việt Nam hiện nay

3.2. Tổ chức bộ máy đài phát thanh các cấp

3.3. Qui trình sản xuất các sản phẩm phát thanh

**Chương 4: Tổ chức bộ máy đài truyền hình**

4.1. Tổng quan về hệ thống truyền hình Việt Nam

4.2. Tổ chức bộ máy đài truyền hình các cấp

4.3. Qui trình sản xuất các sản phẩm truyền hình

**Chương 5: Tổ chức bộ máy báo điện tử**

5.1. Tổng quan về hệ thống báo điện tử Việt Nam

5.2. Tổ chức bộ máy báo điện tử

5.3. Qui trình làm báo điện tử

**Chương 6: Tổ chức bộ máy hãng thông tấn**

6.1. Tổng quan về hệ thống các hãng tin tức lớn trên thế giới

6.2. Tổ chức bộ máy thông tấn xã Việt Nam (TTXVN)

6.3. Qui trình sản xuất các sản phẩm TTXVN

6.4. Mối quan hệ giữa TTXVN với các cơ quan báo chí khác.

**Chương 7: Đặc điểm lao động báo chí ở cơ quan báo chí truyền thông**

7.1 Thể hiện quan điểm chính trị - tư tưởng của giai cấp

7.2. Thể hiện mối quan hệ cá nhân - tập thể

7.3. Gắn với quá trình sản xuất và sáng tạo

7.4. Kết hợp yếu tố toàn diện và chuyên sâu

7.5. Hoạt động theo định kỳ

**Chương 8: Công tác phóng viên**

8.1. Một số khái niệm

8.2. Các chức danh phóng viên do Nhà nước qui định

8.3. Phóng viên thường trú

8.4. Phóng viên đặc biệt (đặc phái viên)

8.5. Phương tiện làm việc và nguồn tin của phóng viên

8.6. Người phát ngôn báo chí

**Chương 9. Công tác kế hoạch của cơ quan báo chí truyền thông**

9.1. Ý nghĩa của công tác kế hoạch

9.2. Những yêu cầu đối với việc lập kế hoạch

9.3. Hệ thống kế hoạch

9.4. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**LỊCH SỬ BÁO CHÍ VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI**

(*The world and Vietnam’s history of journalism)*

1. **Mã học phần:** JOU3041
2. **Số tín chỉ:** 04
3. **Học phần tiên quyết:** JOU1051
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Giảng viên:**

Nguyễn Cẩm Ngọc, Tiến sỹ, Đại học KHXH&NV

Hoàng Thị Thu Hà, Thạc sỹ, Đại học KHXH&NV

1. **Mục tiêu của học phần:**

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của báo chí và truyền thông trên thế giới và cụ thể tại Việt Nam, cũng như các vấn đề chính của báo chí – truyền thông đương đại.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):**

Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

* Kiến thức:
* Liệt kê được các giai đoạn phát triển của lịch sử báo chí – truyền thông trên thế giới và tại Việt Nam với những dấu mốc quan trọng.
* Cho ví dụ được về một số tổ chức báo chí – truyền thông lớn trên thế giới và tại Việt Nam.
* So sánh sự giống và khác giữa các giai đoạn phát triển của lịch sử báo chí – truyền thông trên thế giới và Việt Nam.
* Kỹ năng:
* Vận dụng các kiến thức về sự phát triển của báo chí – truyền thông qua các giai đoạn lịch sử để phân tích một số vấn đề của báo chí – truyền thông đương đại.
* Áp dụng được kiến thức về lịch sử để lí giải và so sánh việc tổ chức trang báo của một số tờ báo tiêu biểu của Việt Nam hiện nay.
* Phân tích được sự tác động của công nghệ truyền thông tới bối cảnh xã hội, từ đó tạo ra những thay đổi quan trọng trong cách thức con người truyền thông nói chung và trong cách thức thu thập tin tức và làm tin, bài của nhà báo nói riêng.
* Lí giải được về nội dung và nghệ thuật làm báo của một số tờ báo, nhóm báo nổi bật qua các giai đoạn phát triển của lịch sử báo chí tại Việt Nam.
* Thái độ
* Bình luận về ảnh hưởng của các công nghệ truyền thông tới sự phát triển của báo chí – truyền thông hiện đại.
  + Đánh giá về nội dung và nghệ thuật làm báo của một số tờ báo, nhóm báo nổi bật qua các giai đoạn phát triển của lịch sử báo chí Việt Nam.
  + Đánh giá các vấn đề cơ bản của báo chí – truyền thông đương đại dựa trên các kiến thức tổng hợp về lịch sử báo chí – truyền thông tại Việt Nam và trên thế giới.

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[11]](#footnote-11) | Liệt kê được các giai đoạn phát triển của lịch sử báo chí – truyền thông trên thế giới và tại Việt Nam với những dấu mốc quan trọng. | PLO1.3[[12]](#footnote-12) |
| CLO2 | Cho ví dụ được về một số tổ chức báo chí – truyền thông lớn trên thế giới và tại Việt Nam. | PLO1.3 |
| CLO3 | So sánh sự giống và khác giữa các giai đoạn phát triển của lịch sử báo chí – truyền thông trên thế giới và Việt Nam | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Vận dụng các kiến thức về sự phát triển của báo chí – truyền thông qua các giai đoạn lịch sử để phân tích một số vấn đề của báo chí – truyền thông đương đại. | PLO2.1.2  PLO2.1.5  PLO2.2.1 |
| CLO5 | Áp dụng được kiến thức về lịch sử để lí giải và so sánh việc tổ chức trang báo của một số tờ báo tiêu biểu của Việt Nam hiện nay. | PLO2.1.5 |
| CLO6 | Phân tích được sự tác động của công nghệ truyền thông tới bối cảnh xã hội, từ đó tạo ra những thay đổi quan trọng trong cách thức con người truyền thông nói chung và trong cách thức thu thập tin tức và làm tin, bài của nhà báo nói riêng. | PLO2.1.4  PLO2.2.2  PLO2.1.7 |
| CLO7 | Lí giải được về nội dung và nghệ thuật làm báo của một số tờ báo, nhóm báo nổi bật qua các giai đoạn phát triển của lịch sử báo chí tại Việt Nam. | PLO2.1.2 |
| Thái độ | |  |
| CLO8 | Bình luận về ảnh hưởng của các công nghệ truyền thông tới sự phát triển của báo chí – truyền thông hiện đại. | PLO2.1.2  PLO3.1  PLO4 |
| CLO9 | Đánh giá về nội dung và nghệ thuật làm báo của một số tờ báo, nhóm báo nổi bật qua các giai đoạn phát triển của lịch sử báo chí Việt Nam. | PLO2.1.2  PLO3.1 |
| CLO10 | Đánh giá các vấn đề cơ bản của báo chí – truyền thông đương đại dựa trên các kiến thức tổng hợp về lịch sử báo chí – truyền thông tại Việt Nam và trên thế giới. | PLO2.1.4  PLO3.1 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1 | Giới thiệu môn học  Chương 1. Thời kì tiền đại chúng (phần 1): Chữ viết truyền tải thông điệp | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Giáo trình lịch sử báo chí (tập 1)*, Nxb. Học viện Báo chí và Tuyên truyền.  Pierre Albert (2003), *Lịch sử báo chí*, Nxb. Thế giới. |  |
| Tuần 2 | Chương 2. Thời kì tiền đại chúng (phần 2): Công nghệ ấn loát và sự ra đời của những tờ báo đầu tiên | Pierre Albert (2003), *Lịch sử báo chí*, Nxb. Thế giới. |  |
| Tuần 3 | Chương 3. Thời kì đại chúng (phần 1): Các phương tiện truyền thông đại chúng bắt đầu phát triển | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Giáo trình lịch sử báo chí (tập 1)*, Nxb. Học viện Báo chí và Tuyên truyền. |  |
| Tuần 4 | Chương 4. Thời kì đại chúng (phần 2): Các phương tiện truyền thông đại chúng phát triển mạnh mẽ | Pierre Albert (2003), *Lịch sử báo chí*, Nxb. Thế giới. |  |
| Tuần 5 | Chương 5. Thời kì đại chúng (phần 3): Sự phát triển của các phương tiện truyền thông mới (new media) | Pierre Albert (2003), *Lịch sử báo chí*, Nxb. Thế giới. |  |
| Tuần 6 | Chương 6. Một số vấn đề của báo chí – truyền thông đương đại | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Giáo trình lịch sử báo chí (tập 1)*, Nxb. Học viện Báo chí và Tuyên truyền.  Phạm Thị Thanh Tịnh (2011), *Lịch sử báo chí thế giới*, Nxb. Chính trị - Hành chính. |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kì | |  |
| Tuần 8 | Chương 7: Những đặc điểm cơ bản của báo chí Việt Nam từ 1865 – 1945 | Lưu Đình Tuân (2019), *Việt Nam qua tuần san Indochine 1941-1944*, Nxb. Thế giới.  Đỗ Quang Hưng (CB) (2000), *Lịch sử báo chí Việt Nam* 1865 – 1945, Nxb ĐHQG HN. |  |
| Tuần 9 | Chương 8: Báo chí Nam Kỳ từ 1865 – đầu thế kỷ XX | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Giáo trình lịch sử báo chí (tập 1)*, Nxb. Học viện Báo chí và Tuyên truyền.  Đỗ Quang Hưng (CB) (2000), *Lịch sử báo chí Việt Nam* 1865 – 1945, Nxb ĐHQG HN. |  |
| Tuần 10 | Chương 9: Báo chí Bắc Kỳ - từ những tờ báo đầu tiên tới thời kỳ báo chí nô dịch | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Giáo trình lịch sử báo chí (tập 1)*, Nxb. Học viện Báo chí và Tuyên truyền.  Đỗ Quang Hưng (CB) (2000), *Lịch sử báo chí Việt Nam* 1865 – 1945, Nxb ĐHQG HN. |  |
| Tuần 11 | Chương 10: Báo chí Việt Nam từ 1919 tới 1925 | Đỗ Quang Hưng (CB) (2000), *Lịch sử báo chí Việt Nam* 1865 – 1945, Nxb ĐHQG HN. |  |
| Tuần 12 | Chương 11: Báo chí Việt Nam từ 1925 tới 1945 | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Giáo trình lịch sử báo chí (tập 1)*, Nxb. Học viện Báo chí và Tuyên truyền.  Lưu Đình Tuân (2019), *Việt Nam qua tuần san Indochine 1941-1944*, Nxb. Thế giới. |  |
| Tuần 13 | Chương 12: Báo chí Việt Nam từ 1945 – 1975 | Lưu Đình Tuân (2019), *Việt Nam qua tuần san Indochine 1941-1944*, Nxb. Thế giới. | Kiểm tra-đánh giá thường xuyên trên lớp |
| Tuần 14 | Chương 12: Báo chí Việt Nam từ 1945 – 1975 (tiếp) | Lưu Đình Tuân (2019), *Việt Nam qua tuần san Indochine 1941-1944*, Nxb. Thế giới. |  |
| Tuần 15 | Chương 13: Báo chí Việt Nam từ 1975 đến nay  Tổng kết môn học | Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Giáo trình lịch sử báo chí (tập 1)*, Nxb. Học viện Báo chí và Tuyên truyền. |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

Các yêu cầu của học phần đối với sinh viên như sau:

* Cần đọc, nghiên cứu các tài liệu bắt buộc
* Được khuyến khích đọc thêm tài liệu tham khảo
* Cần nghiêm túc tham gia bài tập nhóm và các thảo luận trên lớp
* Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên
* Có ý thức tự học, tự đọc, tự tìm hiểu thêm về các nội dung của môn học
* Tuyệt đối không đạo văn. Trích dẫn đầy đủ khi làm bài tập/thi.

1. **Phương pháp dạy - học**

* Các phương pháp giảng dạy được sử dụng:
* Thuyết giảng
* Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm (thảo luận, hợp tác làm bài tập nhóm, v.v.)
* Hướng dẫn sinh viên một số phương pháp để tự học (tìm kiếm tài liệu, đọc tài liệu, đánh giá thông tin, ghi chú, v.v.)
* Các phương pháp học tập được sử dụng:
* Sinh viên tự đọc tài liệu.
* Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
* Tham gia các hoạt động nhóm/cá nhân.
* Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập trên nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

* *Kiểm tra – đánh giá thường xuyên (10%)*
* Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia của sinh viên trên lớp.
* Làm bài tập nhóm hoặc kiểm tra viết trên lớp ở tuần 13, nội dung về báo chí Việt Nam từ 1945 đến 1975. Thời lượng 1 giờ.
* *Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ*
* Kiểm tra - đánh giá giữa kì: Bài tập lớn hoặc tiểu luận (30%)
* Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Bài thi hết môn hoặc tiểu luận (60%)

1. **Học liệu:**

* Học liệu bắt buộc:
* Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Giáo trình lịch sử báo chí (tập 1)*, Nxb. Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* Lưu Đình Tuân (2019), *Việt Nam qua tuần san Indochine 1941-1944*, Nxb. Thế giới. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* Pierre Albert (2003), *Lịch sử báo chí*, Nxb. Thế giới. Tài liệu có tại phòng Tư liệu Viện ĐT BCTT.
* Học liệu tham khảo:
* Đỗ Quang Hưng (CB) (2000), *Lịch sử báo chí Việt Nam* 1865 – 1945, Nxb ĐHQG HN. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* Phạm Thị Thanh Tịnh (2011), *Lịch sử báo chí thế giới*, Nxb. Chính trị - Hành chính.
* Một số bài đọc và video mà giảng viên sưu tầm và cung cấp cho sinh viên

1. **Tóm tắt nội dung học phần**

*Lịch sử Báo chí Việt Nam và thế giới* là học phầnvề quá trình hình thành và phát triển của báo chí và truyền thông trên thế giới và cụ thể tại Việt Nam. Phần đầu của học phần tập trung giới thiệu các giai đoạn phát triển của truyền thông trên thế giới và một số vấn đề cơ bản của báo chí – truyền thông hiện nay. Phần thứ hai của học phần cung cấp cho người học kiến thức về sự ra đời và tiến trình phát triển báo chí Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử dân tộc từ 1865 đến nay, đặc biệt, báo chí với sự tiếp xúc văn hóa Đông Tây có ảnh hưởng đến sự thay đổi về văn hóa – xã hội như thế nào trong giai đoạn đầu thế kỷ XX. Qua đó thấy được vai trò của báo chí trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất và xây dựng đất nước.

1. **Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1. Thời kì tiền đại chúng (phần 1): Chữ viết truyền tải thông điệp**

* 1. Phát minh ra chữ viết và các chất liệu để viết
  2. Sự ra đời của bảng chữ cái (alphabet)
  3. Những nền văn minh chữ viết đầu tiên của thế giới.
  4. Chữ viết – phương tiện để truyền tải thông điệp
  5. Những dạng sơ khởi của báo in trên thế giới: Các tờ Công báo, Kinh báo, bản tin chép tay, tờ bướm in, tờ con vịt và các tờ bút chiến.

**Chương 2. Thời kì tiền đại chúng (phần 2): Công nghệ ấn loát và sự ra đời của những tờ báo đầu tiên**

* 1. Bối cảnh xã hội của châu Âu: Đêm trường Trung Cổ
  2. Sự ra đời của máy in và công nghệ in bản trượt.
  3. Phát minh ra giấy của người Trung Quốc. Tầm quan trọng của giấy - “Biểu tượng cho tự do trong suy nghĩ”. Các cải tiến quan trọng trong công nghệ in và làm giấy.
  4. Sự ra đời của những ấn bản định kì đầu tiên.
  5. Sự ra đời của những tờ báo in đầu tiên trên thế giới
  6. Những ảnh hưởng ban đầu của công nghệ ấn loát và báo in tới dân trí và quyền bình đẳng trong xã hội.

**Chương 3. Thời kì đại chúng (phần 1): Các phương tiện truyền thông đại chúng bắt đầu phát triển**

* 1. Bối cảnh xã hội: Tây Âu và Đông Mỹ dưới ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp và các cuộc cách mạng chính trị (tại Pháp và Mỹ). Vai trò của công nghệ ấn loát.
  2. Làm báo thực sự trở thành một nghề trong xã hội: Những tiến bộ trong công nghệ ấn loát. Nguồn giấy trở nên phong phú.
  3. Xu hướng báo giá rẻ (penny press) và những ảnh hưởng của nó cho tới ngày nay*.*  *The New York Sun, The Evening Transcript* và *The Herald* (Mỹ)
  4. Tìm hiểu một số tờ báo in lâu đời của một số khu vực trên thế giới.
  5. Sự ra đời và phổ biến của điện báo(telegraph)và ảnh hưởng của nó tới nghề báo và sự ra đời của các hãng tin tức.Tìm hiểu trường hợp của *Reuters* và *Associate Press*
  6. Một số nét phát triển khác: Quảng cáo và ảnh trên báo chí

**Chương 4. Thời kì đại chúng (phần 2): Các phương tiện truyền thông đại chúng phát triển mạnh mẽ**

* 1. “Đại chúng” và nhu cầu giải trí của đại chúng.
  2. Sự phát triển của loại báo giải trí: Kỷ nguyên của báo “màu vàng” (yellow journalism) và báo “lá cải” (tabloids)
  3. Sự phát triển của tạp chí chuyên biệt.
  4. Sự ra đời và phát triển của phát thanh (radio). Tìm hiểu một số trường hợp cụ thể.
  5. Sự ra đời và phát triển của truyền hình. Tìm hiểu một số trường hợp cụ thể.
  6. Quá trình “phi đại chúng hóa” của các phương tiện truyền thông đại chúng.
  7. Sự ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông đại chúng tới xã hội.

**Chương 5. Thời kì đại chúng (phần 3): Sự phát triển của các phương tiện truyền thông mới (new media)**

* 1. Sự ra đời của các phương tiện truyền thông mới
  2. Sự phát triển mạnh mẽ của mạng internet.
  3. Sự ra đời và phát triển của báo điện tử và các trang thông tin điện tử
  4. Xu hướng truyền thông xã hội
  5. Ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông mới tới báo in, phát thanh và truyền hình.

**Chương 6. Một số vấn đề của báo chí – truyền thông đương đại**

* 1. Tập trung hóa quyền sở hữu phương tiện truyền thông:
     1. Định nghĩa, nguyên nhân và thực trạng
     2. Một số tập đoàn truyền thông lớn trên thế giới
     3. Xu hướng hình thành tập đoàn báo chí tại Việt Nam
  2. Sự mất cân đối và bất bình đẳng trong việc hưởng thụ thông tin giữa các khu vực và các nước trên thế giới
     1. Thực trạng
     2. Hệ quả
     3. Một số giải pháp
  3. Một số vấn đề khác

**Chương 7: Những đặc điểm cơ bản của báo chí Việt Nam từ 1865 – 1945**

7.1. Sự xuất hiện của báo chí Quốc ngữ của Việt Nam

7.2. Lịch sử báo chí Việt Nam là sự phản ánh của lịch sử phát triển ngôn ngữ, văn học và nghề in

7.3. Sự ra đời và phát triển báo chí đầu thế kỷ XX là kết quả của quá trình tiếp xúc văn hóa Đông – Tây.

* 1. Nghiên cứu lịch sử báo chí Việt Nam dưới góc nhìn báo chí học

**Chương 8: Báo chí Nam Kỳ từ 1865 – đầu thế kỷ XX**

* 1. Gia Định báo – tờ báo quốc ngữ đầu tiên: Bối cảnh chính trị - xã hội Việt Nam giữa thế kỷ IX, diện mạo và nội dung cơ bản của Gia Định báo, sự thay đổi khi Trương Vĩnh Ký quản lý Gia Định báo, những đóng góp bước đầu về văn hóa và báo chí của Gia Định báo.
  2. Tờ Nông Cổ Mín Đàm: Diện mạo, tính cách và những nội dung chính.
  3. Tờ Lục Tỉnh Tân Văn: Diện mạo, tính cách và những nội dung chính.
  4. Nhận xét về sinh hoạt báo chí ở Nam Kỳ buổi đầu.

**Chương 9: Báo chí Bắc Kỳ - từ những tờ báo đầu tiên tới thời kỳ báo chí nô dịch**

* 1. Bối cảnh sinh hoạt báo chí: Những khó khăn trong việc xuất bản báo chí ở Bắc Kỳ, Những thuận lợi cơ bản
  2. Những tờ báo đầu tiên: Sự ra đời và những nội dung chính của tờ Đại Nam Đồng Văn nhật báo, Sự ra đời và những nội dung chính của tờ Đăng Cổ tùng báo, Sự ra đời và những nội dung chính của tờ Đại Việt Tân báo.
  3. Tờ Đông Dương tạp chí: Diện mạo và những nội dung chính, Vài nhận xét về nghệ thuật làm báo của ĐDTC, Những đóng góp của ĐDTC về văn hóa, xã hội, về sự phát triển chữ Quốc ngữ, Đánh giá ĐDTC trên phương diện chính trị.
  4. Tờ Tạp chí Nam Phong: Diện mạo và những nội dung chính, Những đóng góp của tạp chí Nam Phong về văn hóa, xã hội, về sự phát triển chữ Quốc ngữ, Đánh giá Nam Phong trên phương diện chính trị
  5. Vài nét về chủ bút ĐDTC, Nguyễn Văn Vĩnh và chủ bút Nam Phong, Phạm Quỳnh

**Chương 10: Báo chí Việt Nam từ 1919 tới 1925**

* 1. Những biến đổi về chính trị, kinh tế, xã hội có tác động đến sự phát triển báo chí.
     1. Phân tích sự phân hóa xã hội Việt Nam trong thời kỳ này
     2. Những đặc điểm về sinh hoạt báo chí trong thời kỳ này
  2. Một số tờ báo tiêu biểu
     1. Sự ra đời và những nội dung chính của tờ Thực Nghiệp Dân báo
     2. Sự ra đời và những nội dung chính của tờ Khai Hóa
     3. Sự ra đời và những nội dung chính của tờ Tiếng Chuông rè
  3. Vài nét về cuộc đời hoạt động cách mạng và báo chí của Nguyễn An Ninh.

**Chương 11: Báo chí Việt Nam từ 1925 tới 1945**

* 1. Báo chí Cách mạng Việt Nam
     1. Sự ra đời của báo chí Cách mạng Việt Nam
     2. Các quá trình phát triển
     3. Vì sao tờ Thanh Niên được coi là tờ báo Cách mạng đầu tiên.
     4. Những đặc điểm cơ bản
     5. Một số tờ báo tiêu biểu: Thanh niên, Dân chúng, Việt Nam độc lập
  2. Báo chí xuất bản công khai
     1. Những đặc điểm cơ bản
     2. Một số tờ báo tiêu biểu: An Nam tạp chí, Phụ nữ tân văn, Ngày nay, Hà Thành Ngọ báo và Đông tây
  3. Báo chí của giới trí thức giai đoạn 1939 – 1945: Khái niệm về trí thức, đội ngữ trí thức Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX đến 1945, một số nhóm trí thức và tạp chí tiêu biểu.

**Chương 12: Báo chí Việt Nam từ 1945 – 1975**

* 1. Mội số nét khái quát về đời sống chính trị, kinh tế, xã hội trong giai đoạn này: Sự ra đời và quá trình hoạt động của Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, báo Nhân dân, Quân đội nhân dân, và tạp chí Cộng sản
  2. Nghệ thuật tuyên truyền của báo chí Cách mạng: Nghệ thuật xây dựng chương trình, kênh phát sóng vào vùng sâu địch hậu, nghệ thuật sử dụng thể loại, khả năng truyên truyền, tổ chức trang báo của báo Nhân Dân và Quân đội Nhân dân
  3. Những bài học quý giá về làm báo trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh

**Chương 13:** **Báo chí Việt Nam từ 1975 đến nay**

* 1. Tổ chức báo chí nước ta sau ngày đất nước thống nhất
  2. Hệ thống luật pháp báo chí đảm bảo cho hành lang pháp lý báo chí hoạt động
  3. Bức tranh toàn cảnh về hoạt động báo chí từ sau đổi mới đến nay
  4. Những thay đổi có tính chất cơ bản về nội dung và cách thức chuyển tải thông tin tới công chúng
  5. Báo chí hoạt động đúng định hướng chính trị và phù hợp với cơ chế thị trường
  6. Báo chí Việt Nam trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**NGÔN NGỮ BÁO CHÍ**

1. **Mã học phần**: JOU2017
2. **Số tín chỉ**: 03
3. **Học phần tiên quyết** (nếu có): JOU1051
4. **Ngôn ngữ giảng dạy**: Tiếng Việt
5. **Giảng viên** (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

- Vũ Quang Hào, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

- Vũ Kim Hoa, Tiến sỹ, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

1. **Mục tiêu của học phần**:

Học phần này giúp sinh viên nắm rõ được vai trò của ngôn ngữ trong báo chí cũng như những đặc thù của ngôn ngữ báo chí so với ngôn ngữ trong các lĩnh vực khác. Từ đó, sinh viên ứng dụng được tri thức về ngôn ngữ báo chí vào việc sử dụng ngôn ngữ trong báo chí, giúp hoàn thiện hơn kĩ năng viết cho báo chí.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kĩ năng, thái độ)**:

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

1. Về kiến thức:

+ Nhận thức rõ rằng ngôn ngữ báo chí là một phần ngôn ngữ của tiếng Việt, giống như phần ngôn ngữ điện ảnh, ngôn ngữ nghệ thuật tạo hình... Mỗi ngôn ngữ như thế có đặc điểm, cấu trúc riêng và đòi hỏi những ứng xử ngôn ngữ riêng khi vận hành chúng. Ngôn ngữ báo chí không đơn thuần chỉ bao gồm những cái thường gọi là câu, chữ. Trái lại, diện bao phủ của nó gần như trùng với toàn bộ những gì hiện có trong báo chí;

+ Nắm bắt những kỹ năng căn bản để sử dụng ngôn ngữ báo chí như là một phương tiện hàng đầu để truyền tải thông tin. Những kỹ năng đó được chỉ ra trên nền của những cơ sở lý luận khoa học thuộc bình diện ngôn ngữ học cũng như thuộc bình diện báo chí học;

+ Nắm vững bản chất của ngôn ngữ báo chí để có thể có khả năng viết tức thời về bất cứ một sự kiện, hiện tượng hay một con người nào đó cho bất cứ một loại hình báo chí nào.

b) Về kỹ năng:

+ Các kỹ năng viết tin hiện đại;

+ Các kỹ năng viết bài về sự kiện, sự việc;

+ Các kỹ năng viết bài về con người;

+ Kỹ năng viết để nói (cho phát thanh, truyền hình, PR);

+ Kỹ năng viết quảng cáo và quảng bá (thương hiệu, hình ảnh);

+ Kỹ năng viết đúng (chuẩn mực), viết tức thời, viết hay;

+ Kỹ năng xử lý những vấn đề của ngôn ngữ báo chí (như tên riêng, ký hiệu, danh pháp, thuật ngữ...)

+ Kỹ năng chuyển dịch tin quốc tế thành tin quốc tế đối nội;

+ Kỹ năng đưa thông tin tra cứu, chỉ dẫn trên báo chí;

+ Kỹ năng soạn sách tra cứu báo chí;

+ Kỹ năng viết chú thích ảnh báo chí;

+ Kỹ năng đặt tít;

+ Kỹ năng làm sa - pô

+ Kỹ năng khai thác và sử dụng các thành tố của kênh ngôn ngữ phi văn tự (fi - lê, vi - nhét, bảng, biểu đồ, đồ thị, minh hoạ, hộp dữ liệu...).

c) Về thái độ:

+ Hiểu một cách căn bản sách lý luận liên quan đến ngôn ngữ báo chí.

+ Vận dụng tức thời hệ kỹ năng nói trên trong từng giờ học, đặc biệt là những giờ làm bài tập tại lớp.

+ Sáng tạo ý tưởng và kỹ năng thực hành mới trên nền của những kỹ năng đã được hướng dẫn làm bài tập.

+ Hợp tác làm việc theo nhóm với những kỹ năng trình bày sản phẩm trước lớp và tạo lập cách thức đánh giá sản phẩm.

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[13]](#footnote-13) | Nhận thức rõ rằng ngôn ngữ báo chí là một phần ngôn ngữ của tiếng Việt, giống như phần ngôn ngữ điện ảnh, ngôn ngữ nghệ thuật tạo hình... Mỗi ngôn ngữ như thế có đặc điểm, cấu trúc riêng và đòi hỏi những ứng xử ngôn ngữ riêng khi vận hành chúng. Ngôn ngữ báo chí không đơn thuần chỉ bao gồm những cái thường gọi là câu, chữ. Trái lại, diện bao phủ của nó gần như trùng với toàn bộ những gì hiện có trong báo chí. | PLO1.3[[14]](#footnote-14) |
| CLO2 | Nắm bắt những kỹ năng căn bản để sử dụng ngôn ngữ báo chí như là một phương tiện hàng đầu để truyền tải thông tin. Những kỹ năng đó được chỉ ra trên nền của những cơ sở lý luận khoa học thuộc bình diện ngôn ngữ học cũng như thuộc bình diện báo chí học. | PLO1.4 |
| CLO3 | Nắm vững bản chất của ngôn ngữ báo chí để có thể có khả năng viết tức thời về bất cứ một sự kiện, hiện tượng hay một con người nào đó cho bất cứ một loại hình báo chí nào | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Các kỹ năng viết tin hiện đại. | PLO2.1.1 |
| CLO5 | Các kỹ năng viết bài về sự kiện, sự việc. | PLO2.1.1 |
| CLO6 | Các kỹ năng viết bài về con người. | PLO2.1.1 |
| CLO7 | Kỹ năng viết để nói (cho phát thanh, truyền hình, PR). | PLO2.1.1 |
| CLO8 | Kỹ năng viết quảng cáo và quảng bá (thương hiệu, hình ảnh). | PLO2.1.1 |
| CLO9 | Kỹ năng viết đúng (chuẩn mực), viết tức thời, viết hay. | PLO2.1.4 |
| CLO10 | Kỹ năng xử lý những vấn đề của ngôn ngữ báo chí (như tên riêng, ký hiệu, danh pháp, thuật ngữ...). | PLO2.1.4 |
| CLO11 | Kỹ năng chuyển dịch tin quốc tế thành tin quốc tế đối nội. | PLO2.1.5 |
| CLO12 | Kỹ năng đưa thông tin tra cứu, chỉ dẫn trên báo chí; | PLO2.1.5 |
| CLO13 | Kỹ năng soạn sách tra cứu báo chí; | PLO2.1.6 |
| CLO14 | Kỹ năng viết chú thích ảnh báo chí. | PLO2.1.6 |
| CLO15 | Kỹ năng đặt tít. | PLO2.1.6 |
| CLO16 | Kỹ năng khai thác và sử dụng các thành tố của kênh ngôn ngữ phi văn tự (fi - lê, vi - nhét, bảng, biểu đồ, đồ thị, minh hoạ, hộp dữ liệu...). | PLO2.1.7 |
| Thái độ | |  |
| CLO17 | Vận dụng một cách căn bản sách lý luận liên quan đến ngôn ngữ báo chí. | PLO3.1 |
| CLO18 | Vận dụng tức thời hệ kỹ năng nói trên trong từng giờ học, đặc biệt là những giờ làm bài tập tại lớp. | PLO3.2 |
| CLO19 | Sáng tạo ý tưởng và kỹ năng thực hành mới trên nền của những kỹ năng đã được hướng dẫn làm bài tập. | PLO3.2 |
| CLO20 | Hợp tác làm việc theo nhóm với những kỹ năng trình bày sản phẩm trước lớp và tạo lập cách thức đánh giá sản phẩm. | PLO3.3 |
| CLO21 | Có khả năng tự học, tự nghiên cứu hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời. | PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | - Khái niệm chuẩn mực ngôn ngữ.  - Chuẩn ngôn ngữ và biến thể.  - Sự chế định của chệch chuẩn mực ngôn ngữ báo chí đối với phong cách nhà báo.. | Đọc Vũ Quang Hào, Ngôn ngữ báo chí, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2001, in lại 2003, Nxb Thông tấn, H., tr.17 – 69. |  |
| Tuần 2 | - Sự ra đời của phong cách ngôn ngữ chính luận.  - Chức năng của phong cách chính luận.  - Những đặc điểm của phong cách chính luận.  - Sự ra đời của phong cách ngôn ngữ khoa học.  - Đặc điểm của phong cách ngôn ngữ khoa học.  - Phong cách ngôn ngữ hành chính và các đặc điểm của phong cách ngôn ngữ hành chính. | 1. Vũ Quang Hào, Ngôn ngữ báo chí, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2001, in lại 2003, Nxb Thông tấn, H., tr. 69 – 97. |  |
| Tuần 3 | - Định nghĩa tên riêng và các loại tên riêng.  - Thực trạng của tên riêng tiếng nước ngoài trên báo chí tiếng Việt.  - Bài tập: Khảo sát và đánh giá thực trạng của việc sử dụng tên riêng tiếng nước ngoài trên báo chí tiếng Việt ở thời điểm hiện tại | 1. Đọc Vũ Quang Hào, Ngôn ngữ báo chí, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2001, in lại 2003, Nxb Thông tấn, H., tr. 97 – 121.  2. Đem tới lớp một số tờ báo kinh tế và một số nhật báo số ra mới nhất. |  |
| Tuần 4 | Nguyên nhân của thực trạng của tên riêng tiếng nước ngoài trên báo chí tiếng Việt.  - Các giải pháp cho thực trạng của tên riêng tiếng nước ngoài trên báo chí tiếng Việt.  - Những cơ sở khoa học cho việc tìm giải pháp cho thưc trạng của tên riêng tiếng nước ngoài trên báo chí tiếng Việt xét từ phương diện truyền thông.  - Bài tập: Từ các văn bản, tài liệu giảng viên cung cấp, mỗi nhóm viết một bài báo trong đó lưu ý đến việc sử dụng tên riêng tiếng nước ngoài trên cơ sở những kiến thức đã được học về vấn đề này | 1. Đọc Vũ Quang Hào, Ngôn ngữ báo chí, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2001, in lại 2003, Nxb Thông tấn, H., tr. 97 – 121.  2. Bài tập nhóm. |  |
| Tuần 5 | - Chữ tắt và các loại chữ tắt trong tiếng Việt.  - Việc sử dụng chữ tắt trong các loại hình truyền thông.  - Thực trạng của việc sử dụng số liệu trên báo chí tiếng Việt.  - Một số vấn đề cần lưu ý trong khi sử dụng số liệu trên báo chí. | Đọc Vũ Quang Hào, Ngôn ngữ báo chí, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2001, in lại 2003, Nxb Thông tấn, H., tr.147 – 165. |  |
| Tuần 6 | - Khảo sát và đánh giá thực trạng của việc sử dụng chữ tắt trên một số tờ báo tiếng Việt hiện thời.  Tự nghiên cứu các phần Ngôn ngữ của thuật ngữ khoa học, Ngôn ngữ của danh pháp khoa học, Ngôn ngữ của ký hiệu khoa học trong giáo trình “Ngôn ngữ báo chí” (từ trang 121 – 147).  - Ghi lại các câu hỏi. Giảng viên trả lời câu hỏi trong buổi học tiếp theo | Bài tập nhóm. |  |
| Tuần 7 | Bài tập trên lớp:  - Giải đáp các câu hỏi của sinh viên về các nội dung tự học giảng viên đã nêu từ buổi học trước.  - Khảo sát và đánh giá thực trạng của việc sử dụng chữ tắt trên một số tờ báo tiếng Việt hiện thời.  - Từ các văn bản, tài liệu giảng viên cung cấp, mỗi cá nhân viết một bài báo trong đó lưu ý đến việc sử dụng số liệu, chú ý ứng dụng những kiến thức đã được học về vấn đề này. | - Hệ thống lại kiến thức đã học trong Nội dung 4.  - Chuẩn bị giấy A4 để thực hiện bài tập. |  |
| Tuần 8 | - Chức năng và cấu trúc của tít báo.  - Những loại tít thường gặp trên báo chí tiếng Việt.  - Những loại tít mắc lỗi trên báo chí tiếng Việt. | - Đọc Vũ Quang Hào, Ngôn ngữ báo chí, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2001, in lại 2003, Nxb Thông tấn, H., tr. 165 - 193. |  |
| Tuần 9 | - Mỗi nhóm viết 2 tin, 1 bài trên cơ sở tài liệu giảng viên cung cấp.  - Các nhóm trao đổi tin, bài và đánh giá về cách đặt tít tin, bài của từng nhóm.  - Giảng viên nhận xét và hướng dẫn cách khắc phục những điểm hạn chế trong kỹ năng đặt tít tin, bài của mỗi nhóm. | Bài tập nhóm. |  |
| Tuần 10 | - Những đặc tính của ngôn ngữ phát thanh.  - Chuẩn mực của ngôn ngữ phát thanh.  - Những yếu tố chi phối tính hiệu quả của ngôn ngữ phát thanh.  - Vấn đề độ dài câu trong văn bản phát thanh.  - Vấn đề âm hưởng trong văn bản phát thanh. | - Đọc Vũ Quang Hào, Ngôn ngữ báo chí, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2001, in lại 2003, Nxb Thông tấn, H., tr. 193 - 222.  - Đọc tài liệu do giảng viên cung cấp thêm. |  |
| Tuần 11 | - Bài tập nhóm: Biên tập một tác phẩm báo in thành một tác phẩm dùng cho phát thanh hoặc viết một bài dùng cho phát thanh trên cơ sở các tài liệu do giảng viên cung cấp. Ứng dụng các kiến thức đã học về ngôn ngữ phát thanh khi thực hiện bài tập. | Chuẩn bị các đồ dùng cần thiết để làm bài tập do giảng viên yêu cầu. |  |
| Tuần 12 | - Vài nét về việc dùng thông tin phi văn tự trên báo chí.  - Các hình thức thể hiện của ngôn ngữ thông tin phi văn tự: biểu đồ, đồ thị, sơ đồ - bản đồ, bảng, minh hoạ…  - Ngôn ngữ hình thức của ma – két báo chí.  - Cá yếu tố hình thức của ngôn ngữ ma – két báo chí: khổ báo, măng – séc, chữ, phi – lê, vi – nhét, khung, nền, ảnh, minh hoạ, màu sắc. | - Đọc Vũ Quang Hào, Ngôn ngữ báo chí, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2001, in lại 2003, Nxb Thông tấn, H., 2007, tr. 287 - 341.  - Đọc tài liệu do giảng viên cung cấp thêm. |  |
| Tuần 13 | - Bài tập nhóm: Mỗi nhóm sử dụng các hình thức thể hiện của ngôn ngữ thông tin phi văn tự: biểu đồ, đồ thị, sơ đồ - bản đồ, bảng, minh hoạ…để tổ chức thông tin trong một tác phẩm báo in.  - Mỗi nhóm thể hiện bài tập trên một tờ giấy khổ A3.  - Các nhóm khác phản biện và trao đổi về sản phẩm của từng nhóm. | - Chuẩn bị giấy A3, bút dạ, bút viết nét đậm, thước kẻ, bút chì, bút màu. |  |
| Tuần 14 | - Bài tập nhóm: Mỗi nhóm nhận xét về việc sử dụng các yếu tố hình thức của ngôn ngữ ma – két báo chí trên một số tờ báo tiếng Việt.  - Mỗi nhóm thiết kế ma – két cho một trang báo. | - Bài tập nhóm  - Chuẩn bị giấy A3, bút dạ, bút viết nét đậm, thước kẻ, bút chì, bút màu, kéo. |  |
| Tuần 15 | - Giải đáp các thắc mắc của sinh viên  - Hướng dẫn thi hết môn. | - Xem lại toàn bộ bài học của 14 tuần trước.  - Xây dựng đề cương ôn tập, chuẩn bị cho thi hết môn |  |

**10. Các yêu cầu đối với học phần**

- Sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

**11. Phương pháp dạy - học**

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

+ Thuyết giảng

+ Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng.

+ Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm.

Các phương pháp học tập gồm:

+ Sinh viên tự đọc tài liệu.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.

+ Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

+ Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

**12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

*+ Kiểm tra – đánh giá thường xuyên*

- Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia của sinh viên trên lớp

- Bài tập nhóm (trọng số 5%). Kiểm tra trong tuần 4, về việc thực hành viết tên riêng trên báo chí

- Bài tập nhóm (trọng số 5 %). Kiểm tra trong tuần 11, về kĩ năng viết cho phát thanh

+ *Kiểm tra đánh giá giữa kì – cuối kì*

- Kiểm tra - đánh giá giữa kì: bài tập nhóm tại lớp (30%) vào tuần 9. Bài tập yêu cầu mỗi nhóm sinh viên viết 2 tin, 1 bài trên cơ sở tài liệu giảng viên cung cấp. Sau đó, các nhóm sẽ thảo luận, nhận xét lẫn nhau về cách đặt tít, bài.

- Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Tiểu luận cá nhân (60%). Khảo sát một vấn đề ngôn ngữ báo chí, dựa trên mẫu khảo sát là 20-30 bài báo sinh viên tự chọn

**13. Học liệu:**

*Học liệu bắt buộc:*

1. Vũ Quang Hào, Ngôn ngữ báo chí, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2001, in lại 2003, Nxb Thông tấn, H., 2007.

2. Nguyễn Tri Niên, Ngôn ngữ báo chí, Nxb. Đồng Tháp, 2005.

*Học liệu tham khảo:*

3. Vũ Quang Hào, Báo chí và đào tạo báo chí Thuỵ Điển, Bộ VHTT và SIDA Thuỵ Điển, 2003, Nxb. Lý luận chính trị, 2005.

4. Thông tấn xã Việt Nam, Báo cáo toàn cầu về Đổi mới Sáng tạo trong Báo chí 2020-2021. Nxb Thông tấn, 2021.

**14. Tóm tắt nội dung học phần**:

*Ngôn ngữ báo chí* là học phần về bản chất và những vấn đề cốt yếu nhất của ngôn ngữ báo chí với tư cách là một phân ngôn ngữ có đặc điểm, cấu trúc riêng và đòi hỏi những ứng xử ngôn ngữ riêng khi vận hành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về ngôn ngữ báo chí, từ đó hình thành nên ở họ những kỹ năng căn bản để sử dụng ngôn ngữ báo chí như là một phương tiện hàng đầu để truyền tải thông tin. Từ việc nắm vừng bản chất của ngôn ngữ báo chí, sinh viên hình thành khả năng viết tức thời về bất cứ một sự kiện, hiện tượng hay một con người nào đó cho bất cứ một loại hình báo chí nào

**15. Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1. Ngôn ngữ chuẩn mực của báo chí**

1.1. Chuẩn mực ngôn ngữ đối với báo chí và vấn đề chệch chuẩn mực

1.2. Sự chế định của chệch chuẩn mực ngôn ngữ đối với phong cách nhà báo

**Chương 2. Ngôn ngữ các phong cách báo chí**

2.1. Phong cách ngôn ngữ chính luận

2.2. Phong cách ngôn ngữ khoa học

2.3. Phong cách ngôn ngữ hành chính

**Chương 3. Ngôn ngữ của tên riêng trên báo chí**

3.1. Khái niệm và phân loại

3.2. Thực trạng của tên riêng tiếng nước ngoài trên báo chí tiếng Việt

3.3. Nguyên nhân của thực trạng

3.4. Giải pháp

3.5. Những cơ sở khoa học cho việc tìm giải pháp xét từ phương diện truyền thông

**Chương 4. Ngôn ngữ của thuật ngữ khoa học, danh pháp khoa học, ký hiệu khoa học, chữ tắt và số liệu trên báo chí**

4.1. Ngôn ngữ của thuật ngữ khoa học

4.2. Ngôn ngữ của danh pháp khoa học

4.3. Ngôn ngữ của ký hiệu khoa học

4.4. Ngôn ngữ của chữ tắt

4.5. Ngôn ngữ của số liệu

**Chương 5. Ngôn ngữ tít báo**

5.1. Chức năng và cấu trúc của tít báo

5.2. Những loại tít thường gặp

5.3. Những loại tít mắc lỗi

**Chương 6. Ngôn ngữ phát thanh**

6.1. Bản chất của ngôn ngữ phát thanh

6.2. Một số vấn đề ngôn ngữ của văn bản phát thanh

**Chương 7. Ngôn ngữ thông tin phi văn tự và ngôn ngữ ma – két của báo chí**

7.1. Ngôn ngữ thông tin phi văn tự

7.2. Ngôn ngữ ma – két báo chí

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**KỸ NĂNG VIẾT CHO BÁO IN**

*(Writing for print newspaper)*

**1. Mã học phần**: JOU3064

**2. Số tín chỉ:** 03

**3. Học phần tiên quyết:** JOU1050, JOU1051

+ *Báo chí truyền thông đại cương*

+ *Lý luận báo chí truyền thông*

**4. Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt

**5. Giảng viên:**

- Phan Văn Kiền, Tiến sĩ, Đạihọc KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

- Đoàn Duy Anh, Thạc sĩ, Zing.vn

- Phan Thanh Thuỷ, Thạc sĩ, Báo Kinh tế đô thị.

**6. Mục tiêu của học phần:**

Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ:

- Hiểu được các đặc điểm của loại hình báo in, các thể loại báo in.

- Nắm được các kỹ năng tổ chức tin, bài trong loại hình báo in.

- Vận dụng được kiến thức về thể loại báo in và kỹ năng lựa chọn, thu thập, xử lý thông tin và viết bài cho các ấn phẩm báo chí.

**7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kĩ năng, thái độ):**

***- Kiến thức:***

* Xác định được thể loại thể loại báo chí, các nhóm thể loại, đặc trưng về nội dung và hình thức, xu hướng phát triển của thể loại và những điều lưu ý khác.
* Phân biệt rõ các thể thể loại báo chí và áp dụng được trong quá trình hoạt động thực tiễn báo chí.
* Kết hợp được các kỹ năng trên lớp và kỹ năng thực tiễn để sáng tạo tác phẩm báo in.

*-* ***Kỹ năng:***

* Xác định đề tài đúng và trúng để phản ánh.
* Vận dụng được các kiến thức vào quá trình xử lý thông tin, tư liệu, số liệu, gặp nhân chứng
* Vận dụng tốt tư liệu trong thể loại; xây dựng đề cương tác phẩm;
* Thiết kế tốt tác phẩm ở các thể loại một cách sáng tạo, hấp dẫn, có tác động và hiệu quả xã hội cao.

***- Thái độ, chuyên cần:***

* Nhận thức đúng bản chất công việc và tôn trọng giá trị lao động nghề nghiệp
* Chấp nhận những thử thách của công việc.
* Tạo ảnh hưởng cho chính kỹ năng viết của bản thân trong bất kỳ tình huống nào.

**8. Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[15]](#footnote-15) | Xác định được thể loại thể loại báo chí, các nhóm thể loại, đặc trưng về nội dung và hình thức, xu hướng phát triển của thể loại và những điều lưu ý khác. | PLO1.3[[16]](#footnote-16) |
| CLO2 | Phân biệt rõ các thể thể loại báo chí và áp dụng được trong quá trình hoạt động thực tiễn báo chí. | PLO1.3 |
| CLO3 | Vận dụng tốt tư liệu trong thể loại; xây dựng đề cương tác phẩm | PLO1.3 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Xác định đề tài đúng và trúng để phản ánh. | PLO2.1.1 |
| CLO5 | Vận dụng được các kiến thức vào quá trình xử lý thông tin, tư liệu, số liệu, gặp nhân chứng | PLO2.1.2 |
| CLO6 | Vận dụng tốt tư liệu trong thể loại; xây dựng đề cương tác phẩm  Thiết kế tốt tác phẩm ở các thể loại một cách sáng tạo, hấp dẫn, có tác động và hiệu quả xã hội cao. | PLO2.1.5 |
| Thái độ | |  |
| CLO7 | Nhận thức đúng bản chất công việc và tôn trọng giá trị lao động nghề nghiệp | PLO3.1 |
| CLO8 | Chấp nhận những thử thách của công việc. | PLO3.2 |
| CLO9 | Tạo ảnh hưởng cho chính kỹ năng viết của bản thân trong bất kỳ tình huống nào. | PLO4 |

**9. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1 | Giới thiệu môn học và Quy tắc khoá học  Chương 1: Những vấn đề chung về kỹ năng viết cho báo in  *1.1. Dẫn đề*  *1.2. Đặc trưng cơ bản nhất của báo in là ngôn ngữ viết*  *1.3. Nguyên tắc tiếp nhận thông tin của công chúng báo in* | Học liệu 1, chương 1 |  |
| Tuần 2 | Chương 1: Những vấn đề chung về kỹ năng viết cho báo in (tiếp)  *1.4. Các nguyên tắc chung khi viết cho báo in*  *1.5. Một số nhận xét và lưu ý* | Học liệu 1, chương 1 |  |
| Tuần 3 | Chương 2: Tin  *2.1. Quan niệm chung về TinTiêu chí viết Tin đúng*  *2.2. Các cấu trúc (kỹ thuật) viết Tin* | Học liệu 1, chương 2  Học liệu 2, chương 1 |  |
| Tuần 4 | Chương 2: Tin (tiếp)  *2.3. Kỹ năng viết tin tháp ngược.*  *2.4. Kỹ năng xử lý thông cáo báo chí thành tin.* | Học liệu 1, chương 2  Học liệu 2, chương 1 |  |
| Tuần 5 | Thực hành bài viết tin | Tất cả các tài liệu lý thuyết đã được trang bị |  |
| Tuần 6 | Chương 3: Phỏng vấn 3.1. *Đặc trưng của phỏng vấn* *3.3. Khi nào thì phỏng vấn*  *3.4. Các bước thực hiện phỏng vấn*  *3.5. Các cách thức làm phỏng vấn* | Học liệu 1, chương 3  Học liệu 2, chương 3 |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kì | |  |
| Tuần 8 | Chương 3: Phỏng vấn (tiếp)  *3.6. Câu hỏi trong phỏng vấn*  *3.7 Những loại câu hỏi cần tránh trong phỏng vấn*  *3.8. Những chướng ngại của phỏng vấn*  *3.9. Một số yếu tố tạo thành công cho phỏng vấn*  Chương 4. Bài Phản ánh  *4.1. Những đặc điểm cơ bản của bài Phản ánh*  *4.2. Những hình thức thể hiện bài Phản ánh trên báo in*  *4.3. Các dạng bài phản ánh, kết cấu bài phản ánh*  *4.4. Vì sao phải tổ chức bài phản ánh; các thành phần để tổ chức bài phản ánh* | Học liệu 1, chương 3  Học liệu 2, chương 3 |  |
| Tuần 9 | Thực hành bài phỏng vấn | Kiến thức lý thuyết phần phỏng vấn |  |
| Tuần 10 | Chương 5: Bài bình luận  *5.1. Sự xuất hiện bài bình luận trong xã hội*  *5.2. Những đặc điểm của thể loại bình luận*  *5.3. Các dạng bình luận* | Học liệu 1, chương 4 |  |
| Tuần 11 | Chương 5: Bài bình luận (tiếp)  Thực hành viết bài bình luận | Kiến thức lý thuyết của tuần trước |  |
| Tuần 12 | Chương 6: Phóng sự  *6.1. Đặc trưng thể loại phóng sự*  *6.2. Đặc trưng tiếp nhận của công chúng với thể loại phóng sự* | Học liệu 1, chương 5  Học liệu 2, chương 4 |  |
| Tuần 13 | Chương 6: Phóng sự (tiếp)  *6.3. Ba yếu tố quan trọng nhất khi viết phóng sự*  *6.4. Một số nguyên tắc cơ bản khi viết phóng sự* | Học liệu 1, chương 5  Học liệu 2, chương 4 |  |
| Tuần 14 | Chương 6: Phóng sự (tiếp)  Thực hành viết và trình bày bài phóng sự. | Tất cả kiến thức lý thuyết liên quan đến phóng sự |  |
| Tuần 15 | Thuyết trình sản phẩm thực hành  Tổng kết môn học |  |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

Các yêu cầu của học phần đối với sinh viên như sau:

* Cần đọc, nghiên cứu các tài liệu bắt buộc
* Được khuyến khích đọc thêm tài liệu tham khảo
* Cần nghiêm túc tham gia bài tập thực hành, bài tập nhóm và các thảo luận trên lớp
* Tham gia tối thiểu 80% số giờ học dưới sự hướng dẫn của giảng viên
* Có ý thức tự học, tự đọc, tự tìm hiểu thêm về các nội dung của môn học
* Tuyệt đối không đạo văn. Trích dẫn đầy đủ khi làm bài tập/thi.

1. **Phương pháp dạy - học**

* Các phương pháp giảng dạy được sử dụng:
* Thuyết giảng
* Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm (thảo luận, hợp tác làm bài tập nhóm, thực tế v.v.)
* Hướng dẫn sinh viên một số phương pháp để tự học (tìm kiếm tài liệu, đọc tài liệu, đánh giá thông tin, ghi chú, v.v.)
* Các phương pháp học tập được sử dụng:
* Sinh viên tự đọc tài liệu.
* Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
* Tham gia các hoạt động thực tế theo nhóm/cá nhân.
* Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập trên nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp kiểm tra đánh giá:**

Kiểm tra, đánh giá thông qua việc trao đổi, thảo luận trên lớp; làm bài tập và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ bằng sản phẩm hoặc tiểu luận cuối kỳ.

Trong đó, Điểm thường xuyên (10%); Điểm giữa kỳ (30%) và Điểm cuối kỳ (60%).

**13. Học liệu:**

1. Đinh Văn Hường, Phan Văn Kiền, *Bài giảng Kỹ năng viết cho báo in*. Trường ĐHKHXH&NV, nghiệm thu 2017, bổ sung, chỉnh sửa năm 2021. Tài liệu sẽ được giảng viên cung cấp đầu môn học và có tại Phòng tư liệu Viện Đào tạo BCTT.

2. Huỳnh Vĩnh Sơn (2019), *90-20-30 - 90 bài học vỡ lòng về ý tưởng và câu chữ,* NXB Lao động. Tài liệu có tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số, ĐHQGHN

**14. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):**

*Kỹ năng viết cho báo in* là học phầncung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc trưng, đặc điểm của các thể loại trên báo in; chỉ ra mối liên hệ giữa các thể loại trong hệ thống thể loại báo in nói chung. Đồng thời, cung cấp những nguyên tắc về mặt kỹ năng, các kỹ năng cần thiết để tổ chức và thực hiện một tác phẩm báo in ở từng thể loại.

Sinh viên được giới thiệu các kỹ năng viết cho báo in thông qua thực hành viết các thể loại báo chí hoặc vận dụng các thể loại báo chí để đưa tin về các lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng vận dụng ngôn ngữ, phương thực thể hiện cho phù hợp với đối tượng công chúng của báo in.

**15. Nội dung chi tiết học phần:**

**Chương 1. Những vấn đề chung về kỹ năng viết cho báo in**

*1.1. Dẫn đề*

*1.2. Đặc trưng cơ bản nhất của báo in là ngôn ngữ viết*

*1.3. Nguyên tắc tiếp nhận thông tin của công chúng báo in*

*1.4. Các nguyên tắc chung khi viết cho báo in*

*1.5. Một số nhận xét và lưu ý*

**Chương 2. Tin**

*2.1. Quan niệm chung về TinTiêu chí viết Tin đúng*

*2.2. Các cấu trúc (kỹ thuật) viết Tin*

*2.3. Kỹ năng viết tin tháp ngược.*

*2.4. Kỹ năng xử lý thông cáo báo chí thành tin.*

###### ***Chương 3. Phỏng vấn***

###### 3.1. *Đặc trưng của phỏng vấn*

*3.3. Khi nào thì phỏng vấn*

*3.4. Các bước thực hiện phỏng vấn*

*3.5. Các cách thức làm phỏng vấn*

*3.6. Câu hỏi trong phỏng vấn*

*3.7 Những loại câu hỏi cần tránh trong phỏng vấn*

*3.8. Những chướng ngại của phỏng vấn*

*3.9. Một số yếu tố tạo thành công cho phỏng vấn*

Chương 4. Bài Phản ánh

*4.1. Những đặc điểm cơ bản của bài Phản ánh*

*4.2. Những hình thức thể hiện bài Phản ánh trên báo in*

*4.3. Các dạng bài phản ánh, kết cấu bài phản ánh*

*4.4. Vì sao phải tổ chức bài phản ánh; các thành phần để tổ chức bài phản ánh*

*4.5. Thực hành*

**Chương 5. Bài Bình luận**

*5.1. Sự xuất hiện bài bình luận trong xã hội*

*5.2. Những đặc điểm của thể loại bình luận*

*5.3. Các dạng bình luận*

*5.4. Thực hành bài bình luận*

**Chương 6. Phóng sự**

*6.1. Đặc trưng thể loại phóng sự*

*6.2. Đặc trưng tiếp nhận của công chúng với thể loại phóng sự*

*6.3. Ba yếu tố quan trọng nhất khi viết phóng sự*

*6.4. Một số nguyên tắc cơ bản khi viết phóng sự*

*6.5. Thực hành viết phóng sự*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**KỸ NĂNG VIẾT CHO BÁO ĐIỆN TỬ**

*(Writing for online newspapers)*

1. **Mã học phần:**  JOU3059
2. **Số tín chỉ:** 03
3. **Học phần tiên quyết:** JOU3064/JOU2017
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Giảng viên:**

- Đỗ Anh Đức, Tiến sỹ, Đại học KHXH&NV

- Trần Duy, Tiến sỹ, Đại học KHXH&NV

1. **Mục tiêu học phần:**

Học phần *Kỹ năng viết cho báo điện tử* cung cấp kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về đặc điểm, tính năng và khả năng truyền thông của một đơn vị báo trực tuyến, sử dụng công nghệ nền tảng là website; Những kiến thức về một số thể loại báo chí thường được sử dụng trên website báo trực tuyến, sự biến đổi thích hợp với loại hình của các thể loại báo chí đó; Phương pháp và các bước cơ bản triển khai viết và sản xuất nội dung tin, bài ảnh, video, âm thanh và các vấn đề liên quan.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần:**

**Sau khi kết thúc học phần, người học có thể:**

***Kiến thức*:**

+ Hiểu biết được về một số thể loại báo chí thường sử dụng trên các website báo trực tuyến ở Việt Nam hiện nay.

+ Hiểu được đặc điểm, tính năng của từng thể loại báo chí và cách thức mà một tác phẩm báo chí cụ thể trên wbesite tác động đến công chúng.

+ Nắm được cách thức tổ chức nội dung và các góc tiếp cận để xây dựng loại tin, bài phù hợp khi phản ánh một sự kiện.

+ Hiểu biết và vận hành được một hệ thống CMS trong quá trình sản xuất nội dung website báo trực tuyến.

+ Hiểu biết về quy trình sản xuất nội dung thực tế - viết cho một đơn vị báo trực tuyến theo kế hoạch thông tin của đơn vị báo chí.

***- Kỹ năng:***

+ Có khả năng đọc hiểu các kiến thức mở rộng của Học phần.

+ Có khả năng đánh giá, phân tích sự kiện, triển khai sơ đồ tư duy (mind-map) trong tiếp cận sự kiện và phản ánh sự kiện đó.

+ Viết được một số thể loại báo chí cơ bản các website thường dùng như tin tức, phỏng vấn, phản ánh.

+ Nắm được những quy trình trong việc sản xuất nội dung cho các các phương tiện truyền thông đại chúng.

+ Có kỹ năng sử dụng phần mềm quản trị nội dung (CMS) để thiết kế và sản xuất các sản phẩm cho truyền thông qua website.

+ Có kỹ năng sử dụng công nghệ để tìm kiếm thông tin, mở rộng hiểu biết và truyền thông tới độc giả.

+ Đánh giá được các sản phẩm truyền thông hiện đại và từ đó rút ra những kinh nghiệm, bài học trong việc thiết kế và sản xuất các sản phẩm website truyền thông.

***- Thái độ:***

+ Yêu thích và say mê nghề nghiệp.

+ Rèn luyện được thái độ nghiêm túc và có khả năng đọc hiểu , nghiên cứu, thực hành chuyên sâu trong lĩnh vực truyền thông website nói riêng, truyền thông Internet nói chung

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1 | Hiểu biết được về một số thể loại báo chí thường sử dụng trên các website báo trực tuyến ở Việt Nam hiện nay. | PLO1.4 |
| CLO2 | Hiểu được đặc điểm, tính năng của từng thể loại báo chí và cách thức mà một tác phẩm báo chí cụ thể trên wbesite tác động đến công chúng. | PLO1.3 |
| CLO3 | Nắm được cách thức tổ chức nội dung và các góc tiếp cận để xây dựng loại tin, bài phù hợp khi phản ánh một sự kiện. | PLO1.3 |
| CLO4 | Hiểu biết và vận hành được một hệ thống CMS trong quá trình sản xuất nội dung website báo trực tuyến. | PLO1.4 |
| CLO5 | Hiểu biết về quy trình sản xuất nội dung thực tế - viết cho một đơn vị báo trực tuyến theo kế hoạch thông tin của đơn vị báo chí. | PLO 1.3 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO6 | Có khả năng đọc hiểu các kiến thức mở rộng của Học phần | PLO 2.2.5 |
| CLO7 | Có khả năng đánh giá, phân tích sự kiện, triển khai sơ đồ tư duy (mind-map) trong tiếp cận sự kiện và phản ánh sự kiện đó | PLO 2.2.2 |
| CLO8 | Viết được một số thể loại báo chí cơ bản các website thường dùng như tin tức, phỏng vấn, phản ánh. | PLO 2.2.2 |
| CLO9 | Nắm được những quy trình trong việc sản xuất nội dung cho các các phương tiện truyền thông đại chúng. | PLO 2.1.6 |
| CLO10 | Có kỹ năng sử dụng phần mềm quản trị nội dung (CMS) để thiết kế và sản xuất các sản phẩm cho truyền thông qua website.. | PLO 2.1.2 |
| CLO11 | Có kỹ năng sử dụng công nghệ để tìm kiếm thông tin, mở rộng hiểu biết và truyền thông tới độc giả. | PLO 2.2.5 |
| CLO12 | Đánh giá được các sản phẩm truyền thông hiện đại và từ đó rút ra những kinh nghiệm, bài học trong việc thiết kế và sản xuất các sản phẩm website truyền thông. | PLO 2.2.1 |
| Thái độ | |  |
| CLO13 | -Yêu thích và say mê nghề nghiệp. | PLO 3.1 |
| CLO14 | Rèn luyện được thái độ nghiêm túc và có khả năng đọc hiểu , nghiên cứu, thực hành chuyên sâu trong lĩnh vực truyền thông website nói riêng, truyền thông Internet nói chung | PLO 3.2 |
|  |  |  |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | Phân tích nội dung thông tin trên wesite báo chí | -Bài giảng của giảng viên  Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011). |  |
| Tuần 2 | Nhóm các tác phẩm văn bản | -Bài giảng của giảng viên  Vũ Quang Hào. Nghĩ đột phá format cho báo chí, Nxb Thông tấn, 2020. |  |
| Tuần 3 | Nhóm các sản phẩm hình ảnh | -Bài giảng của giảng viên  Vũ Quang Hào. Nghĩ đột phá format cho báo chí, Nxb Thông tấn, 2020. |  |
| Tuần 4 | Nhóm các sản phẩm video | -Bài giảng của giảng viên  Vũ Quang Hào. Nghĩ đột phá format cho báo chí, Nxb Thông tấn, 2020. |  |
| Tuần 5: | Nhóm tác phẩm âm thanh | -Bài giảng của giảng viên  Vũ Quang Hào. Nghĩ đột phá format cho báo chí, Nxb Thông tấn, 2020. |  |
| Tuần 6 | Thực hành |  |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kỳ |  |  |
| Tuần 8 | Title cho tin, bài trên báo trực tuyến | -Bài giảng của giảng viên  Vũ Quang Hào. Nghĩ đột phá format cho báo chí, Nxb Thông tấn, 2020.. |  |
| Tuần 9 | Tư duy sơ đồ thông tin trong phản ánh sự kiện | -Bài giảng của giảng viên  Vũ Quang Hào. Nghĩ đột phá format cho báo chí, Nxb Thông tấn, 2020.. |  |
| Tuần 10 | Thực hành đặt title |  |  |
| Tuần 11 | Thực hành sơ đồ tư duy | . |  |
| Tuần 12 | Thực hành làm tác phẩm hoàn chỉnh |  |  |
| Tuần 13 | Thảo luận | .  -. |  |
| Tuần 14 | Ôn tập |  |  |
| Tuần 15 | Tổng kết |  |  |

1. **Các yêu cầu với học phần:**

Sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên

1. **Phương pháp dạy-học:**

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

+ Thuyết giảng

+ Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng.

+ Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm.

+ Mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom)

Các phương pháp học tập gồm:

+ Sinh viên tự đọc tài liệu.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.

+ Sinh viên xem các video bài giảng trên website của khoá học.

+ Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

+ Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp kiểm tra đánh giá:**

**12.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên**

- Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia của sinh viên trên lớp.

- Các bài tập: 02 bài thu hoạch sau khi đi thực tế nửa đầu và nửa cuối của Học phần

- Điểm thường xuyên tính điểm chuyên cần hoặc điểm bài tập - trọng số 10%

**12.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ**

- Kiểm tra - đánh giá giữa kì: Thực hành nhóm (30%)

- Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Bài tập nhóm hoặc bài tập cá nhân (60%)

1. **Học liệu:**

***13.1. Học liệu bắt buộc:***

1.Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).

2. Vũ Quang Hào. Nghĩ đột phá format cho báo chí, Nxb Thông tấn, 2020.

***13.2. Học liệu tham khảo:***

Tạ Ngọc Tấn, Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H., 2020.

1. **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần *Kỹ năng viết cho báo điện tử* không cung cấp thuần túy kiến thức về nội dung và các thể loại báo chí hay sử dụng trên một website báo chí hiện nay, mà là những hướng dẫn cho hoạt động thực tế sản xuất tin, bài cho website báo chí; mang đến cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông qua website và quy trình sản xuất nội dung tin, bài, ảnh, video, âm thanh cho website báo chí khi phản ánh sự kiện. Bao gồm những nghiên cứu, những tiêu chí cơ bản và cập nhật về đặc điểm, tính năng của các loại tác phẩm báo chí phù hợp nhất với một website làm công tác báo chí. Ngoài ra, sinh viên thực hành viết và sản xuất các nội dung cơ bản cho một website báo chí.

Về thực hành, sinh viên sẽ được làm việc theo nhóm để sản xuất thử nghiệm một số nội dung theo định hướng của giáo viên theo mô hình tòa soạn báo trực tuyến trong thực tiễn.

1. **Nội dung chi tiết học phần:**

**Chương 1. Phân tích nội dung thông tin trên wesite báo chí**

*Các nhóm nội dung thông tin trên website báo chí*

*Tần suất sử dụng của một số thể loại báo chí*

*Các thể loại báo chí thường dùng*

**Chương 2. Nhóm các tác phẩm văn bản**

*Tin tức báo chí*

*Phỏng vấn báo chí*

*Bài phản ánh*

**Chương 3. Nhóm các sản phẩm hình ảnh**

*Ảnh đại diện*

*Ảnh trong bài*

*Series ảnh/Phóng sự ảnh*

*Album ảnh*

**Chương 4. Nhóm các sản phẩm video**

*Video minh họa*

*Video phản ánh độc lập*

*Video bạn đọc*

*Thư viện video*

**Chương 5. Nhóm các sản phẩm âm thanh**

*Audio trong bài*

*Thư viện âm thanh*

**Chương 6. Title cho tin, bài trên báo trực tuyến**

*Các cách đặt title*

*Keyword cho tin, bài*

**Chương 7. Tư duy sơ đồ thông tin trong phản ánh sự kiện**

*Thế nào là mind-map?*

*Cách triển khai phản ánh sự kiện tiếp cận từ nhiều góc độ*

*Tòa soạn hội tụ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**KỸ THUẬT PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH**

*(Broadcasting Technologies)*

1. **Mã học phần:** JOU3044
2. **Số tín chỉ:** 03
3. **Học phần tiên quyết:**
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Giảng viên:**

- Nguyễn Đình Hậu, Thạc sỹ, Đại học KHXH&NV

- Lê Thu Hà, Thạc sỹ, Đại học KHXH&NV

1. **Mục tiêu học phần:**

Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản về kỹ thuật sản xuất, phát sóng của các chương trình phát thanh truyền hình; các tiêu chí kỹ thuật cơ bản trong hoạt động sản xuất phát thanh và truyền hình. Sau khi học xong sinh viên có thể tự sự dụng và vận hành các thiết bị ghi âm, ghi hình, bàn dựng..thuộc lĩnh vực kỹ thuật phát thanh - truyền hình.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

*Kiến thức*:

* Sinh viên hiểu về các loại thiết bị trong lĩnh vực phát thanh truyền hình như: máy ghi âm, máy quay phim, bộ dựng hình, bộ dựng tiếng, mic...
* Hiểu biết cơ bản về phương thức vận hành các loại thiết bị trong lĩnh vực sản xuất phát thanh truyền hình.
* Trang bị hệ thống kiến thức về thực hành tác nghiệp với máy móc kỹ thuật phát thanh truyền hình trong điều kiện học tập tại trường lớp, gắn với thực tiễn.

***-*** *Kỹ năng:*

* Sinh viên rèn luyện các kĩ năng cơ bản: làm việc nhóm, giao tiếp xã hội, khả năng xử lý tình huống linh hoạt, phân tích và tổng hợp thông tin nhanh, lên kế hoạch và triển khai công việc một cách khoa học, hợp lí.
* Sinh viên nắm vững thao tác sử dụng và bảo quản thiết bị phát thanh truyền hình. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng...để thực hiện các thao tác ghi âm, ghi hình được những âm thanh, hình ảnh theo ý đồ của riêng mình, đồng thời xử lý được một số sự cố cơ bản của các thiết bị ghi âm ghi hình.
* Sinh viên có khả năng sử dụng các phần mềm kĩ thuật số để trộn âm thanh, cắt ghép hình ảnh. Vận dụng các nguyên tắc về trộn âm thanh, ghép hình trong sản xuất chương trình phát thanh truyền hình: âm nhạc, tiếng động, bố cục, kết cấu, ngôn ngữ âm thanh, hình ảnh trong quá trình dựng.

***-*** *Thái độ, chuyên cần:*

* Luôn có ý thức tự rèn luyện, học hỏi nâng cao kĩ năng.
* Tích cực thực hành, thực tập, chủ động và sáng tạo

+ Hợp tác, làm việc theo nhóm hiệu quả

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1 | Sinh viên hiểu về các loại thiết bị trong lĩnh vực phát thanh truyền hình như: máy ghi âm, máy quay phim, bộ dựng hình, bộ dựng tiếng, mic... | PLO1.3 |
| CLO2 | Hiểu biết cơ bản về phương thức vận hành các loại thiết bị trong lĩnh vực sản xuất phát thanh truyền hình | PLO1.4 |
| CLO3 | Trang bị hệ thống kiến thức về thực hành tác nghiệp với máy móc kỹ thuật phát thanh truyền hình trong điều kiện học tập tại trường lớp, gắn với thực tiễn | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Sinh viên rèn luyện các kĩ năng cơ bản: làm việc nhóm, giao tiếp xã hội, khả năng xử lý tình huống linh hoạt, phân tích và tổng hợp thông tin nhanh, lên kế hoạch và triển khai công việc một cách khoa học, hợp lí. | PLO2.2 |
| CLO5 | Sinh viên nắm vững thao tác sử dụng và bảo quản thiết bị phát thanh truyền hình. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng...để thực hiện các thao tác ghi âm, ghi hình được những âm thanh, hình ảnh theo ý đồ của riêng mình, đồng thời xử lý được một số sự cố cơ bản của các thiết bị ghi âm ghi hình. | PLO2.1;  PLO2.2 |
| CLO6 | Sinh viên có khả năng sử dụng các phần mềm kĩ thuật số để trộn âm thanh, cắt ghép hình ảnh. Vận dụng các nguyên tắc về trộn âm thanh, ghép hình trong sản xuất chương trình phát thanh truyền hình: âm nhạc, tiếng động, bố cục, kết cấu, ngôn ngữ âm thanh, hình ảnh trong quá trình dựng. | PLO2.1;  PLO2.2 |
| Thái độ | |  |
| CLO7 | Luôn có ý thức tự rèn luyện, học hỏi nâng cao kĩ năng | PLO3.1 |
| CLO8 | Tích cực thực hành, thực tập, chủ động và sáng tạo | PLO3.2 |
| CLO9 | Hợp tác, làm việc theo nhóm hiệu quả | PLO4.1 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | - Nguyên lý truyền phát tín hiệu  - Sự ra đời và phát triển của kỹ thuật sóng vô tuyến đện tử.  - Các phương thức truyền tải tín hiệu âm thanh và hình ảnh  - Các nguyên lý cơ bản trong kỹ thuật phát thanh truyền hình. | -Phan Văn Hồng *Nhập môn Kỹ thuật truyền hình*, 2000, tr1-15,  - Nguyễn Quang Đức, *Giáo trình Kỹ thuật truyền thanh*, Đại học Thành Đô, 2011, tr5-15, |  |
| Tuần 2 | - Chỉ ra một sô sơ đồ hệ thống kỹ thuật cơ bản trong sản xuất phát thanh và truyền hình:  + Một số mô hình kỹ thuật phát thanh: Mô hình kỹ thuật phát thanh trực tiếp, phát thanh gián tiếp, one man studio, phát thanh phòng thu...  + Một số mô hình kỹ thuật truyền hình: truyền hình trực tiếp, truyền hình gián tiếp, show truyền hình ngoài trời, truyền hình trong trường quay  - Phân tích để sinh viên nắm được quy trình hoạt động các mô hình. Hướng dẫn một vài mô hình cơ bản dựa trên hệ thống trang thiết bị của Nhà trường | - Phan Văn Hồng, *Nhập môn Kỹ thuật truyền hình*, 2000, tr 25-32,  - Giáo trình đào tạo phát thanh trực tiếp (Live report) của Thuỵ Điển và Úc,tr3-10 |  |
| Tuần 3 | - Phân tích một số sơ đồ hệ thống truyền dẫn phát sóng của phát thanh và truyền hình: analog, kỹ thuật số, công nghệ internet  - Giới thiệu về các phương thức truyền dẫn phát sóng: Sóng, tần số, viba, cáp quang, vệ tinh, internet...  - Đánh giá tầm quan trọng, ý nghĩa của từng thiết bị trong một vài hệ thống truyền dẫn phổ biến. | -Giáo trình đào tạo phát thanh trực tiếp (Live report) của Thuỵ Điển và Úc, tr11-19,21,22  - Phan Văn Hồng, *Nhập môn Kỹ thuật truyền hình*, 2000  Tài liệu thêm |  |
| Tuần 4 | - Đưa ra và phân tích để sinh viên nắm được các bộ chỉ số tiêu chuẩn kỹ thuật căn bản của phát thanh và truyền hình:  + Phát thanh: Tần số, biên độ sóng, tín hiệu ghi âm, lọc, tiếng ồn...  + Truyền hình:Các hệ màu cơ bản: PAL, NTSC, SECAM...;các tiêu chuẩn trong truyền hình: FCC, OIRT.. | - Bộ Thông tin và Truyền thông, [Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/06/2006](http://mic.gov.vn/vbqppl/Lists/Vn%20bn%20QPPL/DispForm.aspx?ID=6984)-- Bộ Thông tin và Truyền thông, Nghị định số [127/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.](http://mic.gov.vn/vbqppl/Lists/Vn%20bn%20QPPL/DispForm.aspx?ID=7025) |  |
| Tuần 5 | - Giới thiệu Quy trình vận hành  - Giới thiệu Kỹ năng vận hành một số thiết bị cơ bản.  - Thực tập sử dụng một số thiết bị cơ bản. | Xem và tìm hiểu một số video clip miêu tả quiytrình kỹ thuật sản xuất một chương trình phát thanh truyền hình. |  |
| Tuần 6 | - Giới thiệu về tầm quan trọng của hoạt động sản xuất tiền kỳ.  - Giới thiệu về một số máy móc hoạt động trong quy trình sản xuất tiền kỳ.  - Hướng dẫn sử dụng một số thiết bị tiền kỳ cơ bản | - Tài liệu nội bộ, Hướng dẫn sử dụng máy quay phim Z7,chương II  - Tài liệu nội bộ, Hưỡng dẫn sử dụng máy ghi âm H2 và H4N |  |
| Tuần 7 | - Đi thực tế xem kỹ thuật sản xuất tiền kỳ phát thanh hoặc truyền hình.  - Làm bài tập quan sát về hoạt động sản xuất tiền kỳ. (chấm điểm thường xuyên). | - Đoàn Quang Lang, *Nghiệp vụ phóng viên biên tập phát thanh*, Nxb Thông tin, 1992  - Thomas I.Ford, *Kỹ thuật quay video căn bản.* |  |
| Tuần 8 | - Giới thiệu về tầm quan trọng của hoạt động sản xuất hậu kỳ.  - Giới thiệu về một số máy móc hoạt động trong quy trình sản xuất hậu kỳ.  - Giới thiệu qua về các phần mềm trong hoạt động sản xuất hậu kỳ  - Hướng dẫn sử dụng một số thiết bị hậu kỳ cơ bản | Tìm thêm các sách hướng dẫn dựng phim và dựng hình:  - Adobe premiere CS5 cho người tự học, NXB Hồng Đức, 2012  - Hướng dẫn sử dụng phần mềm adobe audition 5.0 |  |
| Tuần 9 | - Đi thực tế xem kỹ thuật sản xuất hậu kỳ phát thanh hoặc truyền hình.  - Làm bài tập quan sát về hoạt động sản xuất hậu kỳ. (chấm điểm thường xuyên). | - Zettl, Video *Basic*. tr45-60  - Đoàn Quang Lang, *Nghiệp vụ phóng viên biên tập phát thanh*, Nxb Thông tin, 1992 |  |
| Tuần 10 | Chia nhóm sinh viên thực hiện một tác phẩm hoặc là phát thanh hoặc là truyền hình để lấy điểm giữa kỳ. |  |  |
| Tuần 11 | - Giới thiệu về tầm quan trọng của kỹ thuật truyền dẫn phát sóng.  - Giới thiệu về một số máy móc hoạt động trong hoạt động phát sóng truyền dẫn.  - Giới thiệu một số mô hình phát sóng truyền dẫn hiện đại.  - Yêu cầu sinh viên tìm hiểu thêm một số mô hình ở nhà. | Quyết định phê duyệt quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh truyền hình đến năm 2020 |  |
| Tuần 12 | - Hướng dẫn sinh viên thu âm một số chương trình phát thanh ngoài hiện trường.  - Chia nhóm để sinh viên tự thu âm một số tác phẩm của riêng mình.  - Sau buổi thực hành, xem sản phẩm, phân tích. Sau đó đưa sản phẩm lên mạng để lưu trữ làm học liệu cho khóa sau tham khảo. | - Tài liệu nội bộ, Hưỡng dẫn sử dụng máy ghi âm H2 và H4N |  |
| Tuần 13 | - Hướng dẫn sinh viên ghi hình một số đoạn video ngoài hiện trường.  - Chia nhóm để sinh viên tự ghi hình một số tác phẩm truyền hình của riêng nhóm mình.  - Sau buổi thực hành, xem sản phẩm, phân tích. Sau đó đưa sản phẩm lên mạng để lưu trữ làm học liệu cho khóa sau tham khảo. | - Tài liệu nội bộ, Hướng dẫn sử dụng máy quay phim Z7,chương II |  |
| Tuần 14 | - Tổng hợp và ôn luyện lại toàn bộ khối lượng kiến thức đã học.  - Làm bài cuối kỳ nhóm | Các tài liệu đã hướng dẫn từ tuần 1 đến tuần 13. |  |
| Tuần 15 | - Hệ thống lại toàn bộ kiến thức một lần nữa về những nội dung đã học.  - Chữa bài tập cuối kỳ, rút kinh nghiệm.  - Giải đáp những thắc mắc của sinh viên. | Các tài liệu đã hướng dẫn từ tuần 1 đến tuần 13. |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học.

- Các bài tập nộp đúng hạn.

- Đi học đầy đủ ( nghỉ không quá 20% tổng số giờ )

- Chuẩn bị bài đủ trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề

- Khuyến khích và có chế độ thưởng điểm với những sinh viên tích cực tham gia thảo luận tại lớp và tìm kiếm, tổng hợp và chia sẻ tư liệu về các nội dung của môn học

- Thiếu một trong các điểm thành phần sẽ không được thi hết môn học. Các trường hợp đặc biệt do giảng viên xem xét.

1. **Phương pháp dạy – học**

Các phương pháp sử dụng dạy và học trong học phần

* Thuyết giảng trên lớp
* Gửi tài liệu nghiên cứu
* Thảo luận nhóm
* Thuyết trình
* Thực hành

1. **Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

**12.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên**

- Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia của sinh viên trên lớp.

- Các bài tập: 02 bài thu hoạch sau khi đi thực tế nửa đầu và nửa cuối của Học phần

- Điểm thường xuyên tính trung bình trung điểm chuyên cần và điểm bài tập - trọng số 10%

**12.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ**

- Kiểm tra - đánh giá giữa kì: Thực hành nhóm với thiết bị phát thanh, thiết bị truyền hình: thu âm hoặc ghi hình một tác phẩm phát thanh, truyền hình (30%)

- Bài giữa kỳ: Sản xuất tác phẩm phát thanh truyền hình: tuần 10 – kết thúc nội dung 7.

- Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Thực hành nhóm: thu âm hoặc ghi hình một tác phẩm phát thanh, truyền hình (60%)

Bài hết môn: Làm bài thực hành hoặc tiểu luận tổng kết : tuần 14 – Kết thúc nội dung 10

1. **Học liệu:**

- Tài liệu tiếng việt:

1. Nguyễn Quang Đức, *Giáo trình Kỹ thuật truyền thanh*, Đại học Thành Đô, 2011
2. Phan Văn Hồng, *Nhập môn Kỹ thuật truyền hình*, 2000
3. Trần Bảo Khánh, *Quay phim truyền hình*, Phân viện Báo chí Tuyên truyền, 2000
4. Đoàn Quang Lang, *Nghiệp vụ phóng viên biên tập phát thanh*, Nxb Thông tin, 1992
5. Lê Thuận - Thanh Tâm - Quang Huy, *Adobe Premiere CS5 dành cho người tự học, NXB Hồng Đức, 2012*
6. Bộ Thông tin và Truyền thông, [*Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/06/2006*](http://mic.gov.vn/vbqppl/Lists/Vn%20bn%20QPPL/DispForm.aspx?ID=6984)
7. Bộ Thông tin và Truyền thông, *Quyết định phê duyệt quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh truyền hình đến năm 2020.*
8. Bộ Thông tin và Truyền thông, *Nghị định số*[*127/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.*](http://mic.gov.vn/vbqppl/Lists/Vn%20bn%20QPPL/DispForm.aspx?ID=7025)
9. Giáo trình đào tạo phát thanh trực tiếp (Live report) của Thuỵ Điển và Úc.
10. Các đĩa DVD, VCD miêu tả qui trình kỹ thuật sản xuất một chương trình phát thanh. Các tạp chí chuyên ngành: Người làm báo, Nghề báo…
11. Phân viện báo chí & tuyên truyền – Đài tiếng nói Việt Nam, *Báo phát thanh*, Nxb Văn hoá – Thông tin, 2002.
12. Tài liệu nội bộ, Hướng dẫn sử dụng máy quay phim Z7.
13. Tài liệu nội bộ, Hưỡng dẫn sử dụng máy ghi âm H2 và H4N

* Tài liệu nước ngoài:

1. Tony Barr, *Acting for the camera*
2. Thomas I.Ford, *Kỹ thuật quay video căn bản*
3. Joseph Straubhaar, Robert La Rose, *Media Now (chapter 5: Radio and Record Music, p.147)*
4. Zettl, Video *Basic*.
5. Radio *Broadcasting*, Viện phát triển truyền thanh châu Á - Thái Bình Dương (AIBD).

- Các trang web liên quan:

* + www.htv.com.vn
  + [www.vietnamjournalism.com](http://www.vietnamjournalism.com)
  + [www.nghebao.com](http://www.nghebao.com).
  + [www.vtv](http://www.vtv/).org.vn

1. **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Kỹ thuật phát thanh truyền hìnhcung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản về kỹ thuật trong lĩnh vực phát thanh truyền hình: nguyên lý kỹ thuật phát thanh, sơ đồ hệ thống thiết bị sản xuất, các tiêu chuẩn kỹ thuật căn bản, quy trình vận hành thiết bị tiền kỳ, hậu kỳ, thiết bị phát sóng phát thanh và truyền hình. Kết thúc khóa học, sinh viên có thể chủ động trong việc sử dụng máy móc thiết bị phục vụ quá trình học tập và sản xuất các ấn phẩm truyền hình.

1. **Nội dung chi tiết học phần:**

**Chương 1. Nguyên lý kỹ thuật phát thanh truyền hình**

* 1. *Các nguyên lý kỹ thuật phát thanh.*

*1.2 Các nguyên lý kỹ thuật truyền hình.*

# **Chương 2. Sơ đồ hệ thống thiết bị sản xuất phát thanh truyền hình**

2.1 *Sơ đồ hệ thống thiết bị sản xuất phát thanh.*

2.2 *Sơ đồ hệ thống thiết bị sản xuất truyền hình.*

# **Chương 3. Sơ đồ hệ thống truyền dẫn phát sóng**

*3.1. Sơ đồ hệ thống truyền dẫn phát sóng phát thanh.*

*3.2. Sơ đồ hệ thống truyền dẫn phát sóng truyền hình.*

# **Chương 4. Các tiêu chuẩn kỹ thuật căn bản**

*4.1 Hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật của phát thanh.*

*4.2 Hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật của truyền hình.*

# **Chương 5. Quy trình vận hành thiết bị phát thanh truyền hình**

*5.1. Quy trình vận hành thiết bị phát thanh.*

*5.2 Quy trình vận hành thiết bị truyền hình.*

# **Chương 6. Kỹ thuật sản xuất tiền kỳ phát thanh truyền hình**

*6.1 Kỹ thuật sản xuất tiền kỳ phát thanh.*

*6.2 Kỹ thuật sản xuất tiền kỳ truyền hình.*

# **Chương 7. Kỹ thuật sản xuất hậu kỳ phát thanh truyền hình**

*7.1. Kỹ thuật sản xuất hậu kỳ phát thanh.*

*7.2. Kỹ thuật sản xuất hậu kỳ truyền hình.*

# **Chương 8. Kỹ thuật phát sóng truyền dẫn**

*8.1 Kỹ thuật phát sóng truyền dẫn của phát thanh.*

*8.2 Kỹ thuật phát sóng truyền dẫn của truyền hình.*

# **Chương 9. Thực hành kỹ năng sử dụng thiết bị phát thanh**

*9.1 Thực hành kỹ năng sử dụng thiết bị tiền kỳ phát thanh*

*9.2 Thực hành kỹ năng sử dụng thiết bị hậu kỳ phát thanh*

*9.3 Thực hành kỹ năng sử dụng thiết bị phát sóng truyền dẫn phát thanh.*

# **Chương 10*.* Thực hành kỹ năng sử dụng thiết bị truyền hình.**

*10.1 Thực hành kỹ năng sử dụng thiết bị tiền kỳ truyền hình.*

*10.2 Thực hành kỹ năng sử dụng thiết bị hậu kỳ truyền hình.*

*10.3 Thực hành kỹ năng sử dụng thiết bị phát sóng truyền dẫn truyền hình*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**KỸ NĂNG VIẾT CHO PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH**

(*Writing for broadcasting*)

1. **Mã học phần: JOU3040**
2. **Số tín chỉ:** 04
3. **Học phần tiên quyết:** JOU3064
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Giảng viên:**

- Bùi Chí Trung, Tiến sỹ, Đại học KHXH&NV

- Vũ Trà My, Thạc sỹ, Đại học KHXH&NV

1. **Mục tiêu học phần:**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý luận phát thanh và truyền hình, những kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình, phương thức sản xuất các chương trình phát thanh- truyền hình hiện đại. Thông qua những bài học, bài giảng, thảo luận trên lớp từ đơn giản đến phức tạp, sinh viên được rèn luyện những kỹ năng xử lý thông tin, các tình huống liên quan đến các chương trình phát thanh và truyền hình hiện đại.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

* **Kiến thức**

+ Cung cấp cho người học những lý luận về phát thanh và truyền hình từ góc độ một hệ thống truyền tải và về ứng xử của công chúng. Thiết lập một hệ thống nguyên tắc cho người viết cần và hiểu để áp dụng vào công việc thực tiễn.

+ Hiểu được đặc thù, phương pháp, nguyên tắc hoạt động viết cho phát thanh và truyền hình. Hiểu được mối quan hệ giữa viết cho phát thanh truyền hình và các hoạt động sản xuất khác.

+ Hiểu được các kỹ năng viết và biên tập theo thể loại tác phẩm ,chương trình truyền hình, cách tổ chức chương trình và nội dung chương trình.

+ Giúp người học nắm được những thao tác nghiệp vụ của một phóng viên phát thanh và truyền hình.

**-Kỹ năng:**

+ Kỹ năng viết, xây dựng kịch bản

+ Kỹ năng viết phóng sự, phỏng vấn phát thanh và truyền hình

+ Kỹ năng quay, dựng, biên tập

+ Kỹ năng tổ chức chương trình và xây dựng nội dung

+ Kỹ năng phát hiện, tìm kiếm ý tưởng để phân tích và xây dựng kịch bản chương trình

+ Kỹ năng phỏng vấn, cách đặt câu hỏi

+ Kỹ năng viết lời bình

+ Người học rèn luyện ác kỹ năng phát hiện chủ đề và tổ chức xây dựng một số bản tin phát thanh và truyền hình, và các chương trình phát thanh- truyền hình.

**- Thái độ, chuyên cần:**

+ Có thái độ công bằng, khách quan và khoa học trong nhận xét, đánh giá phân tích tác phẩm, chương trình.

+ Sinh viên làm việc theo nhóm với những kỹ năng trình bày sản phẩm trước lớp và tạo lập cách thức đánh giá sản phẩm

+ Sinh viên cần vận dụng tức thời kỹ năng viết kịch bản trong từng giờ học, đặc biệt là những giờ làm bài tập tại lớp

1. **Ma trận luên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1 | Cung cấp cho người học những lý luận về phát thanh và truyền hình từ góc độ một hệ thống truyền tải và về ứng xử của công chúng. Thiết lập một hệ thống nguyên tắc cho người viết cần và hiểu để áp dụng vào công việc thực tiễn. | PLO1.3 |
| CLO2 | Hiểu được đặc thù, phương pháp, nguyên tắc hoạt động viết cho phát thanh và truyền hình. Hiểu được mối quan hệ giữa viết cho phát thanh truyền hình và các hoạt động sản xuất khác. | PLO1.4 |
| CLO3 | Hiểu được các kỹ năng viết và biên tập theo thể loại tác phẩm ,chương trình truyền hình, cách tổ chức chương trình và nội dung chương trình. Giúp người học nắm được những thao tác nghiệp vụ của một phóng viên phát thanh và truyền hình. | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Kỹ năng viết, xây dựng kịch bản; Kỹ năng viết phóng sự, phỏng vấn phát thanh và truyền hình | PLO2.1 |
| CLO5 | Kỹ năng quay, dựng, biên tập | PLO2.1 |
| CLO6 | Kỹ năng tổ chức chương trình và xây dựng nội dung; Kỹ năng phát hiện, tìm kiếm ý tưởng để phân tích và xây dựng kịch bản chương trình | PLO2.1 |
| CLO7 | Kỹ năng phỏng vấn, cách đặt câu hỏi; Kỹ năng viết lời bình | PLO2.1 |
| CLO8 | Người học rèn luyện ác kỹ năng phát hiện chủ đề và tổ chức xây dựng một số bản tin phát thanh và truyền hình, và các chương trình phát thanh- truyền hình. | PLO2.2 |
| Thái độ | |  |
| CLO9 | Có thái độ công bằng, khách quan và khoa học trong nhận xét, đánh giá phân tích tác phẩm, chương trình. | PLO4 |
| CL10 | Sinh viên làm việc theo nhóm với những kỹ năng trình bày sản phẩm trước lớp và tạo lập cách thức đánh giá sản phẩm | PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1+2 | - Giới thiệu mục đích, yêu cầu, tài liệu tham khảo, các dạng bài tập  - Lịch sử ra đời và phát triển phát thanh, truyền hình  - Khái niệm, thuật ngữ, phát thanh, truyền hình  - Đặc điểm, đặc trưng của phát thanh, truyền hình  - Nguyên tắc viết cho phát thanh, truyền hình  - Những công nghệ mới của phát thanh, truyền hình hiện đại | Hướng dẫn sử dụng, nghiên cứu một số phương pháp học tập  Đọc các học liệu bắt buộc 1( 15- 50) bắt buộc 2 ( 75- 112) bắt buộc 3( 215- 275)-  Đặc biệt quan tâm đến những nội dung bàn về đặc tính của phát thanh, truyền hình  -Nghe, xem băng đĩa các tác phẩm , chương trình phát thanh, truyền hình về thời điểm, thời lượng phát sóng, nội dung, các yếu tố chương trình. |  |
| Tuần 3 | - Kỹ năng viết kịch bản cho phát thanh, truyền hình  - Những đặc trưng và yếu tố của kịch bản  - Các loại kịch bản của phát thanh, truyền hình | Đọc tài liệu do giảng viên cung cấp |  |
| Tuần 4+5 | - Kỹ năng viết tin cho phát thanh và truyền hình  - Kỹ năng phỏng vấn cho phát thanh truyền hình.  - Kỹ năng viết phóng sự và ký sự cho phát thanh truyền hình.  - Kỹ năng làm phim tài liệu.  - Kỹ năng viết tiểu phẩm và câu chuyện báo chí. | Đọc tài liệu bắt buộc  ( 85- 112) |  |
| Tuần 6 | - Khái niệm về biên tập và montage  - Phương pháp biên tập.  -Nghệ thuật montage  -Thủ pháp montage.  - Kết cấu montage | Đọc tài liệu do giảng viên cung cấp |  |
| Tuần 7 | - Đặc tính của âm thanh: tiếng động ,âm nhạc,giọng nói,lời bình,...  -Ngôn ngữ và tiết tấu trong phát thanh và truyền hình |  |  |
| Tuần 8+9 | - Khái niệm và đặc điểm của hình ảnh trong truyền hình.  - Vai trò của hình ảnh  - Kỹ năng quay ,lấy cỡ cảnh , động tác máy .logic hình ,kỹ xảo chuyển cảnh  - Kỹ năng viết lời bình cho hình ảnh .  - Các thuật ngữ sử dụng trong truyền hình.  - Chia nhóm thực hành quay và viết lời bình cho hình ảnh | -Đọc tài liệu do giảng viên cung cấp  -Xem thời sự chương trình VTV và đài địa phương. |  |
| Tuần 10+11 | - Các lựa chọn xác định nguồn tin cho bài viết.  -Sử dụng nguồn tin trong tác nghiệp phát thanh và truyền hình  - Các xử lý và khai thác nguồn tin | Đọc tài liệu do giảng viên cung cấp Chuẩn bị câu hỏi cho giảng viên |  |
| Tuần 12+13+14 | - Khái niệm và đặc điểm của công chúng phát thanh và truyền hình.  - Giới thiệu khán, thính giả tiềm năng và khán thính giả thực tế  - Khán thính giá mục tiêu.  - Đánh giá số lượng và chất lượng khán thính giả.  Bài tập lớn /học kỳ | -Đọc học liệu tham khảo đã nêu ở trên.  - Trình bày tóm tắt nội dung một ký sự truyền hình đã phát trên các kênh VTV |  |
| Tuần 15 | Xây dựng đề cương ôn tập, chuẩn bị cho bài tập hết môn  Sinh viên và giảng viên cùng nhận xét sản phẩm của mỗi nhóm  Giải đáp thắc mắc của sinh viên | Xem lại toàn bộ bài học của 14 tuần trước, nêu câu hỏi  Nhận xét, đánh giá |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học phần được ghi trong đề cương.

- Thiếu một điểm thành phần, không được tính điểm môn đó.

- Các bài tập phải nộp đúng hạn và đầy đủ.

- Đi học đầy đủ, đúng giờ (nghỉ không quá 20% tổng số giờ).

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương.

1. **Phương pháp dạy – học**

Các phương pháp sử dụng dạy và học trong học phần

- Thuyết giảng trên lớp

- Gửi tài liệu nghiên cứu

- Thảo luận nhóm

- Thuyết trình

- Thực hành

1. **Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

**12.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên**

- Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia của sinh viên trên lớp.

- Các bài tập: 02 bài thu hoạch sau khi đi thực tế nửa đầu và nửa cuối của Học phần

- Điểm thường xuyên tính điểm chuyên cần hoặc điểm bài tập - trọng số 10%

**12.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ**

- Kiểm tra - đánh giá giữa kì: Thực hành nhóm (30%) sản xuất một thể loại phát thanh/ truyền hình

- Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Bài tập nhóm hoặc bài tập cá nhân (60%) sản xuất một bản tin/ chương trình phát thanh/truyền hình

1. **Học liệu:**

***13.1 Học liệu bắt buộc***

1. Dương Xuân Sơn ( 2009) *Giáo trình Báo chí truyền hình*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội

2.Phân viện báo chí và Tuyên truyền (2002), *Báo Phát Thanh,* NXB Văn Hóa- Thông tin, Hà Nội

***13.2 Học liệu tham khảo:***

3. G.V.Cudonhetxop (2004) X.L.Xvich, A.La.Iuropxki, *Báo chí truyền hình* (hai tập).Người dịch: Đào Tuấn Anh, NXB Thông tấn, Hà Nội

4. Brigitte Besse ,Didier Desormeaux (2004), *Phóng sự truyền hình* (sách tham khảo nghiệp vụ , tái bản), người dịch: Đoàn Văn Tấn, NXB Thông tấn, Hà Nội

5. Nguyễn Văn Dững (chủ biên), (2006) *Tác phẩm báo chí* (tập 2), NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội

6. Khoa báo chí: *Báo chí -Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Giáo dục, Tập1 -1994, Tập 4, 5, 6, 7 (1997 – 2010) NXB ĐHQG HN, Hà Nội

7. *Các thể loại báo in* (2005), NXB ĐHQG TP Hồ Chí Minh

8. Đinh Văn Hường (2006 ) *Các thể loại báo chí Thông tấn*, NXB ĐHQGHN

9. Nhật An (2006) *Đường vào nghề phát thanh Truyền hình*, NXB Trẻ Tp.Hồ Chí Minh

10. Richard Walter (1995) *Kỹ thuật viết kịch bản điện ảnh và truyền hình*, NXB Văn hóa Thông tin

11. Rogerl Walters (2006) *Viết cho phát thanh truyền hình, nguyên tắc và thực hành*, (Tập 1, 2) Trà My - Trà Giang dịch, Tài liệu do giảng viên cung cấp

12. Trần Quang (2005) *Các thể các loại báo chí chính luận*. NXB ĐHQGHN, Hà Nội

13. Dương Xuân Sơn (2004), *Thể loại báo chí chính luận nghệ thuật*, NXB ĐHQG HN, Hà Nội

14. Dương Xuân Sơn ( 2012) *Lý luận báo chí truyền thông*, NXB Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội

15. Dương Xuân Sơn (2001) *Báo chí phương Tây*, NXBĐHQG TP HCM

16. Bùi Phu (1984) *Đặc trưng ngôn ngữ điện ảnh,* NXB Văn hóa Hà Nội, Hà Nội

17. Macxen Mactanh (1985) *Ngôn ngữ điện ảnh*,Cục điện ảnh ,NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội

18. Vũ Quang Hào (2003) *Ngôn ngữ báo chí*, NXB ĐHQG HN

19. Trần Bảo Khánh (2003) *Sản xuất chương trình truyền hình*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội

20. Vũ Thanh Hường (2003) *Tổ chức sản xuất các chương trình trò chơi truyền hình*. Luận văn thạc sỹ

21. Nguyễn Hoài Hương (2002) *Nâng cao chất lượng chương trình Nông nghiệp nông thôn của Đài THVN*, Luận văn thạc sỹ

22.Đỗ Thị Bạch Dương (2003) *chương trình trò chơi truyền hình với khán giả Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ báo chí học

23. *40 năm Đài truyền hình Việt Nam* (7/9/1070 -7/9/2010)

24. *Các chương trình của VTV1, VTV2, VTV3, VTV4, VTV5, VTV6 của Đài truyền hình Việt Nam*

25. *Tạp chí truyền hình Đài THVN*

26. *Làm tin phóng sự truyền hình* (Lê Phong dịch )

27. Nguyễn Quỳnh Trang ( 2012) *Nghiên cứu quy trình sản xuất trò chơi truyền hình( gameshows) ,*luận văn Thạc sỹ

28. Lê Thị Ngọc ( 2012) *Tính sáng tạo trong kịch bản truyền hình trực tiếp và cầu truyền hình ở Đài THVN* ,Luận văn Thạc sỹ

29. *Cẩm nang hướng dẫn phát thanh trực tiếp* (2005), NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội

30. Khoa Báo chí, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (1998) *Nhà báo bí quyết kĩ năng – nghề nghiệp*, NXB Lao động, Hà Nội

31. *Kỹ năng phỏng vấn dành cho các nhà báo* (2007), NXB Thông tấn, Hà Nội

32. Eric Fikhtelius, *10 Bí quyết kỹ năng nghề báo* (2002), Khoa Báo chí – Phân viện Báo chí và Tuyên truyền biên soạn và giới thiệu, NXB Lao động, Hà Nội

33. Tủ sách tham khảo nghiệp vụ báo chí của Nhà xuất bản Thông tấn, *Kỹ năng biên tập* (2007) NXB Thông tấn, Hà Nội

34. Bùi Chí Trung (2012), *Nghiên cứu xu hướng phát triển của truyền hình từ góc độ kinh tế học truyền thông*, Luận án Tiến sĩ

35. Trường Phát thanh Truyền hình và Điện ảnh Oxtraylia (2002) *Hướng dẫn sản xuất chương trình phát thanh*, Hà Nội

1. 36. Thùy Long – Hương Thu chủ biên (2012) *Hành trang nghề báo: Kỹ năng thu thập thông tin và viết bài*, NXB Thông tấn, Hà Nội
2. **Tóm tắt nội dung học phần:**

*Kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình:* Là Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bản chất, đặc trưng, đặc điểm và kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình bao gồm: Những vấn đề chung về truyền thông phát thanh và truyền hình*;* Kỹ năng viết kịch bản*;* Kỹ năng viết theo thể loại tác phẩm*;* Kỹ năng sử dụng hình ảnh*;* Kỹ năng sử dụng âm thanh;Kỹ năng biên tập và montage; Kỹ năng khai thác và thu thập thông tin;Kinh tế - Kinh doanh phát thanh, truyền hình *;* Viết cho khán thính giả.

Học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng, phương pháp biên tập tác phẩm, cách thiết kế câu hỏi, cách thu thập và xử lý thông tin theo từng thể loại tác phẩm truyền hình.

Ngoài ra, Học phần còn cung cấp một số dạng kịch bản, mô hình truyền thông, mối quan hệ giữa hình ảnh và âm thanh, cách dựng và viết lời bình trong sáng tạo tác phẩm chương trình phát thanh và truyền hình.

Kiến thức và kỹ năng do Học phần cung cấp sẽ hữu ích cho người học khi tác nghiệp tại cơ quan báo chí truyền thông nói chung và nâng cao chất lượng nghiệp vụ nghề nghiệp của bản thân nói riêng.

1. **Nội dung chi tiết học phần:**

**Chương 1 .** Những vấn đề chung về phát thanh và truyền hình

*1.1 Các thuật ngữ , khái niệm và đặc điểm của phát thanh và truyền hình*

*1.2 Lịch sử ra đời và phát triển của phát thanh và truyền hình*

*1.3 Các yếu tố trong quá trình truyền thông phát thanh và truyền hình*

*1.4 Nguyên tắc viết cho phát thanh và truyền hình*

*1.5 Mối quan hệ giữa viết cho phát thanh, truyền hình và các hoạt động sản xuất khác*

**Chương 2**: Kỹ năng viết kịch bản cho phát thanh và truyền hình

* 1. *Khái niệm và đặc điểm của kịch bản phát thanh và truyền hình*
  2. *Các yếu tố trong xây dựng kịch bản*

*2.3 Tính sáng tạo trong kịch bản*

*2.4 Kết cấu kịch bản*

*2.5 Các hình thức thiết kế kịch bản*

**Chương 3**: Kỹ năng viết theo thể loại tác phẩm

*3.1 Viết tin*

*3.2 Phỏng vấn*

*3.3 Phóng sự,ký sự*

*3.4 Phim tài liệu*

*3.5 Tiểu phẩm và câu chuyện*

**Chương 4**: Kỹ năng sử dụng âm thanh trong phát thanh và truyền hình

*4.1 Đặc tính của âm thanh*

*4.2 Tiếng động*

*4.3 Âm nhạc là âm thanh*

*4.4 Giọng nói là âm thanh*

*4.5 Một số lưu ý*

**Chương 5**: Kỹ năng sử dụng hình ảnh

*5.1 Đặc trưng, đặc điểm của hình ảnh trong truyền hình*

*5.2 Vai trò của hình ảnh*

*5.3 Góc quay, cỡ cảnh, động tác máy, logic hình, kỹ xảo chuyển cảnh*

*5.4 Viết lời bình cho hình ảnh*

*5.5 Các thuật ngữ sử dụng trong truyền hình*

*5.6 Một số lưu ý khi sử dụng hình ảnh*

**Chương 6** : Kỹ năng biên tập và montage

*6.1 Khái niệm về biên tập và montage*

*6.2 Phương pháp biên tập*

*6.3 Nghệ thuật montage*

*6.4 Thủ pháp montage*

*6.5 Kết cấu montage*

**Chương 7**: Kỹ năng khai thác và thu thập thông tin

*7.1 Lựa chọn, xác định nguồn tin cho bài viết*

*7.2 Sử dụng nguồn tin trong tác nghiệp truyền hình*

*7.3 Lập, cập nhật và nuôi dưỡng nguồn tin*

*7.4 Cách xử lý và khai thác nguồn tin*

**Chương 8**: Viết cho khán thính giả

*8.1 Khái niệm công chúng phát thanh và truyền hình*

*8.2 Đặc trưng, đặc điểm của công chúng phát thanh và truyền hình*

*8.3 Khán thính giả tiềm năng và khán thính giả thực tế*

*8.4 Khán thính giả mục tiêu*

*8.5 Đánh giá số lượng và chất lượng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**QUẢN TRỊ NỘI DUNG WEBSITE**

*(Management of website content)*

1. **Mã học phần:** JOU3071
2. **Số tín chỉ:** 03
3. **Học phần tiên quyết:** JOU2017

Báo chí truyền thông đại cương, Lý luận báo chí truyền thông, Tin học đại cương

1. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
2. **Giảng viên**

* Trần Duy, Giảng viên, Tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
* Đỗ Anh Đức, Giảng viên, Tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

**6. Mục tiêu của học phần**

Học phần *Quản trị nội dung website* cung cấp kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về đặc điểm, tính năng và khả năng truyền thông của website; Tiêu chí, cách thức triển khai xây dựng ý tưởng và tổ chức các nhóm nội dung phù hợp cho từng loại website và các vấn đề liên quan. Quy trình quản trị nội dung website (nghĩa hẹp): sản xuất, biên tập, phát tán nội dung và phân tích phản hồi. Coi trọng giá trị của công cụ truyền thông website và sự vận dụng hợp lý trong hệ thống các công cụ truyền thông Internet.

**7. Chuẩn đầu ra của học phần**

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

***Về kiến thức*:**

* Phân tích và đánh giá được công cụ website trong hệ thống các công cụ truyền thông Internet.
* Hiểu đươc đặc điểm, tính năng của từng nhóm website chi phối đến quy trình xây dựng và quản trị nội dung truyền thông.
* Đánh giá được hiệu quả truyền thông của các nhóm website.
* Vận dụng được tư duy và kiến thức để thiết kế chuyên mục nội dung cho website.

***Về kỹ năng***

* Xây dựng được nội dung phù hợp và quản trị quy trình sản xuất các sản phẩm nội dung cho website theo kế hoạch truyền thông.
* Thiết kế, xây dựng được các nhóm nội dung theo chuyên trang, chuyên mục tĩnh và động trên website.
* Vận dụng được công nghệ cũng như chọn lựa được mô hình nội dung phù hợp nhất với mục đích truyền thông.
* Sử dụng được phần mềm quản trị nội dung (CMS) để thiết kế và sản xuất các sản phẩm cho truyền thông qua website.
* Khai thác được công nghệ để tìm kiếm thông tin, mở rộng hiểu biết và truyền thông tới độc giả.
* Đánh giá đươc các sản phẩm truyền thông hiện đại và từ đó rút ra những kinh nghiệm, bài học trong việc thiết kế và sản xuất các sản phẩm website truyền thông.
* Viết, biên tập được tin, bài cho website.

***Thái độ:***

* Yêu thích và say mê nghề nghiệp.
* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc và có khả năng đọc hiểu, nghiên cứu, thực hành chuyên sâu trong lĩnh vực truyền thông website nói riêng, truyền thông Internet nói chung.

**8. Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1 | -Phân tích và đánh giá được công cụ website trong hệ thống các công cụ truyền thông Internet. | PLO1.4 |
| CLO2 | -Hiểu đươc đặc điểm, tính năng của từng nhóm website chi phối đến quy trình xây dựng và quản trị nội dung truyền thông. | PLO1.3 |
| CLO3 | -Đánh giá được hiệu quả truyền thông của các nhóm website. | PLO2.1.1 |
| CLO4 | -Vận dụng được tư duy và kiến thức để thiết kế chuyên mục nội dung cho website. | PLO2.1.2 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO6 | Xây dựng được nội dung phù hợp và quản trị quy trình sản xuất các sản phẩm nội dung cho website theo kế hoạch truyền thông. | PLO2.1.4 |
| CLO7 | Thiết kế, xây dựng được các nhóm nội dung theo chuyên trang, chuyên mục tĩnh và động trên website. | PLO 2.2.5 |
| CLO8 | -Vận dụng được công nghệ cũng như chọn lựa được mô hình nội dung phù hợp nhất với mục đích truyền thông. | PLO 2.2.2 |
| CLO9 | -Sử dụng được phần mềm quản trị nội dung (CMS) để thiết kế và sản xuất các sản phẩm cho truyền thông qua website. | PLO 2.2.2 |
| CLO10 | -Khai thác được công nghệ để tìm kiếm thông tin, mở rộng hiểu biết và truyền thông tới độc giả | PLO 2.1.6 |
| CLO11 | -Đánh giá đươc các sản phẩm truyền thông hiện đại và từ đó rút ra những kinh nghiệm, bài học trong việc thiết kế và sản xuất các sản phẩm website truyền thông. | PLO 2.1.2 |
| Thái độ | |  |
| CLO12 | -Yêu thích và say mê nghề nghiệp. | PLO 3.1 |
| CLO13 | -Rèn luyện được thái độ nghiêm túc và có khả năng đọc hiểu, nghiên cứu, thực hành chuyên sâu trong lĩnh vực truyền thông website nói riêng, truyền thông Internet nói chung. | PLO 3.2 |
|  |  |  |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | Tổng quan về Internet, website và phân loại website | -Bài giảng của giảng viên  Tạ Ngọc Tấn, Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H., 2020. |  |
| Tuần 2 | Chương 2. Đặc điểm và tính năng của website | -Bài giảng của giảng viên  -John Rognerud, Hướng dẫn bài bản tối ưu hóa website cho doanh nghiệp, Nxb Hồng Đức, H.,2020. |  |
| Tuần 3 | Thực hành: Phân tích website |  |  |
| Tuần 4 | Một số vấn đề pháp lý trong tổ chức và sản xuất nội dung website | Bài giảng của giảng viên  Tạ Ngọc Tấn, Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H., 2020. |  |
| Tuần 5: | Các phần tử nội dung và phương pháp mã hoá nội dung website | Bài giảng của giảng viên  Meghan Casey, Bộ công cụ chiến lược nội dung, Nxb Trẻ, H., 2021. |  |
| Tuần 6 | Thực hành tuần 5 |  |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kỳ |  |  |
| Tuần 8 | Tiêu chí và quy trình tổ chức nội dung một website | Bài giảng của giảng viên  -John Rognerud, Hướng dẫn bài bản tối ưu hóa website cho doanh nghiệp, Nxb Hồng Đức, H.,2020. |  |
| Tuần 9 | Lên kế hoạch nội dung website | Bài giảng của giảng viên  Meghan Casey, Bộ công cụ chiến lược nội dung, Nxb Trẻ, H., 2021. |  |
| Tuần 10 | Thiết kế giao diện website trên wix | Bài giảng của giảng viên  -John Rognerud, Hướng dẫn bài bản tối ưu hóa website cho doanh nghiệp, Nxb Hồng Đức, H.,2020. |  |
| Tuần 11 | Quản trị và quản trị nội dung website | Bài giảng của giảng viên  Meghan Casey, Bộ công cụ chiến lược nội dung, Nxb Trẻ, H., 2021. |  |
| Tuần 12 | Nguồn tin và khai thác nguồn tin cho website | Bài giảng của giảng viên  Tạ Ngọc Tấn, Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H., 2020. |  |
| Tuần 13 | CMS, quy trình sản xuất và quản trị nội dung website | Bài giảng của giảng viên  -John Rognerud, Hướng dẫn bài bản tối ưu hóa website cho doanh nghiệp, Nxb Hồng Đức, H.,2020. |  |
| Tuần 14 | Ôn tập |  |  |
| Tuần 15 | Tổng kết |  |  |

1. Các yêu cầu với học phần:

Sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên

1. Phương pháp dạy-học:

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

+ Thuyết giảng

+ Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng.

+ Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm.

+ Mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom)

Các phương pháp học tập gồm:

+ Sinh viên tự đọc tài liệu.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.

+ Sinh viên xem các video bài giảng trên website của khoá học.

+ Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

+ Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:** Bài tập/ Tiểu luận

*12.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên*

- Chuyên cần: Trọng số 10%. Căn cứ vào sự có mặt và tham gia phát biểu của người học trên lớp. Nếu có mặt 100% nhưng không tham gia phát biểu thì được 8/10. Cứ tham gia phát biểu 2 lần được tính thêm 1 điểm thường xuyên nhưng tổng số điểm có mặt và điểm phát biểu không quá 10 điểm. Việc ghi chép số lần phát biểu, điểm danh có mặt do thư ký điểm danh của lớp học phần(Do Giảng viên chỉ định từ buổi học đầu tiên)

*12.2. Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Tính chất của nội dung kiểm tra** | **Mục đích kiểm tra** | **Trọng số** |
| Bài tập giữa kỳ | Bài tập kết hợp lý luận và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá khả năng ứng dụng lý thuyết và thực tiễn, năng lực làm việc cá nhân, làm việc nhóm | 30% |
| Bài thi hoặc tiểu luận hết môn | Kết hợp lý luận và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá mức độ nắm vững lý thuyết, tư duy lý luận, khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tế một cách linh hoạt và có hệ thống. | 60% |
| Bài tập thường xuyên, chuyên cần. | Thường dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn. | Đánh giá ý thức tự học, khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy lý luận và kĩ năng lập luận trình bày | 10% |

*12.3. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập*

*12.3.1. Bài tập thường xuyên:* Thường dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn. Các tiêu chí đánh giá các loại bài tập này có thể bao gồm:

- *Nội dung:*

+ Thực hiện được việc tổng hợp, đánh giá các nguyên tắc, vấn đề cơ bản của việc thiết kế và quản trị nội dung website

+ Phân tích, đánh giá, so sánh các nội dung của các website thông tin khác nhau

- *Hình thức:*

+ Bố cục hợp lý, ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, không dài quá so với quy định của giảng viên.

Ngoài ra, tùy loại vấn đề mà giảng viên có thể có các tiêu chí đánh giá riêng.

*12.3.2. Loại bài tập giữa kì:*

Là bài tập bước đầu phát triển kỹ năng kết hợp trong nhóm làm việc của người học – phóng viên tương lai, do đó chú trọng đến khả năng tổ chức nhóm và khả năng giải quyết các công việc được giao. Cụ thể:

- Có danh sách nhóm, nhiệm vụ của từng cá nhân và nhóm trưởng điều phối

- Quá trình làm việc của nhóm, giải quyết các tình huống phát sinh

- Sản phẩm tổng hợp cuối cùng của nhóm

- Những ý kiến sáng tạo cải tiến công việc trong thực tế

*12.3.3. Cấu trúc của đề thi hoặc tiểu luận đánh giá cuối kỳ*

+ Thể hiện được nội dung, chủ để trọng tâm

+ Có bằng chứng, trích dẫn rõ ràng, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, tầm quan trọng của từng nhóm vấn đề; khả năng sáng tạo, vận dụng trong hoạt động thực tiễn.

+ Có bằng chứng cụ thể về việc sử dụng các tài liệu, các công nghệ phương pháp, giải pháp do giảng viên hướng dẫn.

+ Bố cục hợp lý, ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, trình bày rõ ràng.

1. **Học liệu**

Bắt buộc:

Tạ Ngọc Tấn, *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H., 2020.*

***Học liệu tham khảo:***

Meghan Casey, Bộ công cụ chiến lược nội dung, Nxb Trẻ, H., 2021.

John Rognerud, Hướng dẫn bài bản tối ưu hóa website cho doanh nghiệp, Nxb Hồng Đức, H.,2020.

1. **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần *Quản trị nội dung website* trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về thiết kế, trình bày website, đồng thời đi sâu vào quy trình tổ chức và quản trị *nội dung* website trên cơ sở phương thức, nguyên tắc, những tiêu chí cơ bản và đặc điểm, tính năng của truyền thông website. Sinh viên sẽ được học kiến thức về tổ chức và sản xuất một số nội dung của một website, sử dụng thử nghiệm phần mềm quản trị nội dung phổ biến hiện nay. Ngoài ra, sinh viên sẽ được giới thiệu cách sản xuất và thiết kế các website và quá trình hoạt động, kinh doanh một website trên thực tế. Về thực hành, sinh viên sẽ được làm việc theo nhóm để sản xuất thử nghiệm nội dung website phục vụ nhu cầu của những mục đích truyền thông khác nhau. Viết và biên tập tin, bài cho website.

1. **Nội dung chi tiết học phần:**

**Chương 1. Tổng quan về Internet, website và phân loại website**

1.1. Tổng quan về Internet

1.2. Website

1.3. Phân loại website (theo nội dung)

**Chương 2. Đặc điểm và tính năng của website**

2.1. Các đặc điểm của một website

2.2. Tính năng cơ bản của website

**Chương 3. Một số vấn đề pháp lý trong tổ chức và sản xuất nội dung website**

3.1. Các văn bản pháp lý về Internet ở Việt Nam

3.2. Vận dụng các quy định pháp lý trong tổ chức và sản xuất nội dung website tại Việt Nam

**Chương 4. Các phần tử nội dung và phương pháp mã hoá nội dung website**

4.1. Các phần tử nội dung của website

4.2. Mã hoá một số nội dung cơ bản của website

**Chương 5. Tiêu chí và quy trình tổ chức nội dung một website**

5.1. Tiêu chí xây dựng nội dung website

5.2. Quy trình xây dựng hệ thống nội dung website

**Chương 6. Quản trị và quản trị nội dung website**

6.1. Quản trị một tổ chức

6.2. Quản trị nội dung website

**Chương 7. Nguồn tin và khai thác nguồn tin cho website**

7.1. Các nguồn tin cho website

7.2. Khai thác và đánh giá nguồn thông tin cho website

**Chương 8. CMS, quy trình sản xuất và quản trị nội dung website**

8.1. Giới thiệu CMS

8.2. Xây dựng kế hoạch truyền thông qua website

8.3. Sản xuất và biên tập nội dung cho website

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**ẢNH BÁO CHÍ**

(*Photojournalism*)

1. **Mã học phần: JOU3058**
2. **Số tín chỉ:** 03
3. **Học phần tiên quyết***:*
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Giảng viên:**

- Phan Văn Kiền, Tiến sĩ, Đại học KHXH & NV

- Đoàn Duy Anh, Thạc sỹ, Zingnews

1. **Mục tiêu học phần:**

Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ:

- Hiểu được bản chất, những đặc điểm, đặc trừn cơ bản của quá trình tác nghiệp ảnh báo chí.

- Nắm được lý những yêu cầu cơ bản với các thể loại tác phẩm ảnh báo chí và các yếu tố kỹ thuật, tạo hình khi tác nghiệp tác phẩm ảnh báo chí

- Nắm được đặc điểm của từng lĩnh vực khi tác nghiệp ảnh báo chí (kinh tế, thời sự, văn hóa, giáo dục, xã hội, giới trẻ…)

- Vận dụng tốt vào quá trình tác nghiệp trên thực tế với từng thể loại ảnh báo chí trong từng lĩnh vực khác nhau

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

***Chuẩn đầu ra của Học phần***

*- Kiến thức:*

* Xác định được nền tảng kiến thức và các điều kiện, yếu tố cần thiết để tác nghiệp ảnh báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại.
* Phân biệt được các kỹ năng riêng biệt với từng thể loại và dạng ảnh báo chí trong quá trình tác nghiệp.
* Kết hợp được các kỹ năng tư duy và kỹ thuật, tạo hình trong quá trình tác nghiệp thực tế.

*- Kỹ năng:*

* Xác định đúng đề tài và các yêu cầu về kỹ năng theo đề tài.
* Ứng xử linh hoạt với các tình huống cụ thể trong thực tế.
* Vận dụng kiến thức về kỹ thuật và tạo hình một cách linh hoạt với từng trường hợp khác nhau.

*- Thái độ:*

* Nhận thức đúng bản chất công việc và tôn trọng giá trị lao động nghề nghiệp
* Chấp nhận những thử thách của công việc.
* Tạo ảnh hưởng cho chính kỹ năng chụp ảnh báo chí của bản thân trong bất kỳ tình huống nào.

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[17]](#footnote-17) | Xác định được nền tảng kiến thức và các điều kiện, yếu tố cần thiết để tác nghiệp ảnh báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại. | PLO1.3[[18]](#footnote-18) |
| CLO2 | Phân biệt được các kỹ năng riêng biệt với từng thể loại và dạng ảnh báo chí trong quá trình tác nghiệp. | PLO1.3 |
| CLO3 | Kết hợp được các kỹ năng tư duy và kỹ thuật, tạo hình trong quá trình tác nghiệp thực tế. | PLO1.3 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Xác định đúng đề tài và các yêu cầu về kỹ năng theo đề tài. | PLO2.1.1 |
| CLO5 | Ứng xử linh hoạt với các tình huống cụ thể trong thực tế. | PLO2.1.2 |
| CLO6 | Vận dụng kiến thức về kỹ thuật và tạo hình một cách linh hoạt với từng trường hợp khác nhau. | PLO2.1.5 |
| Thái độ | |  |
| CLO7 | Nhận thức đúng bản chất công việc và tôn trọng giá trị lao động nghề nghiệp | PLO3.1 |
| CLO8 | Chấp nhận những thử thách của công việc. | PLO3.2 |
| CLO9 | Tạo ảnh hưởng cho chính kỹ năng chụp ảnh báo chí của bản thân trong bất kỳ tình huống nào. | PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1 | Giới thiệu môn học  Chương 1. Những vấn đề chung   * 1. Khái niệm ảnh báo chí   2. Một vài cột mốc của lịch sử nhiếp ảnh thế giới và ảnh báo chí   3. Nhiếp ảnh và ảnh báo chí Việt Nam | Phan Văn Kiền, 2019, Bài giảng Ảnh báo chí.  Brian Horton (2016), Ảnh báo chí, Trần Đức Tài dịch, NXB Thông tấn.  Bùi Chí Trung, Phan Văn Kiền, Nguyễn Bá (Biên soạn, 2022), *Chuyển đổi số báo chí Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật  Nhiều tác giả (2018), *Nhận diện thương hiệu – những điểm chạm thị giác*, NXB Lao động |  |
| Tuần 2 | Chương 1. Những vấn đề chung (tiếp)   * 1. Vai trò của ảnh và ảnh báo chí   2. Tính chất của hình ảnh      1. Tính tác động trực tiếp      2. Tính không tự thân tường minh về nghĩa | Phan Văn Kiền, 2019, Bài giảng Ảnh báo chí.  Bùi Chí Trung, Phan Văn Kiền, Nguyễn Bá (Biên soạn, 2022), *Chuyển đổi số báo chí Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật |  |
| Tuần 3 | Chương 2: Các yếu tố kỹ thuật  2.1. Cấu tạo của máy ảnh  2.2. Nguyên tắc hoạt động của máy ảnh  2.3. Phân loại máy ảnh | Brian Horton (2016), Ảnh báo chí, Trần Đức Tài dịch, NXB Thông tấn |  |
| Tuần 4 | Chương 2: Các yếu tố kỹ thuật (tiếp)  2.4. Ống kính và cấu tạo ống kính  2.5. Tam giác ánh sáng  2.5.1. Khẩu độ  2.5.2. Tốc độ  2.5.3. ISO | Brian Horton (2016), Ảnh báo chí, Trần Đức Tài dịch, NXB Thông tấn. |  |
| Tuần 5 | Chương 3: Các yếu tố tạo hình   * 1. Màu sắc và ánh sáng      1. Tư duy màu sắc      2. Làm chủ ánh sáng      3. Một số gợi ý trong các điều kiện đặc biệt   2. Bố cục   3. Đường nét, hình dáng   4. Phong cách, cắt cúp | Brian Horton (2016), Ảnh báo chí, Trần Đức Tài dịch, NXB Thông tấn  Nhiều tác giả (2018), *Nhận diện thương hiệu – những điểm chạm thị giác*, NXB Lao động |  |
| Tuần 6 | Chương 3: Các yếu tố tạo hình (tiếp)  Thực hành chụp ảnh các yếu tố tạo hình |  |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kì | |  |
| Tuần 8 | Chương 4: Các yếu tố tư duy   * 1. Khoảnh khắc ghi hình (thời cơ bấm máy)   2. Cảm xúc   3. Hiếu kỳ   4. Góc nhìn   5. Kế hoạch tác nghiệp   6. Các phương pháp xây dựng tư duy hình ảnh | Phan Văn Kiền, 2019, Bài giảng Ảnh báo chí.  Brian Horton (2016), Ảnh báo chí, Trần Đức Tài dịch, NXB Thông tấn. |  |
| Tuần 9 | Chương 4: Các yếu tố tư duy (tiếp)  Thực hành các yếu tố tư duy |  | Bài tập |
| Tuần 10 | Chương 5: Các yếu tố chữ viết  5.1. Vai trò của chú thích ảnh  5.2. Nguyên tắc khi viết chú thích ảnh  5.3. Công thức cơ bản viết chú thích ảnh đơn  5.4. Tít, sapo và chú thích cho chùm ảnh, phóng sự ảnh | Phan Văn Kiền, 2019, Bài giảng Ảnh báo chí.  Lê Thanh Bình (chủ biên), Phan Văn Kiền, Nguyễn Thị Hương, Đỗ Huyền Trang (2020), *Giáo trình Truyền thông đối ngoại*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật. |  |
| Tuần 11 | Chương 5: Các yếu tố chữ viết (tiếp)  Thực hành đặt tên ảnh, viết chú thích ảnh, viết tít, sapo, lời dẫn cho chùm ảnh, phóng sự ảnh. |  |  |
| Tuần 12 | Chương 6: Thể loại ảnh báo chí  6.1. Ảnh tin  6.1.1. Khái niệm  6.1.2. Tiêu chí của ảnh tin  6.1.3. Nguyên tắc chụp ảnh tin  6.1.4. Một số gợi ý | Phan Văn Kiền, 2019, Bài giảng Ảnh báo chí.  Brian Horton (2016), Ảnh báo chí, Trần Đức Tài dịch, NXB Thông tấn. |  |
| Tuần 13 | Chương 6: Thể loại ảnh báo chí (tiếp)  6.2. Chùm ảnh  6.2.1. Khái niệm  6.2.2. Tiêu chí của chùm ảnh  6.2.3. Nguyên tắc thực hiện chùm ảnh  6.2.4. Một số gợi ý | Phan Văn Kiền, 2019, Bài giảng Ảnh báo chí.  Brian Horton (2016), Ảnh báo chí, Trần Đức Tài dịch, NXB Thông tấn. |  |
| Tuần 14 | Chương 6: Thể loại ảnh báo chí (tiếp)  6.3. Phóng sự ảnh  6.3.1. Khái niệm  6.3.2. Tiêu chí của phóng sự ảnh  6.3.3. Nguyên tắc chụp phóng sự ảnh  6.3.4. Một số gợi ý. | Phan Văn Kiền, 2019, Bài giảng Ảnh báo chí.  Brian Horton (2016), Ảnh báo chí, Trần Đức Tài dịch, NXB Thông tấn. |  |
| Tuần 15 | Đi thực tế kết thúc môn học  Tổng kết môn học |  |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

Các yêu cầu của học phần đối với sinh viên như sau:

* Cần đọc, nghiên cứu các tài liệu bắt buộc
* Được khuyến khích đọc thêm tài liệu tham khảo
* Cần nghiêm túc tham gia bài tập thực hành, bài tập nhóm và các thảo luận trên lớp
* Tham gia tối thiểu 80% số giờ học dưới sự hướng dẫn của giảng viên
* Có ý thức tự học, tự đọc, tự tìm hiểu thêm về các nội dung của môn học
* Tuyệt đối không đạo văn. Trích dẫn đầy đủ khi làm bài tập/thi.

1. **Phương pháp dạy - học**

* Các phương pháp giảng dạy được sử dụng:
* Thuyết giảng
* Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm (thảo luận, hợp tác làm bài tập nhóm, thực tế v.v.)
* Hướng dẫn sinh viên một số phương pháp để tự học (tìm kiếm tài liệu, đọc tài liệu, đánh giá thông tin, ghi chú, v.v.)
* Các phương pháp học tập được sử dụng:
* Sinh viên tự đọc tài liệu.
* Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
* Tham gia các hoạt động thực tế theo nhóm/cá nhân.
* Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập trên nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp kiểm tra đánh giá:**

Kiểm tra, đánh giá thông qua việc trao đổi, thảo luận trên lớp; làm bài tập và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ bằng sản phẩm.

Trong đó, Điểm thường xuyên (10%); Điểm giữa kỳ (30%) và Điểm cuối kỳ (60%).

1. **Học liệu:**

***13.1. Học liệu bắt buộc***

1. Phan Văn Kiền, 2019, *Bài giảng Ảnh báo chí*, lưu hành nội bộ. Có tại Phòng Tư liệu Viện Đào tạo BCTT
2. Nhiều tác giả (2018), *Nhận diện thương hiệu – những điểm chạm thị giác*, NXB Lao động. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN
3. Brian Horton (2016), Ảnh báo chí, Trần Đức Tài dịch, NXB Thông tấn

***13.2. Học liệu tham khảo:***

1. Bùi Chí Trung, Phan Văn Kiền, Nguyễn Bá (Biên soạn, 2022), *Chuyển đổi số báo chí Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật. Có tại Phòng Tư liệu Viện Đào tạo BCTT.
2. Lê Thanh Bình (chủ biên), Phan Văn Kiền, Nguyễn Thị Hương, Đỗ Huyền Trang (2020), *Giáo trình Truyền thông đối ngoại*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật. Có tại Phòng Tư liệu, Viện Đào tạo BCTT
3. **Tóm tắt nội dung học phần:**

Ảnh báo chí là Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế nền tảng để làm hành trang trực tiếp cho quá trình tác nghiệp ảnh báo chí trong thực tiễn theo từng dạng ảnh và lĩnh vực nội dung của ảnh báo chí. Đồng thời, Học phần trang bị những kỹ năng cơ bản mà một phóng viên ảnh cần phải đối diện khi tác nghiệp trên thực tế..

1. **Nội dung chi tiết học phần:**

**Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

* 1. Khái niệm ảnh báo chí
  2. Một vài cột mốc của lịch sử nhiếp ảnh thế giới và ảnh báo chí
  3. Nhiếp ảnh và ảnh báo chí Việt Nam
  4. Vai trò của ảnh và ảnh báo chí
  5. Tính chất của hình ảnh
     1. Tính tác động trực tiếp
     2. Tính không tự thân tường minh về nghĩa

**CHƯƠNG 2. CÁC YẾU TỐ KỸ THUẬT**

2.1. Cấu tạo của máy ảnh

2.2. Nguyên tắc hoạt động của máy ảnh

2.3. Phân loại máy ảnh

2.4. Ống kính và cấu tạo ống kính

2.5. Tam giác ánh sáng

2.5.1. Khẩu độ

2.5.2. Tốc độ

2.5.3. ISO

**CHƯƠNG 3. CÁC YẾU TỐ TẠO HÌNH**

* 1. Màu sắc và ánh sáng
     1. Tư duy màu sắc
     2. Làm chủ ánh sáng
     3. Một số gợi ý trong các điều kiện đặc biệt
  2. Bố cục
  3. Đường nét, hình dáng
  4. Phong cách, cắt cúp

**CHƯƠNG 4. CÁC YẾU TỐ TƯ DUY**

* 1. Khoảnh khắc ghi hình (thời cơ bấm máy)
  2. Cảm xúc
  3. Hiếu kỳ
  4. Góc nhìn
  5. Kế hoạch tác nghiệp
  6. Các phương pháp xây dựng tư duy hình ảnh

**CHƯƠNG 5. CÁC YẾU TỐ CHỮ VIẾT**

5.1. Vai trò của chú thích ảnh

5.2. Nguyên tắc khi viết chú thích ảnh

5.3. Công thức cơ bản viết chú thích ảnh đơn

5.4. Tít, sapo và chú thích cho chùm ảnh, phóng sự ảnh

**CHƯƠNG 6. THỂ LOẠI ẢNH BÁO CHÍ**

6.1. Ảnh tin

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Tiêu chí của ảnh tin

6.1.3. Nguyên tắc chụp ảnh tin

6.1.4. Một số gợi ý

6.2. Chùm ảnh

6.2.1. Khái niệm

6.2.2. Tiêu chí của chùm ảnh

6.2.3. Nguyên tắc thực hiện chùm ảnh

6.2.4. Một số gợi ý

6.3. Phóng sự ảnh

6.3.1. Khái niệm

6.3.2. Tiêu chí của phóng sự ảnh

6.3.3. Nguyên tắc chụp phóng sự ảnh

6.3.4. Một số gợi ý.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**BIÊN TẬP VĂN BẢN BÁO CHÍ**

**1. Mã học phần:** JOU3002

**2. Số tín chỉ:** 02

**3. Học phầntiên quyết:** JOU2017

**4. Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt

**5. Giảng viên:**

- Vũ Quang Hào, Phó Giáo sư, Tiến sỹ, Đại học KHXH&NV

- Vũ Kim Hoa, Tiến sĩ, Đại học KHXH&NV

**6. Mục tiêu học phần:**

Học phần giúp sinh viên nắm được những công việc chính của công tác biên tập trong báo chí, cụ thể là kĩ năng biên tập văn bản báo chí, cũng như nhận biết được tầm quan trọng của công tác biên tập đối với sự phát triển của báo chí nói chung.

**7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):**

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

1. *Kiến thức:*

+ Nắm bắt được những nội dung chính của công tác biên tập, phương pháp biên tập và các thao tác biên tập cụ thể trên các văn bản báo chí.

+ Phân tích được mối quan hệ giữa biên tập viên với các bộ phận khác trong toà soạn (đặc biệt là với phóng viên).

+ Hiểu được tầm quan trọng của việc tự biên tập bản thảo trước khi chuyển đến biên tập viên hay người phụ trách trang, mục.

+ Nắm được kiến thức để có thể phân tích, phát triển, sửa chữa các bản thảo.

+ Nắm được các lỗi sai căn bản về ngôn ngữ trên báo chí hiện thời và cách khắc phục các lỗi sai đó trong bản thảo của bản thân.

+ Hiểu được tầm quan trọng, khả năng tác động của công tác biên tập đối với sự phát triển của tờ báo.

*b) Kỹ năng:*

+ Hình thành kỹ năng đọc và phân tích các tác phẩm truyền thông một cách có ý thức với tư cách của một biên tập viên (hình thành "phản xạ biên tập" khi tiếp xúc với các tác phẩm báo chí).

+ Rèn luyện kỹ năng phát triển vấn đề, xây dựng thông điệp một cách có ý thức (trên cơ sở nắm bắt những yêu cầu, đòi hỏi của công tác biên tập đối với một tác phẩm báo chí).

+ Sử dụng được các kỹ thuật biên tập về nội dung thông tin và biên tập từ ngữ, kiến thức về cách tổ chức bài viết để biên tập các tác phẩm báo chí của bản thân.

+ Hình thành kỹ năng phối hợp tác nghiệp với những người làm công tác biên tập.

+ Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và trình bày trước đám đông.

*c) Thái độ:*

+ Rèn luyện và hình thành thói quen đọc và biên tập các văn bản báo chí.

+ Hình thành ý thức khai thác vấn đề báo chí "dài hơi" của các biên tập viên.

+ Trau dồi thói quen biên tập kỹ lưỡng bài viết của bản thân trước khi chuyển bài viết đến bộ phận biên tập tại các toà soạn.

+ Hình thành được phong cách tác nghiệp chủ động, biết phối hợp nhịp nhàng với các bộ phận trong toà soạn (đặc biệt là bộ phận biên tập).

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[19]](#footnote-19) | Nắm bắt được những nội dung chính của công tác biên tập, phương pháp biên tập và các thao tác biên tập cụ thể trên các văn bản báo chí. | PLO1.1[[20]](#footnote-20) |
| CLO2 | Phân tích được mối quan hệ giữa biên tập viên với các bộ phận khác trong toà soạn (đặc biệt là với phóng viên). | PLO1.4 |
| CLO3 | Hiểu được tầm quan trọng của việc tự biên tập bản thảo trước khi chuyển đến biên tập viên hay người phụ trách trang, mục. | PLO1.4 |
| CLO4 | Nắm được kiến thức để có thể phân tích, phát triển, sửa chữa các bản thảo. | PLO1.4 |
| CLO5 | Nắm được các lỗi sai căn bản về ngôn ngữ trên báo chí hiện thời và cách khắc phục các lỗi sai đó trong bản thảo của bản thân. | PLO1.4 |
| CLO6 | Hiểu được tầm quan trọng, khả năng tác động của công tác biên tập đối với sự phát triển của tờ báo. | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO7 | Hình thành kỹ năng đọc và phân tích các tác phẩm truyền thông một cách có ý thức với tư cách của một biên tập viên (hình thành "phản xạ biên tập" khi tiếp xúc với các tác phẩm báo chí). | PLO2.1.1 |
| CLO8 | Rèn luyện kỹ năng phát triển vấn đề, xây dựng thông điệp một cách có ý thức (trên cơ sở nắm bắt những yêu cầu, đòi hỏi của công tác biên tập đối với một tác phẩm báo chí). | PLO2.1.1 |
| CLO9 | Sử dụng được các kỹ thuật biên tập về nội dung thông tin và biên tập từ ngữ, kiến thức về cách tổ chức bài viết để biên tập các tác phẩm báo chí của bản thân. | PLO2.1.2 |
| CLO10 | Hình thành kỹ năng phối hợp tác nghiệp với những người làm công tác biên tập. | PLO2.1.4 |
| CLO11 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và trình bày trước đám đông. | PLO2.1.5 |
| Thái độ | |  |
| CLO12 | Rèn luyện và hình thành thói quen đọc và biên tập các văn bản báo chí. | PLO3.1 |
| CLO13 | Hình thành ý thức khai thác vấn đề báo chí "dài hơi" của các biên tập viên. | PLO3.2 |
| CLO14 | Trau dồi thói quen biên tập kỹ lưỡng bài viết của bản thân trước khi chuyển bài viết đến bộ phận biên tập tại các toà soạn. | PLO3.3 |
| CLO15 | Hình thành được phong cách tác nghiệp chủ động, biết phối hợp nhịp nhàng với các bộ phận trong toà soạn (đặc biệt là bộ phận biên tập). | PLO3.3 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | Nội dung 1: Dẫn nhập  - Vị trí, vai trò của công tác biên tập trong lao động tập thể của tòa soạn.  - Giới thiệu một số mô hình tổ chức hoạt động của bộ phận biên tập ở một số tòa soạn báo.  - Những nội dung chính của công tác biên tập.  - Phân tích mối quan hệ tác nghiệp giữa phóng viên và biên tập viên. | Tập bài giảng môn “Biên tập văn bản báo chí” của giảng viên. |  |
| Tuần 2 | Nội dung 2: Công tác tổ chức nội dung  - Ý nghĩa, vị trí của công tác tổ chức nội dung trong công tác biên tập nói riêng, trong tòa soạn nói chung.  - Những công việc cụ thể trong công tác tổ chức nội dung.  - Giới thiệu cách tổ chức nội dung ở một số tòa soạn.  - Phân tích mối quan hệ giữa công tác tổ chức nội dung và các chiến lược truyền thông của  tòa soạn.  - Phân tích và đánh giá về cách tổ chức thông tin của các tờ báo in tiếng Việt hiện nay. | Tập bài giảng môn “Biên tập văn bản báo chí” của giảng viên. |  |
| Tuần 3 | Nội dung 2: Công tác tổ chức nội dung  Bài tập: Mỗi sinh viên chuẩn bị một phần trình bày ngắn (5 phút/sinh viên) về cách thức tổ chức nội dung (đặc biệt là những cách làm hay, độc đáo) của tờ báo sinh viên đã khảo sát. SV sẽ trình bày trong tuần học tiếp theo.  Khuyến khích việc theo dõi loạt bài cùng đề tài trên cùng một báo trong một thời gian dài. | Tập bài giảng môn “Biên tập văn bản báo chí” của giảng viên. |  |
| Tuần 4 | Nội dung 3: Biên tập ngôn ngữ văn bản báo chí  - Đặc điểm của ngôn ngữ báo chí.  - Yêu cầu về ngôn ngữ đối với văn bản báo chí.  - Các yếu tố chi phối các đặc điểm của ngôn ngữ báo chí.  - Các hiện tượng mắc lỗi về ngôn ngữ trên báo chí hiện nay.  - Các thao tác sửa chữa văn bản báo chí về mặt ngôn ngữ.  - Thực hành: Thảo luận về các đặc điểm của ngôn ngữ báo chí. Cách nhìn nhận của sinh viên về việc sử dụng tiếng Việt trên báo chí hiện nay. | Tập bài giảng môn “Biên tập văn bản báo chí” của giảng viên. |  |
| Tuần 5 | Nội dung 3: Biên tập ngôn ngữ văn bản báo chí  Các loại câu sai ngữ pháp trên báo in tiếng Việt hiện thời. | Tập bài giảng môn “Biên tập văn bản báo chí” của giảng viên. |  |
| Tuần 6 | Nội dung 3: Biên tập ngôn ngữ văn bản báo chí  Thảo luận về các hiện tượng sai ngữ pháp trên các văn bản báo chí thuộc các loại hình (chủ yếu là báo in và báo trực tuyến).  Bài tập: Tìm những lỗi sai tương tự trên một số tờ báo và đề xuất cách sửa. Sinh viên nộp bài vào cuối buổi học. Bài làm ghi rõ họ tên, lớp. | Bài tập nhóm. |  |
| Tuần 7 | Nội dung 3: Biên tập ngôn ngữ văn bản báo chí  Các loại câu mơ hồ trên báo chí hiện nay và những ảnh hưởng của câu mơ hồ đến hiệu quả thông tin của tác phẩm.  Bài tập: Tìm những câu mơ hồ trên một số tờ báo và đề xuất cách sửa. Sinh viên nộp bài vào cuối buổi học. Bài làm ghi rõ họ tên, lớp. | Chuẩn bị một số tờ báo in hay các bài báo trực tuyến được in trên giấy A4. Khi đến lớp sinh viên mang theo để làm bài tập trong buổi học của tuần 7. |  |
| Tuần 8 | Nội dung 3: Biên tập ngôn ngữ văn bản báo chí  Bài kiểm tra giữa kỳ: Mỗi nhóm 5 người biên tập lỗi câu sai ngữ pháp, câu mơ hồ, các lỗi về ngôn ngữ khác (sử dụng thuật ngữ, chữ tắt...) trong các tác phẩm báo chí của từng thành viên trong nhóm. | - SV chuẩn bị ít nhất một tin hay bài của bản thân (đã thực hiện trong giờ bài tập của các môn học về thể loại) |  |
| Tuần 9 | Nội dung 3: Biên tập ngôn ngữ văn bản báo chí  Thực hành biên tập một bản thảo báo chí (cả về mặt nội dung và ngôn ngữ). | Tự hệ thống lại toàn bộ kiến thức của nội dung 2 và nội dung 3. |  |
| Tuần 10 | Nội dung 4: Tổ chức nội dung thông tin trong tác phẩm báo chí  - Xu hướng tổ chức thông tin của báo chí hiện đại.  - Vai trò của việc tổ chức thông tin đối với hiệu quả thông tin và hình thức của tờ báo.  - Các yếu tố được sử dụng để tổ chức thông tin. | Tập bài giảng môn “Biên tập văn bản báo chí” của giảng viên. |  |
| Tuần 11 | Nội dung 4: Tổ chức nội dung thông tin trong tác phẩm báo chí  Tự học ở nhà: Khảo sát việc tổ chức thông tin trên một số tờ báo. | Tập bài giảng môn “Biên tập văn bản báo chí” của giảng viên. |  |
| Tuần 12 | Nội dung 4: Tổ chức nội dung thông tin trong tác phẩm báo chí  - Vận dụng kiến thức của việc tổ chức nội dung thông tin trong tác phẩm báo chí vào việc tổ chức một trang báo. | Tập bài giảng môn “Biên tập văn bản báo chí” của giảng viên. |  |
| Tuần 13 | Nội dung 5: Biên tập văn bản báo trực tuyến  - Sự chi phối của đặc trưng loại hình báo trực tuyến đối với quy trình biên tập văn bản báo trực tuyến. | Đọc kỹ các phần tài liệu giảng viên cung cấp trong buổi học trước. |  |
| Tuần 14 | Nội dung 5: Biên tập văn bản báo trực tuyến  - Quy trình biên tập văn bản báo trực tuyến  - Thảo luận về quy trình biên tập văn bản báo trực tuyến. Chú ý đến sự hợp lý của quy trình đó so với đặc trưng loại hình | - Chuẩn bị một số bài báo trực tuyến được in trên giấy A4. |  |
| Tuần 15 | Nội dung 5: Biên tập văn bản báo trực tuyến  - Thảo luận về cách biên tập các tác phẩm báo in để đăng tải trên báo trực tuyến.  - Thảo luận về những điểm cần chú ý (xuất phát từ đặc trưng loại hình) khi biên tập văn bản báo trực tuyến.  - Thực hiện biên tập một số bài báo để đăng trên báo trực tuyến | - Hệ thống lại kiến thức của nội dung 5.  - Đọc báo trực tuyến để nhận diện những nét đặc trưng của loại hình báo chí này (thể hiện trong các yếu tố ngôn ngữ, cách đặt tít, sa - pô..). |  |

**10. Các yêu cầu đối với học phần**

- Sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

**11. Phương pháp dạy - học**

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

+ Thuyết giảng

+ Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng.

+ Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm.

Các phương pháp học tập gồm:

+ Sinh viên tự đọc tài liệu.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.

+ Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

+ Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

**12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

*Kiểm tra – đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)*

- Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia của sinh viên trên lớp

- Bài tập cá nhân nhằm đánh giá ý thức học tập thường xuyên và kỹ năng làm việc độc lập (trọng số 5 %). Bài được thực hiện vào tuần 6, sinh viên làm bài tập về việc xác định các câu mơ hồ trong một vài bài báo, thời lượng 45’.

- Bài tập nhóm nhằm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần hợp tác, kỷ luật lao động tập thể, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm cũng như khả năng nhìn nhận vấn đề một cách có hệ thống (trọng số 5%). Bài được thực hiện vào tuần 12, nhóm sinh viên tổ chức nội dung cho một trang báo, thời lượng 90’.

*Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ (trọng số 30%) và cuối kỳ (trọng số 60%)*

- Kiểm tra giữa kì được thực hiện vào tuần 8, bài tập nhóm (trọng số 30%). Mỗi nhóm 5 người biên tập lỗi câu sai ngữ pháp, câu mơ hồ, các lỗi về ngôn ngữ khác (sử dụng thuật ngữ, chữ tắt...) trong các tác phẩm báo chí của từng thành viên trong nhóm.

- Kiểm tra cuối kì: Tiểu luận hết môn (trọng số 60%).

**13. Học liệu:**

*Học liệu bắt buộc:*

1. Vũ Quang Hào, Tập bài giảng “Biên tập văn bản báo chí”, Phòng Tư liệu Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông.

2. Vũ Quang Hào, Ngôn ngữ báo chí, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004. (Phòng Tư liệu Khoa Báo chí).

*Học liệu tham khảo:*

3. Joseph Sugarman, Khiêu vũ với ngòi bút, Nxb Lao động, 2019.

4. Hoàng Anh, Một số vấn đề sử dụng ngôn ngữ trên báo chí, Nxb Lao động, Hà Nội, 2003. (Phòng đọc tự chọn, Thư viện Quốc gia Hà Nội, số 6 Tràng Thi, HN).

5. Claudia Mast, Truyền thông đại chúng - Công tác biên tập, Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2003. (Phòng đọc tự chọn, Thư viện Quốc gia Hà Nội, số 6 Tràng Thi, HN).

**14. Tóm tắt nội dung học phần**:

*Biên tập văn bản báo chí* là môn học về hoạt động nghiệp vụ của bộ phận biên tập trong các toà soạn báo hiện nay, trong đó tập trung chủ yếu vào công tác biên tập ngôn ngữ văn bản báo chí. Với những nội dung trên, *Biên tập văn bản báo chí*  hướng tới mục tiêu cung cấp cho người học những hiểu biết căn bản nhất về các hoạt động nghiệp vụ biên tập tại các toà soạn; về các khâu, các kỹ thuật... để biên tập một văn bản báo chí. Từ đó, môn học hình thành ở người học ý thức và khả năng tự biên tập; kỹ năng phối hợp hoạt động với bộ phận biên tập. Cùng các môn học khác, *Biên tập văn bản báo chí* cũng góp phần xây dựng ý thức tác nghiệp chủ động, độc lập, sáng tạo ở mỗi người học.

**15. Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1. Tổng quan về công tác biên tập**

1.1. Vị trí, vai trò của công tác biên tập

1.2. Những nội dung chính của công tác biên tập

1.3. Mối quan hệ biên tập viên – phóng viên trong toà soạn

**Chương 2. Công tác tổ chức nội dung**

2.1. Ý nghĩa của công tác tổ chức nội dung

2.2. Các công việc cụ thể của công tác tổ chức nội dung

2.3. Công tác tổ chức nội dung  và các chiến lược truyền thông của tòa soạn

**Chương 3. Biên tập ngôn ngữ văn bản báo chí**

3.1. Yêu cầu về ngôn ngữ đối với văn bản báo chí

3.2. Những hiện tượng sai về ngôn ngữ phổ biến trên báo chí hiện nay

3.3. Câu sai ngữ pháp trên báo in tiếng Việt

3.4. Câu mơ hồ trên báo in tiếng Việt

**Chương 4. Tổ chức nội dung thông tin trong tác phẩm báo chí**

4.1. Xu hướng tổ chức thông tin của báo chí hiện đại

4.2. Vai trò của việc tổ chức thông tin đối với hiệu quả thông tin của tác phẩm báo chí

4.2. Các yếu tố được sử dụng để tổ chức thông tin

**Chương 5. Biên tập văn bản báo trực tuyến**

5.1. Sự chi phối của đặc trưng loại hình đối với quy trình biên tập văn bản báo trực tuyến

5.2. Các bước trong quy trình biên tập văn bản báo trực tuyến

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**BÁO CHÍ CHUYÊN BIỆT**

1. **Mã học phần**: JOU3045
2. **Số tín chỉ**: 04
3. **Học phần tiên quyết** (nếu có): JOU3064
4. **Ngôn ngữ giảng dạy**: Tiếng Việt
5. **Giảng viên** (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Đỗ Anh Đức, Tiến sĩ, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

Phạm Thị Mỵ, Tiến sĩ, Báo Tài nguyên và Môi trường

Lê Thái Hà, Thạc sĩ, Báo Hà Nội mới

1. **Mục tiêu của học phần**:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực nội dung thông tin, hiểu được đối tượng công chúng mục tiêu và vận dụng được những kỹ năng khai thác, xử lý thông tin, sử dụng ngôn ngữ để làm báo trong từng lĩnh vực báo chí chuyên biệt cụ thể.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kĩ năng, thái độ)**:

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a) Về kiến thức:

+ Người học nắm vững, hiểu và phân tích được xu hướng chuyên biệt hoá của báo chí truyền thông;

+ Lí giải được những vấn đề, lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội như chính trị - nội chính, văn hoá – xã hội, kinh tế, các vấn đề quốc tế, thể thao, khoa học – giáo dục ...với tư cách là đối tượng phản ánh của báo chí;

+ Hiểu và vận dụng được các kỹ năng khai thác, xử lý thông tin từ thực tiễn để tổ chức tin, bài thông tin về một hoặc một vài lĩnh vực thông tin chuyên biệt

+ Bước đầu có khả năng tác nghiệp một số thể loại báo chí là thế mạnh khi thông tin về một/một vài lĩnh vực thông tin chuyên biệt.

b) Về kỹ năng:

+ Kỹ năng tiếp cận nguồn tin, xử lý nguồn tin và một số thao tác trong quá trình xây dựng tác phẩm báo chí về một/một vài lĩnh vực thông tin chuyên biệt;

+ Kỹ năng phân tích thông điệp một cách có ý thức;

+ Bước đầu tiếp cận, có phản ứng và rèn luyện với các tình huống trong thực tế xây dựng tác phẩm báo chí;

+ Phân tích, chủ động trong tác nghiệp, tư duy khoa học trong nghiên cứu loại tác phẩm báo chí viết về đề tài chuyên biệt.

c) Về thái độ:

+ Thái độ khoa học, khách quan trong đánh giá và phản ánh thông tin;

+ Có khả năng tự học, tự nghiên cứu hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[21]](#footnote-21) | Người học nắm vững, hiểu và phân tích được xu hướng chuyên biệt hoá của báo chí truyền thông.­ | PLO2.1.1[[22]](#footnote-22) |
| CLO2 | Người học nắm vững, hiểu và phân tích được xu hướng chuyên biệt hoá của báo chí truyền thông. | PLO2.1.1 |
| CLO3 | Hiểu và vận dụng được các kỹ năng khai thác, xử lý thông tin từ thực tiễn để tổ chức tin, bài thông tin về một hoặc một vài lĩnh vực thông tin chuyên biệt. | PLO2.1.3 |
| CLO4 | Bước đầu có khả năng tác nghiệp một số thể loại báo chí là thế mạnh khi thông tin về một/một vài lĩnh vực thông tin chuyên biệt. | PLO2.1.5 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO5 | Kỹ năng tiếp cận nguồn tin, xử lý nguồn tin và một số thao tác trong quá trình xây dựng tác phẩm báo chí về một/một vài lĩnh vực thông tin chuyên biệt. | PLO2.2.3 |
| CLO6 | Kỹ năng phân tích thông điệp một cách có ý thức. | PLO2.2.3 |
| CLO7 | Bước đầu tiếp cận, có phản ứng và rèn luyện với các tình huống trong thực tế xây dựng tác phẩm báo chí. | PLO2.2.1 |
| CLO8 | Phân tích, chủ động trong tác nghiệp, tư duy khoa học trong nghiên cứu loại tác phẩm báo chí viết về đề tài chuyên biệt. | PLO2.2.1 |
| Thái độ | |  |
| CLO9 | Thái độ khoa học, khách quan trong đánh giá và phản ánh thông tin. | PLO3.2 |
| CLO10 | Có khả năng tự học, tự nghiên cứu hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời. | PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | Giới thiệu đề cương, CĐR của học phần; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra, đánh giá; học liệu…  Nội dung 1. Một số vấn đề về báo chí chuyên biệt   * 1. Khái niệm báo chí chuyên biệt   2. Đặc điểm của báo chí chuyên biệt   3. Các tiêu chí phân loại báo chí chuyên biệt | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Nguyễn Đăng Dung, Đỗ Đức Minh. Giáo trình Chính trị học. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. |  |
| Tuần 2 | Module 1. Thông tin chính trị - nội chính  Nội dung 2. Khái quát về mảng thông tin chính trị - nội chính trên báo chí  2.1. Hiểu biết chung về chính trị học và các vấn đề nội chính  2.2. Hệ thuật ngữ thường dùng trên báo chí về chính trị - nội chính  2.3. Yêu cầu tất yếu về kết cấu thông tin trong chuyên trang, chuyên mục trên phương tiện truyền thông đại chúng | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Nguyễn Đăng Dung, Đỗ Đức Minh. Giáo trình Chính trị học. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. |  |
| Tuần 3 | Nội dung 3. Nhà báo và nguồn tin về chính trị - nội chính  3.1. Đặc điểm của nguồn tin về các vấn đề chính trị - nội chính  3.2. Phẩm chất và nghiệp của nhà báo chuyên viết về mảng thông tin này | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Nguyễn Đăng Dung, Đỗ Đức Minh. Giáo trình Chính trị học. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. |  |
| Tuần 4 | Nội dung 4. Thông tin chính trị: Nên đưa và không nên đưa tin  4.1. Phân loại thông tin chính trị  4.2. Một số vấn đề chính trị trong nước và ngoài nước cần quan tâm  4.3. Ứng xử thế nào với các thông tin chính trị nhạy cảm? | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Nguyễn Đăng Dung, Đỗ Đức Minh. Giáo trình Chính trị học. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. |  |
| Tuần 5 | Nội dung 5. Những vấn đề nội chính cần phải thông tin nóng  5.1. Quan điểm thông tin báo chí về các vấn đề nội chính  5.2. Điểm nóng trong thông tin nội chính | 1. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 1), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN  2. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 2), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN |  |
| Tuần 6 | Nội dung 6. Cách xây dựng tác phẩm báo chí về vấn đề chính trị - nội chính  6.1. Đề tài, chủ đề và công tác chuẩn bị khi thực hiện tin, bài về chính trị - nội chính  6.2. Kinh nghiệm và một số thao tác nghiệp vụ trong quá trình xây dựng tác phẩm báo chí | 1. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 1), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN  2. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 2), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN |  |
| Tuần 7 | Nội dung 7. Một số thể loại báo chí thông tin về các vấn đề chính trị - nội chính  7.1. Ưu thế của thể loại Tin, Phỏng vấn và Bài phản ánh  7.2. Thể hiện tác phẩm báo chí theo đề tài tự chọn | 1. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 1), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN  2. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 2), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN |  |
| Tuần 8 | Kiểm tra giữa kỳ |  |  |
| Tuần 9 | Module 2. Thông tin quốc tế  Nội dung 1. Tổng quan về các vấn đề thời sự trên thế giới  1.1. Giới thiệu bản đồ chính trị và các mối quan hệ quốc tế  1.2. Các khu vực “nóng” trên thế giới  1.3. Vị thế Việt Nam trên bản đồ chính trị thế giới | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. |  |
| Tuần 10 | Nội dung 2. Thông tin quốc tế trên báo chí Việt Nam  2.1. Tin quốc tế   * Kỹ năng lựa chọn: Tính thời sự, Việt Nam hoá góc nhìn * Kỹ thuật “làm nóng” sự kiện: Sử dụng ngôn từ, trật tự câu chữ   2.2. Bình luận quốc tế   * Kỹ năng lựa chọn: Việt Nam hoá góc nhìn, Khai thác nguồn tin cậy, tính thời sự * Kỹ thuật “làm sâu” sự kiện: Quyết định ý đồ, sắp xếp cấu trúc   2.3. Chuyên đề/Chuyên trang quốc tế   * Kỹ năng lựa chọn: Định hướng của toà soạn, Việt Nam hoá góc nhìn, Khai thác nguồn tin tin cậy * Kỹ thuật tổ chức chuyên đề/chuyên trang: Lựa chọn mục đích, phân bố tỉ lệ tin bài | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Lê Thanh Bình. Báo chí và thông tin đối ngoại, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012. |  |
| Tuần 11 | Nội dung 3. Nhà báo và nguồn tin về chính trị - nội chính  3.1. Đặc điểm của nguồn tin về các vấn đề chính trị - nội chính  3.2. Phẩm chất và nghiệp của nhà báo chuyên viết về mảng thông tin này | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Lê Thanh Bình. Báo chí và thông tin đối ngoại, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012. |  |
| Tuần 12 | Nội dung 4. Thông tin chính trị quốc tế: Nên đưa và không nên đưa tin  4.1. Phân loại thông tin chính trị quốc tế  4.2. Một số vấn đề chính trị quốc tế cần quan tâm  4.3. Ứng xử thế nào với các thông tin chính trị quốc tế nhạy cảm? | 1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011).  2. Lê Thanh Bình. Báo chí và thông tin đối ngoại, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012. |  |
| Tuần 13 | Nội dung 5. Các kỹ năng viết, dịch và biên tập tin bài  3.1. Xác định chủ đề và thông tin cốt lõi  3.2. Xây dựng cấu trúc thông điệp  3.3. Kỹ thuật sử dụng tư liệu, số liệu, dẫn chứng  + Tầm quan trọng của tư liệu: Trật tự dữ liệu = Ý đồ bài viết  + Các kỹ thuật khai thác, sắp xếp và sử dụng tư liệu  + Kỹ thuật sử dụng và trích dẫn nguồn  + Kỹ thuật cài bình luận  + Kỹ thuật cắt bình luận  3.4. Những lưu ý đặc biệt   * Cách dùng tên gọi quốc gia, địa danh, chức vụ * Thống nhất cách viết tên riêng, viết tắt, viết các tên thân mật. * Chuyển dịch các vấn đề phức tạp (do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá) cho độc giả Việt Nam   Một số lỗi cơ bản khi tác nghiệp: lỗi nhận thức, lỗi dịch, lỗi biên tập. | 1. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 1), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN  2. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 2), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN |  |
| Tuần 14 | Nội dung 6. Một số thể loại báo chí thông tin về các vấn đề chính trị - nội chính  6.1. Ưu thế của thể loại Tin, Phỏng vấn và Bài phản ánh  6.2. Thể hiện tác phẩm báo chí theo đề tài tự chọn | 1. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 1), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN  2. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 2), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN |  |
| Tuần 15 | Tổng kết, ôn tập  Tổng kết điểm thường xuyên và giữa kỳ. |  |  |

**10. Các yêu cầu đối với học phần**

- Sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

**11. Phương pháp dạy - học**

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

+ Thuyết giảng

+ Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng.

+ Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm.

Các phương pháp học tập gồm:

+ Sinh viên tự đọc tài liệu.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.

+ Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

+ Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

**12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

*+ Kiểm tra - đánh giá thường xuyên*

- Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia thảo luận của người học trên lớp.

- Các bài tập cá nhân: Dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn.

- Trọng số điểm thành phần: 10%

+*Kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ*

- Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Bài tập thực hành cá nhân vào tuần 8. Trọng số điểm giữa kỳ: 30%.

- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Kết hợp lý luận và khả năng ứng dụng lý luận trong thực tiễn vào hoạt động báo chí. Bài tập thực hành/tiểu luận nhóm hoặc cá nhân sau vào tuần 15. Trọng số điểm cuối kỳ: 60%.

**13. Học liệu:**

***Học liệu bắt buộc:***

1. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (tái bản 2007, 2011). Tài liệu lưu tữ tại Thư viện Thượng Đình, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội; Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN:<https://bookworm.vnu.edu.vn/Collection.aspx?cID=2&id=3258&pIdx=1&vt=list>.

2. Nguyễn Đăng Dung, Đỗ Đức Minh. Giáo trình Chính trị học. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN.

***Học liệu tham khảo:***

3. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 1), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN

4. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền Thông. Báo chí truyền thông: những vấn đề trọng yếu (tập 2), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN.

5. Lê Thanh Bình. Báo chí và thông tin đối ngoại, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN.

6. The Missouri Group. Nhà báo hiện đại. Nxb Trẻ, 2007. Tài liệu lưu tữ tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQGHN.

**14. Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về xu hướng chuyên biệt hoá nội dung thông tin phù hợp với nhu cầu thông tin của công chúng đối tượng; những kiến thức và kỹ năng làm báo theo từng lĩnh vực nội dung (chính trị - nội chính, kinh tế - tài chính, văn hoá – xã hội, quốc tế, đối ngoại, thể thao...) hoặc theo đối tượng phục vụ (báo chí dành cho trẻ em, báo chí cho người cao tuổi, báo chí cho thanh niên, báo chí cho nữ giới...).

Học phần được thiết kế thành 2 module (mô đun), mỗi mô đun có tổng thời lượng 2 tín chỉ đề cập đến hoạt động thông tin về một lĩnh vực chuyên biệt như: chính trị - nội chính; quốc tế; đối ngoại; kinh tế; văn hoá xã hội; khoa học – giáo dục; thể thao - giải trí v.v... hoặc chuyên biệt hơn nữa như tài chính, môi trường; giao thông; thiên tai...

Sinh viên cần tích luỹ 02 mô đun kiến thức để hoàn thành học phần Báo chí chuyên biệt. Đề cương học phầnnày được thiết kế mẫu đối với 2 mô đun thông tin chính trị - nội chính và thông tin quốc tế. Các lĩnh vực nội dung chuyên biệt khác được thiết kế linh hoạt tương tự như đề cương này và có thể được thay đổi theo từng kỳ học theo sự lựa chọn của sinh viên.

**15. Nội dung chi tiết học phần**:

**Nội dung 1. Một số vấn đề về báo chí chuyên biệt**

* 1. Khái niệm báo chí chuyên biệt
  2. Đặc điểm của báo chí chuyên biệt
  3. Các tiêu chí phân loại báo chí chuyên biệt

**Module 1. Thông tin chính trị - nội chính**

**Nội dung 2. Khái quát về mảng thông tin chính trị - nội chính trên báo chí**

2.1. Hiểu biết chung về chính trị học và các vấn đề nội chính

2.2. Hệ thuật ngữ thường dùng trên báo chí về chính trị - nội chính

2.3. Yêu cầu tất yếu về kết cấu thông tin trong chuyên trang, chuyên mục trên phương tiện truyền thông đại chúng

**Nội dung 3. Nhà báo và nguồn tin về chính trị - nội chính**

3.1. Đặc điểm của nguồn tin về các vấn đề chính trị - nội chính

3.2. Phẩm chất và nghiệp của nhà báo chuyên viết về mảng thông tin này

**Nội dung 4. Thông tin chính trị: Nên đưa và không nên đưa tin**

4.1. Phân loại thông tin chính trị

4.2. Một số vấn đề chính trị trong nước và ngoài nước cần quan tâm

4.3. Ứng xử thế nào với các thông tin chính trị nhạy cảm?

**Nội dung 5. Những vấn đề nội chính cần phải thông tin nóng**

5.1. Quan điểm thông tin báo chí về các vấn đề nội chính

5.2. Điểm nóng trong thông tin nội chính

**Nội dung 6. Cách xây dựng tác phẩm báo chí v**ề **vấn đề chính trị - nội chính**

6.1. Đề tài, chủ đề và công tác chuẩn bị khi thực hiện tin, bài về chính trị - nội chính

6.2. Kinh nghiệm và một số thao tác nghiệp vụ trong quá trình xây dựng tác phẩm báo chí

**Nội dung 7. Một số thể loại báo chí thông tin về các vấn đề chính trị - nội chính**

7.1. Ưu thế của thể loại Tin, Phỏng vấn và Bài phản ánh

7.2. Thể hiện tác phẩm báo chí theo đề tài tự chọn

**Modul 2. Thông tin quốc tế**

**Nội dung 1. Tổng quan về các vấn đề thời sự trên thế giới**

1.1. Giới thiệu bản đồ chính trị và các mối quan hệ quốc tế

1.2. Các khu vực “nóng” trên thế giới

1.3. Vị thế Việt Nam trên bản đồ chính trị thế giới

**Nội dung 2. Thông tin quốc tế trên báo chí Việt Nam**

2.1. Tin quốc tế

* Kỹ năng lựa chọn: Tính thời sự, Việt Nam hoá góc nhìn
* Kỹ thuật “làm nóng” sự kiện: Sử dụng ngôn từ, trật tự câu chữ

2.2. Bình luận quốc tế

* Kỹ năng lựa chọn: Việt Nam hoá góc nhìn, Khai thác nguồn tin cậy, tính thời sự
* Kỹ thuật “làm sâu” sự kiện: Quyết định ý đồ, sắp xếp cấu trúc

2.3. Chuyên đề/Chuyên trang quốc tế

* Kỹ năng lựa chọn: Định hướng của toà soạn, Việt Nam hoá góc nhìn, Khai thác nguồn tin tin cậy
* Kỹ thuật tổ chức chuyên đề/chuyên trang: Lựa chọn mục đích, phân bố tỉ lệ tin bài

**Nội dung 3. Nhà báo và nguồn tin về chính trị - nội chính**

3.1. Đặc điểm của nguồn tin về các vấn đề chính trị - nội chính

3.2. Phẩm chất và nghiệp của nhà báo chuyên viết về mảng thông tin này

**Nội dung 4. Thông tin chính trị quốc tế: Nên đưa và không nên đưa tin**

4.1. Phân loại thông tin chính trị quốc tế

4.2. Một số vấn đề chính trị quốc tế cần quan tâm

4.3. Ứng xử thế nào với các thông tin chính trị quốc tế nhạy cảm?

**Nội dung 5. Các kỹ năng viết, dịch và biên tập tin bài**

3.1. Xác định chủ đề và thông tin cốt lõi

3.2. Xây dựng cấu trúc thông điệp

3.3. Kỹ thuật sử dụng tư liệu, số liệu, dẫn chứng

+ Tầm quan trọng của tư liệu: Trật tự dữ liệu = Ý đồ bài viết

+ Các kỹ thuật khai thác, sắp xếp và sử dụng tư liệu

+ Kỹ thuật sử dụng và trích dẫn nguồn

+ Kỹ thuật cài bình luận

+ Kỹ thuật cắt bình luận

3.4. Những lưu ý đặc biệt

* Cách dùng tên gọi quốc gia, địa danh, chức vụ
* Thống nhất cách viết tên riêng, viết tắt, viết các tên thân mật
* Chuyển dịch các vấn đề phức tạp (do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá) cho độc giả Việt Nam

Một số lỗi cơ bản khi tác nghiệp: lỗi nhận thức, lỗi dịch, lỗi biên tập.

**Nội dung 6. Một số thể loại báo chí thông tin về các vấn đề chính trị - nội chính**

6.1. Ưu thế của thể loại Tin, Phỏng vấn và Bài phản ánh

6.2. Thể hiện tác phẩm báo chí theo đề tài tự chọn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**ĐẠI CƯƠNG VỀ KINH TẾ BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG**

*(Introduction to media economics)*

**1. Mã học phần**: JOU3072

**2. Số tín chỉ**: 3

**3. Học phần tiên quyết**:

- Báo chí truyền thông đại cương

- Lý luận báo chí truyền thông

**4. Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt

**5. Giảng viên**

- Bùi Chí Trung, PGS.TS, Viện Đào tạo BCTT

- Đặng Đức Long, TS, Văn phòng Chính phủ

**6. Mục tiêu của học phần**

Học phần “Đại cương về kinh doanh báo chí truyền thông” là một trong những nội dung bắt buộc trong khung chương trình đào tạo cử nhân báo chí. Học phầnnhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế báo chí truyền thông trong nền kinh tế thị trường như: hệ thống các khái niệm, nguyên tắc và đặc thù của hoạt động kinh doanh báo chí truyền thông; các phương thức và mô hình hoạt động kinh tế của các phương tiện truyền thông truyền thống cũng như các phương tiện truyền thông mới, mối quan hệ kinh tế giữa các phương tiện truyền thông đại chúng với xã hội.

Thông qua học phần này, người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tham gia vào các hoạt động kinh doanh báo chí trong bối cảnh hiện nay. Ngoài ra, học phần còn nhằm góp phần nâng cao nhận thức về trách nhiệm của từng cá nhân đối với sự phát triển lĩnh vực kinh tế báo chí nói riêng cũng như của nền kinh tế đất nước nói chung.

**7. Chuẩn đầu ra của học phần**

Sau khi kết thúc học phần, người học có thể

*Về kiến thức*

+Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương (triế học Mác Lê nin, Kinh tế chính trị, Thống kê, Quản trị...) trong việc nghiên cứu, phân tích và tổng hợp một số vấn đề về kinh tế báo chí truyền thông và quản trị kinh doanh báo chí truyền thông.

+Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế báo chí truyền thông cũng như các kiến thức có liên quan về kinh tế và quản lý, kiến thức về quản trị doanh nghiệp truyền thông hiện đại. Có kỹ năng ứng dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạch định, xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh báo chí truyền thông.

+Có khả năng mở rộng được hiểu biết về những vấn đề liên quan của hoạt động kinh tế như: quản trị điều hành, mareting, quản trị nguồn nhân lực, quản trị dự án, quản trị rủi ro...

*Về kỹ năng*

+ Nắm được các kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ kinh doanh báo chí truyền thông một cách khoa học và hiệu quả.

+Phát hiện, lập luận và giải quyết được vấn đề trong hoạt động kinh doanh báo chí truyền thông như: phát hiện và hình thành vấn đề, tổng quát hóa vấn đề, đánh giá và phân tích định tính/ định lượng vấn đề, đánh giá và dự báo có sở cứ khoa học về sự thay đổi của môi trường hoạt động kinh doanh báo chí để từ đó có những quyết sách phù hợp, hiệu quả.

+Có kỹ năng nghiên cứu, khám phá, thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển ý tưởng và ứng dụng trong thực tế hoạt động kinh doanh báo chí.

+Phát triển được kỹ năng tư duy logic, tư duy hệ thống, tư duy phân tích đa chiều.

+Phát triển được kỹ năng cá nhân trong việc phản biện, quản trị bản thân và tổ chức, xử lý tình huống nhanh nhậy, phát huy hiệu quả kinh nghiệm bản thân.

+ Hoàn thiện được kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp xây dựng và triển khai các nhóm kinh doanh, nhóm đề án...

*Về thái độ:*

+Nâng cao được năng lực, phẩm chất cá nhân; sẵn sàng đương đầu với khó khăn, áp lực và chấp nhận rủi ro; kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê tìm hiểu, khám phá...

+ Xây dựng được thái độ tích cực trong công việc, ứng xử chuyên nghiệp, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

**8. Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1 | Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương (triế học Mác Lê nin, Kinh tế chính trị, Thống kê, Quản trị...) trong việc nghiên cứu, phân tích và tổng hợp một số vấn đề về kinh tế báo chí truyền thông và quản trị kinh doanh báo chí truyền thông. | PLO1.4 |
| CLO2 | Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế báo chí truyền thông cũng như các kiến thức có liên quan về kinh tế và quản lý, kiến thức về quản trị doanh nghiệp truyền thông hiện đại. Có kỹ năng ứng dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạch định, xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh báo chí truyền thông. | PLO1.4 |
| CLO3 | Có khả năng mở rộng được hiểu biết về những vấn đề liên quan của hoạt động kinh tế như: quản trị điều hành, mareting, quản trị nguồn nhân lực, quản trị dự án, quản trị rủi ro | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Nắm được các kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ kinh doanh báo chí truyền thông một cách khoa học và hiệu quả. | PLO 2.2.1 |
| CLO5 | Phát hiện, lập luận và giải quyết được vấn đề trong hoạt động kinh doanh báo chí truyền thông như: phát hiện và hình thành vấn đề, tổng quát hóa vấn đề, đánh giá và phân tích định tính/ định lượng vấn đề, đánh giá và dự báo có sở cứ khoa học về sự thay đổi của môi trường hoạt động kinh doanh báo chí để từ đó có những quyết sách phù hợp, hiệu quả. | PLO 2.2.2 |
| CLO6 | Có kỹ năng nghiên cứu, khám phá, thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển ý tưởng và ứng dụng trong thực tế hoạt động kinh doanh báo chí. | PLO 2.2.4 |
| CLO7 | Phát triển được kỹ năng tư duy logic, tư duy hệ thống, tư duy phân tích đa chiều. | PLO 2.1.5 |
| CLO8 | Phát triển được kỹ năng cá nhân trong việc phản biện, quản trị bản thân và tổ chức, xử lý tình huống nhanh nhậy, phát huy hiệu quả kinh nghiệm bản thân.. | PLO 2.1.6 |
| CLO9 | Hoàn thiện được kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp xây dựng và triển khai các nhóm kinh doanh, nhóm đề án... | PLO 2.2.6 |
| Thái độ | |  |
| CLO10 | Nâng cao được năng lực, phẩm chất cá nhân; sẵn sàng đương đầu với khó khăn, áp lực và chấp nhận rủi ro; kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê tìm hiểu, khám phá... | PLO 3.2 |
| CLO11 | Xây dựng được thái độ tích cực trong công việc, ứng xử chuyên nghiệp, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng. | PLO 3.3 |
|  |  |  |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | Chương 1 (phần 1) | - Bài giảng do giáo viên biên soạn.  Bùi Chí Trung, Kinh tế báo chí, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017. |  |
| Tuần 2 | Chương 1 (phần 2) | - Bài giảng do giáo viên biên soạn.  Bùi Chí Trung, Kinh tế báo chí, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017..  . |  |
| Tuần 3 | Chương 2 (phần 1) | Bài giảng do giáo viên biên soạn.  Bùi Chí Trung, Kinh tế báo chí, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017. |  |
| Tuần 4 | Chương 2 (phần 2) | Bài giảng do giáo viên biên soạn.  Bùi Chí Trung, Kinh tế báo chí, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017. |  |
| Tuần 5: | Chương 3 (phần 1) | Bài giảng do giáo viên biên soạn.  Bùi Chí Trung, Kinh tế báo chí, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017. |  |
| Tuần 6 | Chương 3 (phần 2) | Bài giảng do giáo viên biên soạn.  Bùi Chí Trung, Kinh tế báo chí, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017. |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kỳ |  |  |
| Tuần 8 | Chương 4 (phần 1) | Bài giảng do giáo viên biên soạn.  Bùi Chí Trung, Kinh tế báo chí, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.. |  |
| Tuần 9 | Chương 4 (phần 2) | Bài giảng do giáo viên biên soạn.  Bùi Chí Trung, Kinh tế báo chí, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.. |  |
| Tuần 10 | Chương 5 (phần 1) | Bài giảng của giảng viên |  |
| Tuần 11 | Chương 5 (phần 2) | Bài giảng do giáo viên biên soạn.  Bùi Chí Trung, Kinh tế báo chí, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017. |  |
| Tuần 12 | Chương 6 (phần 1) | Bài giảng do giáo viên biên soạn.  Bùi Chí Trung, Kinh tế báo chí, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017. |  |
| Tuần 13 | Chương 6 (phần 2) | Bài giảng do giáo viên biên soạn.  Bùi Chí Trung, Kinh tế báo chí, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017..  -. |  |
| Tuần 14 | Ôn tập |  |  |
| Tuần 15 | Tổng kết |  |  |

1. **Các yêu cầu với học phần:**

Sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên

1. **Phương pháp dạy-học:**

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

+ Thuyết giảng

+ Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng.

+ Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm.

+ Mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom)

Các phương pháp học tập gồm:

+ Sinh viên tự đọc tài liệu.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.

+ Sinh viên xem các video bài giảng trên website của khoá học.

+ Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

+ Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp kiểm tra, đánh giá**:

***Kiểm tra - đánh giá thường xuyên***

-Trọng số 10%. Căn cứ vào sự có mặt và tham gia phát biểu của học viên trên lớp. Nếu có mặt 100%, nhưng không tham gia phát biểu được 8/10 điểm.Nếu tham gia phát biểu 2, 3 lần được tính thêm 1 điểm thường xuyên, nhưng tổng số điểm có mặt và điểm phát biểu không quá 10 điểm. Việc ghi chép số lần phát biểu, điểm danh có mặt do thư ký điểm danh của lớp học phần (do giảng viên chỉ định từ buổi học đầu tiên).

***Kiểm tra – đánh giá giữa kì***

-Trọng số 30%. Chủ yếu về lý thuyết và phân tích ứng dụng thực tiễn thông qua nghiên cứu trường hợp, sau đó làm bài tập thực hành trên lớp. Đánh giá khả năng nhớ và hiểu để phân tích lý giải vấn đề. Làm tiểu luận theo chủ đề được giảng viên phân công.

Hình thức: Bài tập thực hành hoặc bài trình bày trên lớp (5-7 trang báo cáo và 1 slide trình bày trong khoảng 10 phút).

***Kiểm tra đánh giá hết học phần***

-Trọng số 60%. Kết hợp lý luận và khả năng ứng dụng lý luận trong thực tiễn hoạt động truyền thông quốc tế.Đánh giá khả năng nhớ và hiểu để phân tích lý giải vấn đề, và đưa ra giải pháp mang tính ứng dụng trong việc xây dựng kế hoạch truyền thông.

Hình thức: Thi viết hoặc làm tiểu luận (25 - 30 trang A4).

***Lịch thi, kiểm tra:*** Theo quy định của Nhà Trường

**13. Học liệu**

***13.1. Học liệu bắt buộc***

Bài giảng do giáo viên biên soạn.

Bùi Chí Trung, *Kinh tế báo chí*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.

***13.2. Học liệu tham khảo thêm***

Alexander, Alison; Owers, James; Carveth, Rod; Hollifield, C. Ann; Greco, Albert N . *Media economics : theory and practice. (3rd ed.), Nxb* Lawrence Erlbaum, 2004**.**

Albarran, Alan B. *Handbook of media management and economics*, Nxb L. Erlbaum Associates, 2006.

**14. Tóm tắt nội dung học phần:**

Đại cương về kinh doanh báo chí truyền thông là học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động kinh tế của các cơ quan báo chí truyền thông trong quá trình sử dụng con người, cơ sở vật chất kỹ, thuật, tài chính… để đi đến hiệu quả tối đa mà các doanh nghiệp báo chí nói riêng và công nghiệp truyền thông nói chung có thể đạt được trong nền kinh tế thị trường.

**15. Nội dung chi tiết học phần:**

**Chương 1. Tổng quan về kinh tế báo chí truyền thông**

*1.1. Những khái niệm cơ bản của kinh tế báo chí truyền thông*

*1.2. Kinh tế báo chí truyền thông trong mối liên hệ với kinh tế vĩ mô và vi mô*

*1.3. Đối tượng và thành phần tham gia hoạt động kinh tế báo chí truyền thông*

*1.4. Cấu trúc và sự cạnh tranh trên thị trường báo chí truyền thông*

*1.5. Những đặc điểm về kinh tế của các phương tiện truyền thông đại chúng*

*1.6. Quy mô, phạm vi và tính chất hoạt động kinh tế báo chí truyền thông*

**Chương 2. Các nguyên tắc cơ bản của hoạt động kinh doanh báo chí truyền thông**

*2.1. Cơ sở pháp lý của hoạt động kinh doanh báo chí truyền thông*

*2.2. Chuỗi sản xuất và cung ứng sản phẩm của báo chí truyền thông*

*2.3. Sự thay đổi về ranh giới và cấu trúc thị trường và phản ứng của các cơ quan báo chí truyền thông*

*2.4. Hoạt động kinh doanh báo chí truyền thông theo chiến lược phát triển “chiều dọc”, “chiều ngang” và “liên kết”*

**Chương 3. Dịch vụ quảng cáo trong hoạt động kinh doanh báo chí truyền thông**

*3.1. Vai trò của quảng cáo trong đời sống kinh tế xã hội*

*3.2. Hoạt động quảng cáo trong lĩnh vực kinh tế báo chí truyền thông*

*3.3. Sự quyết định chi trả của nhà đầu tư quảng cáo*

*3.4. Kinh doanh quảng cáo trên các phương tiện truyền thông truyền thống*

*3.5. Kinh doanh quảng cáo trên các phương tiện truyền thông mới*

**Chương 4. Hoạt động kinh tế báo in và tạp chí**

*4.1. Khái quát về sự hình thành và phát triển kinh tế báo in và tạp chí*

*4.2. Những đặc điểm cơ bản của hoạt động kinh tế báo in và tạp chí*

*4.2. Những mô hình phổ biến trong hoạt động kinh doanh và phát hành báo in và tạp chí*

*4.4. Kinh tế báo in và tạp chí trong sự thách thức, cạnh tranh của các phương tiện truyền thông mới*

**Chương 5. Hoạt động kinh tế của lĩnh vực phát thanh và truyền hình**

*5.1. Những đặc điểm cơ bản của hoạt động kinh tế phát thanh và truyền hình*

*5.2. Lĩnh vực sản xuất nội dung và truyền hình quảng bá (broadcast)*

*5.3. Ngành công nghiệp truyền hình trả tiền, truyền hình internet và OTT (over top content)*

*5.4. Các mô hình kinh tế phát thanh hiện đại (Contemporary Radio Industry)*

*5.5. Những tác động của sự phát triển công nghệ, kỹ thuật mới tới hoạt động kinh tế phát thanh và truyền hình truyền hình*

**Chương 6: Một số lĩnh vực kinh tế báo chí truyền thông đặc thù khác**

*6.1. Các mô hình kinh tế báo chí truyền thông trên hạ tầng internet trực tuyến (internet online)*

*6.2. Ngành công nghiệp in ấn và xuất bản*

*6.3. Ngành công nghiệp nghe nhìn, điện ảnh và thu âm* *(Recording Industry)*

*6.4. Xu hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế báo chí truyền thông mới*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

*(Multimedia communication)*

**1. Mã học phần:** JOU3049

**2. Số tín chỉ:** 03

**3. Học phần tiên quyết:** JOU2017

**4. Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt

**5. Giảng viên:**

- Đỗ Anh Đức, Giảng viên, Tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

-Trần Duy, Giảng viên, Tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

-Lê Vũ Điệp, Giảng viên, Tiến sĩ, Học viện Bưu chính viên thông, Hà Nội.

**6. Mục tiêu học phần:**

Học phần *Truyền thông đa phương tiện* cung cấp kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về hệ thống truyền thông đa phương tiện, dữ liệu đa phương tiện, các giao thức trong truyền thông đa phương tiện và các vấn đề liên quan.

7. **Chuẩn đầu ra của học phần**

***Sau khi học xong học phần, người học có thể***

***- Về Kiến thức:***

+ Hiểu được về hệ thống các phương tiện truyển tải thông điệp truyền thông.

+ Hiểu được đặc tính, đặc điểm của từng loại phương tiện chi phối đến quy trình xây dựng và phát tán các thông điệp truyền thông.

+ Phân tích được hiệu quả truyền thông của một hệ thống đa phương tiện.

+ Vận dụng được tư duy đa phương tiện trong quá trình tiếp cận sự kiện truyền thông và tác nghiệp.

+ Xây dựng được sản phẩm truyền thông theo thế mạnh của từng loại phương tiện và tư duy tích hợp các thế mạnh đó trong một chiến lược truyền thông.

**- Kỹ năng**

+ Đọc hiểu được các kiến thức mở rộng của học phần truyền thông đa phương tiện

+ Phân tích , thiết kế , xây dựng được các chương trình, module trong truyền thông đa phương tiện.

+ Lựa chọn được những công cụ phần mềm tốt nhất, phù hợp với mục đích của mình.

+ Nắm được những quy tắc trong việc sản xuất các phương tiện truyền thông đại chúng và ý thức được tầm quan trọng của công nghệ đối với xã hội hiện đại.

+ Sử dụng được các phần mềm để thiết kế và sản xuất các ấn phẩm của truyền thông đa phương tiện.

+ Sử dụng được công nghệ để tìm kiếm thông tin, mở rộng hiểu biết và truyền thông tới độc giả.

+ Đánh giá được các sản phẩm truyền thông hiện đại và từ đó rút ra những kinh nghiệm, bài học trong việc thiết kế và sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

***- Thái độ:***

+ Yêu thích và say mê nghề nghiệp.

+ Rèn luyện được thái độ nghiêm túc và có khả năng đọc hiểu , nghiên cứu, thực hành chuyên sâu trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

**8. Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1 | Hiểu được về hệ thống các phương tiện truyển tải thông điệp truyền thông. | PLO1.4 |
| CLO2 | Hiểu được đặc tính, đặc điểm của từng loại phương tiện chi phối đến quy trình xây dựng và phát tán các thông điệp truyền thông. | PLO1.3 |
| CLO3 | -Phân tích được hiệu quả truyền thông của một hệ thống đa phương tiện. | PLO2.1.1 |
| CLO4 | - Vận dụng được tư duy đa phương tiện trong quá trình tiếp cận sự kiện truyền thông và tác nghiệp.. | PLO2.1.2 |
| CLO5 | Xây dựng được sản phẩm truyền thông theo thế mạnh của từng loại phương tiện và tư duy tích hợp các thế mạnh đó trong một chiến lược truyền thông. | PLO 2.3 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO6 | Đọc hiểu được các kiến thức mở rộng của học phần truyền thông đa phương tiện | PLO 2.2.5 |
| CLO7 | Phân tích , thiết kế , xây dựng được các chương trình, module trong truyền thông đa phương tiện. | PLO 2.2.2 |
| CLO8 | -Vận dụng được công nghệ cũng như chọn lựa được mô hình nội dung phù hợp nhất với mục đích truyền thông. | PLO 2.2.2 |
| CLO9 | - Lựa chọn được những công cụ phần mềm tốt nhất, phù hợp với mục đích của mình. | PLO 2.1.6 |
| CLO10 | Nắm được những quy tắc trong việc sản xuất các phương tiện truyền thông đại chúng và ý thức được tầm quan trọng của công nghệ đối với xã hội hiện đại. | PLO 2.1.2 |
| CLO11 | Sử dụng được công nghệ để tìm kiếm thông tin, mở rộng hiểu biết và truyền thông tới độc giả. | PLO 2.2.5 |
| CLO12 | Đánh giá được các sản phẩm truyền thông hiện đại và từ đó rút ra những kinh nghiệm, bài học trong việc thiết kế và sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện. | PLO 2.2.1 |
| Thái độ | |  |
| CLO13 | -Yêu thích và say mê nghề nghiệp. | PLO 3.1 |
| CLO14 | Rèn luyện được thái độ nghiêm túc và có khả năng đọc hiểu , nghiên cứu, thực hành chuyên sâu trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện. | PLO 3.2 |
|  |  |  |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | Giới thiệu về quá trình đa phương tiện | -Bài giảng của giảng viên  Josephson, Sheree; Kelly, James D.; Smith, Ken, Handbook of visual communication : theory, methods, and media. (2nd ed.), Nxb Routledge, 2021. |  |
| Tuần 2 | Xác định các nét chính của sản phẩm đa phương tiện | -Bài giảng của giảng viên  Josephson, Sheree; Kelly, James D.; Smith, Ken, Handbook of visual communication : theory, methods, and media. (2nd ed.), Nxb Routledge, 2021.  . |  |
| Tuần 3 | Thực hành: Phân tích tác phẩm đa phương tiện |  |  |
| Tuần 4 | Xây dựng kế hoạch sản xuất đa phương tiện |  |  |
| Tuần 5: | Pha sản xuất đa phương tiện |  |  |
| Tuần 6 | Thực hành tuần 5 |  |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kỳ |  |  |
| Tuần 8 | Quản lý đa phương tiện (nội dung) | Bài giảng của giảng viên  -. Josephson, Sheree; Kelly, James D.; Smith, Ken, Handbook of visual communication : theory, methods, and media. (2nd ed.), Nxb Routledge, 2021. |  |
| Tuần 9 | Quản lý đa phương tiện (kỹ thuật) | Bài giảng của giảng viên  Josephson, Sheree; Kelly, James D.; Smith, Ken, Handbook of visual communication : theory, methods, and media. (2nd ed.), Nxb Routledge, 2021. |  |
| Tuần 10 | Quản lý đa phương tiện ( các điều khoản ràng buộc) | Bài giảng của giảng viên |  |
| Tuần 11 | Quản lý đa phương tiện (lựa chọn nhân lực) | Bài giảng của giảng viên  Josephson, Sheree; Kelly, James D.; Smith, Ken, Handbook of visual communication : theory, methods, and media. (2nd ed.), Nxb Routledge, 2021. |  |
| Tuần 12 | Thực hành lên kế hoạch nội dung | Bài giảng của giảng viên  Josephson, Sheree; Kelly, James D.; Smith, Ken, Handbook of visual communication : theory, methods, and media. (2nd ed.), Nxb Routledge, 2021. |  |
| Tuần 13 | Thực hành lên kế hoạch kỹ thuật | Bài giảng của giảng viên  Josephson, Sheree; Kelly, James D.; Smith, Ken, Handbook of visual communication : theory, methods, and media. (2nd ed.), Nxb Routledge, 2021.  -. |  |
| Tuần 14 | Ôn tập |  |  |
| Tuần 15 | Tổng kết |  |  |

1. **Các yêu cầu với học phần:**

Sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên

1. **Phương pháp dạy-học:**

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

+ Thuyết giảng

+ Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng.

+ Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm.

+ Mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom)

Các phương pháp học tập gồm:

+ Sinh viên tự đọc tài liệu.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.

+ Sinh viên xem các video bài giảng trên website của khoá học.

+ Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

+ Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp kiểm tra, đánh giá:**

***12.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên***

- Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia của sinh viên trên lớp.

- Các bài tập: 02 bài thu hoạch sau khi đi thực tế nửa đầu và nửa cuối của học phần

- Điểm thường xuyên tính điểm chuyên cần hoặc điểm bài tập - trọng số 10%

***12.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ***

- Kiểm tra - đánh giá giữa kì: Thực hành nhóm (30%)

- Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Bài tập nhóm hoặc bài tập cá nhân (60%)

1. **Học liệu:**

***13.1. Học liệu bắt buộc:***

Josephson, Sheree; Kelly, James D.; Smith, Ken, *Handbook of visual communication : theory, methods, and media. (2nd ed.),* Nxb Routledge, 2021.

***13.2. Học liệu tham khảo:***

Stewart, Peter; Alexander, Ray, *Broadcast journalism : Techniques of radio and television news. (8th ed.)*, Nxb Routledge, 2022.

Tạ Ngọc Tấn, *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H., 2020.*

1. **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần *Truyền thông đa phương tiện* cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông đa phượng tiện. Bao gồm những nghiên cứu, những sáng tạo mới nhất về ngành truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ được học kỹ thuật thiết kế và sản xuất những sản phẩm truyền thông đa phương tiện, sử dụng những chương trình phần mềm phổ biến nhất hiện nay. Ngoài ra, sinh viên sẽ được giới thiệu cách sản xuất và thiết kế các website và quá trình kinh doanh một website trên thực tế.

Về thực hành, sinh viên sẽ được làm việc theo nhóm để sản xuất ra những ấn phẩm website phục vụ nhu cầu của những khách hành kinh doanh thực sự. Sinh viên sẽ được học cách sử dụng các phần mềm như Flash, Adobe Photoshop…

1. **Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1. Giới thiệu về quá trình đa phương tiện**

* Khái niệm về Multimedia
* Hoàn cảnh sử dụng Multimedia
* Vấn đề bản quyền đối với các tác phẩm đa phương tiện
* Tổng quan về quá trình phát triển Multimedia
* Quá trình phát triển một sản phẩm Multimedia

**Chương 2. Xác định các nét chính của sản phẩm đa phương tiện**

* Quá trình viết đề án
* Thiết bị đa phương tiện
* Qui trình đa phương tiện
* Mục tiêu của đề án đa phương tiện
* Xác định chủ đề cho sản phẩm đa phương tiện
* Phân phối sản phẩm

**Chương 3. Xây dựng kế hoạch sản xuất đa phương tiện**

* Kịch bản (script)
* Chuẩn bị các mẫu thử
* Thu thập dữ liệu
* Lên kế hoạch về dữ liệu ảnh tĩnh
* Kế hoạch về ảnh động
* ***Lên kế hoạch về âm thanh***

**Chương 4. Pha sản xuất đa phương tiện**

* Chuẩn bị dữ liệu

*+ Tạo và số hoá ảnh động*

*+ Quay và số hoá dữ liệu video*

* Hợp nhất các công nghệ
* Công nghệ hỗ trợ cho đa phương tiện

*+ Thiết bị*

*+ Phần mềm*

*+ Máy tính đa phương tiện*

*+ Giới thiệu phần mềm*

* Tạo hình

*+ Tạo hình tĩnh*

*+ Tạo hình động*

**Chương 5. Quản lý đa phương tiện**

* Nội dung
* Một vài khái niệm

*Xác định phạm vi*

*Bước khởi động*

*Quản trị một đề án đa phương tiện*

* Điều khoản nội dung

*Những vai trò quyết định nội dung*

*Kịch bản cho đa phương tiện*

*Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nội dung*

*Cách thức để đạt được nội dung nhất trí*

*Nguyên tắc cơ bản để thiết lập nội dung*

*Kết luận*

* Chọn điều kiện thực hiện

*Giới thiệu*

*Các điều kiện phân phối*

*Phương tiện phân phối*

*Phân phối trên Web*

*Nền cho phát triển và thử nghiệm*

*Thí dụ*

*Kết luận*

* Chọn phương tiện và các kỹ thuật. Các giải pháp

*Thí dụ*

*Các ràng buộc*

*Ngân sách*

*Khớp phương tiện với các thông báo*

*Các nhân tố về video*

*Audio*

*Máy tính và đồ họa*

*Văn bản*

*Kết luận*

* Thiết kế giao diện

*Giao diện*

*Thiết kế giao diện*

*Kết luận*

* Điều khoản ràng buộc thứ hai

*Giới thiệu*

*Quyền định giá và thanh toán*

*Điều khoản luật pháp*

*Kết luận*

* Lựa chọn nhóm công tác

*Xác định kỹ năng cần thiết*

*Kĩ năng và hạt nhân của nhóm*

*Trợ giúp chung*

*Trợ giúp kỹ thuật*

*Kết luận*

**Chương 6: Nguyên tắc quản lý nhóm công tác**

* Sản phẩm audio

*Quản trị sản phẩm*

*Phòng thu*

*Số hóa*

*Kiểm chứng chất lượng*

*Thí dụ*

*Kết luận*

* Sản phẩm video

*Quản lý sản phẩm video*

*Nguyên tắc cơ bản của video*

*Các chuẩn truyền hình video*

* Sản phẩm đồ họa
* Tích hợp

*Các công cụ lập trình*

*Các giai đoạn*

**Chương 7: Bản quyền, sở hữu trí tuệ**

* Thử nghiệm

*Đa phương tiện và thử nghiệm*

*Khái niệm về thử nghiệm*

*Chiến lược thử*

*Phần mềm thử nghiệm*

*Kết luận*

* Làm tư liệu

*Cần thiết của tư liệu*

*Kết thúc đề án*

*Kết luận*

* Tiếp thị và nghiên cứu tiếp thị

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**SẢN XUẤT ẤN PHẨM BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG**

*(Media Publication Production)*

1. **Mã học phần: JOU 3077**
2. **Số tín chỉ:** 03
3. **Học phần tiên quyết:** JOU3064, JOU3058

+ *Kỹ năng viết cho báo in*

+ *Ảnh báo chí*

1. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
2. **Giảng viên** (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Phan Văn Kiền, Tiến sĩ, Đại học KHXH&NV

Lê Thái Hà, Thạc sĩ, Báo Hà Nội mới

1. **Mục tiêu của học phần (kiến thức, kĩ năng, thái độ):**

Sau khi hoàn thành kháo học này, sinh viên sẽ:

* Nắm được kiến thức về ấn phẩm truyền thông, quy trình sản xuất một ấn phẩm truyền thông.
* Vận dụng được những kiến thức lý luận vào thực hành sản xuất một ấn phẩm truyền thông cụ thể

1. **Chuẩn đầu ra của học phần:**

*- Kiến thức:*

* Xác định được đặc trưng của ấn phẩm báo chí, các yêu cầu về nội dung và hình thức của một ấn phẩm báo chí.
* Phân biệt rõ ấn phẩm báo chí với các loại hình xuất bản khác như phát thanh, truyền hình, trực tuyến.
* Kết hợp được các kỹ năng trên lớp và kỹ năng thực tiễn để sản xuất được ấn phẩm báo chí truyền thông.

*- Kỹ năng:*

* Xác định đúng thể loại và dung lượng tác phẩm để có kế hoạch tổ chức nội dung ấn phẩm.
* Thiết kế tốt tác phẩm ở các hình thức khác nhau một cách sáng tạo, hấp dẫn, có tác động và hiệu quả cao.
* Vận dụng được các kiến thức vào quá trình xử lý tác phẩm để tổ chức xây dựng ấn phẩm.

*- Thái độ, chuyên cần:*

* Nhận thức đúng bản chất công việc và tôn trọng giá trị lao động nghề nghiệp

+ Chấp nhận những thử thách của công việc.

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[23]](#footnote-23) | Xác định được đặc trưng của ấn phẩm báo chí, các yêu cầu về nội dung và hình thức của một ấn phẩm báo chí. | PLO1.4[[24]](#footnote-24) |
| CLO2 | Phân biệt rõ ấn phẩm báo chí với các loại hình xuất bản khác như phát thanh, truyền hình, trực tuyến | PLO1.4 |
| CLO3 | Kết hợp được các kỹ năng trên lớp và kỹ năng thực tiễn để sản xuất được ấn phẩm báo chí truyền thông. | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Xác định đúng thể loại và dung lượng tác phẩm để có kế hoạch tổ chức nội dung ấn phẩm. | PLO2.1.1 |
| CLO5 | Thiết kế tốt tác phẩm ở các hình thức khác nhau một cách sáng tạo, hấp dẫn, có tác động và hiệu quả cao. | PLO2.1.1 |
| CLO6 | Vận dụng được các kiến thức vào quá trình xử lý tác phẩm để tổ chức xây dựng ấn phẩm. | PLO2.1.2 |
| Thái độ | |  |
| CLO7 | Nhận thức đúng bản chất công việc và tôn trọng giá trị lao động nghề nghiệp | PLO3.1 |
| CLO8 | Chấp nhận những thử thách của công việc. | PLO3.2 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1 | * Giới thiệu môn học, nguyên tắc lớp học * Chương 1: Chọn chủ đề, đề tài và khai thác thông tin cho ấn phẩm truyền thông   1. Báo chí và đề tài báo chí   2. Khai thác thông tin cho các đề tài báo chí | Học liệu 2, trang 15 |  |
| Tuần 2 | Chương 1: Chọn chủ đề, đề tài và khai thác thông tin cho ấn phẩm truyền thông (tiếp)   * 1. Chủ đề quảng cáo và khai thác thông tin để xây dựng thông điệp quảng cáo   2. Chủ đề và khai thác thông tin để xây dựng thông điệp cho áp phích, tờ rơi… | Học liệu 2, trang 18 |  |
| Tuần 3 | Chương 2: Tổ chức thực hiện ấn phẩm truyền thông.  2.1.Xây dựng đề cương và viết tác phẩm báo in | Học liệu 2, trang 30 |  |
| Tuần 4 | Chương 2: Tổ chức thực hiện ấn phẩm truyền thông (tiếp)  2.2. Xây dựng đề cương và viết thông điệp quảng cáo  2.3. Xây dựng đề cương và viết thông điệp cho áp phích, tờ rơi. | Học liệu 2, trang 35 |  |
| Tuần 5 | Thực hành tổ chức thực hiện ấn phẩm (hoạt động nhóm) | Bài học các tuần trước |  |
| Tuần 6 | Chương 3: Ảnh và chọn ảnh cho ấn phẩm truyền thông   * 1. Đặc trưng của ảnh trên báo in   2. Chọn ảnh cho báo in   3. Đặc trưng của ảnh trên thông điệp quảng cáo, tờ rơi, áp phích…   4. Chọn ảnh cho thông điệp quảng cáo, tờ rơi, áp phích… | Học liệu 1, chương 3 |  |
| Tuần 7 | Chương 3: Ảnh và chọn ảnh cho ấn phẩm truyền thông  Thực hành chụp, lựa chọn, chỉnh sửa ảnh cho ấn phẩm đã lên đề cương ở tuần 5 | Học liệu 1, chương 3 |  |
| Tuần 8 | Chương 4: Dàn trang ấn phẩm truyền thông   * 1. Đặc điểm bố cục trang báo in và dung lượng tác phẩm   2. Dàn trang cho báo in   3. Đặc điểm về bố cục trang quảng cáo, tờ rơi, áp phích…   4. Dàn trang cho thông điệp quảng cáo, tờ rơi, áp phích | Học liệu 1, trang 125 |  |
| Tuần 9 | Thực hành dàn trang cho ấn phẩm đã lựa chọn ở tuần trước | Các bài học về dàn trang tuần trước |  |
| Tuần 10 | Chương 5: Thiết kế ấn phẩm truyền thông  5.1. Đặc thù công việc thiết kế ấn phẩm truyền thông  5.2. Các công cụ phục vụ việc thiết kế ấn phẩm truyền thông | Học liệu 1, từ trang 222 |  |
| Tuần 11 | Chương 5: Thiết kế ấn phẩm truyền thông  5.3. Thiết kế bài báo in  5.4. Thiết kế trang báo in  5.5. Thiết kế tờ báo in  5.6. Thiết kế trang quảng cáo, áp phích, tờ rơi… | Học liệu 1, từ trang 222 |  |
| Tuần 12 | Chương 5: Thiết kế ấn phẩm truyền thông  5.5. Thiết kế tờ báo in  5.6. Thiết kế trang quảng cáo, áp phích, tờ rơi… | Học liệu 1, từ trang 222 |  |
| Tuần 13 | Chương 6: Thực hành  6.1. Lên kế hoạch tổ chức sản xuất bài báo in  6.2. Lên kế hoạch tổ chức sản xuất trang báo in | Các nội dung lý thuyết đã học |  |
| Tuần 14 | Chương 6: Thực hành  6.3. Tổ chức thực hiện sản xuất bài báo in, trang báo in  6.4. Lên kế hoạch tổ chức sản xuất thông điệp quảng cáo, tờ rơi, áp phích…  6.5. Tổ chức sản xuất trang quảng cáo, tờ rơi, áp phích. | Các nội dung lý thuyết đã học |  |
| Tuần 15 | Báo cáo sản phẩm  Tổng kết môn học |  |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

Các yêu cầu của học phần đối với sinh viên như sau:

* Cần đọc, nghiên cứu các tài liệu bắt buộc
* Được khuyến khích đọc thêm tài liệu tham khảo
* Cần nghiêm túc tham gia bài tập thực hành, bài tập nhóm và các thảo luận trên lớp
* Tham gia tối thiểu 80% số giờ học dưới sự hướng dẫn của giảng viên
* Có ý thức tự học, tự đọc, tự tìm hiểu thêm về các nội dung của môn học
* Tuyệt đối không đạo văn. Trích dẫn đầy đủ khi làm bài tập/thi.

1. **Phương pháp dạy - học**

* Các phương pháp giảng dạy được sử dụng:
* Thuyết giảng
* Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm (thảo luận, hợp tác làm bài tập nhóm, thực tế v.v.)
* Hướng dẫn sinh viên một số phương pháp để tự học (tìm kiếm tài liệu, đọc tài liệu, đánh giá thông tin, ghi chú, v.v.)
* Các phương pháp học tập được sử dụng:
* Sinh viên tự đọc tài liệu.
* Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
* Tham gia các hoạt động thực tế theo nhóm/cá nhân.
* Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập trên nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp kiểm tra, đánh giá:**

***12.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên***

- Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia của sinh viên trên lớp.

- Các bài tập: Bài tập trên lớp phù hợp với nội dung từ 1 đến 5 đánh giá các kỹ năng sản xuất ấn phẩm truyền thông.

***12.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ***

- Kiểm tra - đánh giá giữa kì: Bài tập nhóm ở tuần thứ 7 của học kỳ ( trọng số 30%)

- Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Bài tập lớn hết môn theo nhóm ( trọng số 60%)

1. **Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, năm xuất bản):** 
   1. Nhiều tác giả (2021), *Xấu thế nào, đẹp ra sao*, NXB Lao Động. Có tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số, ĐHQGHN.
   2. Vũ Quang Hào (2020)*, Nghĩ đột phá cho fomat báo chí*, NXB Thông tấn. Có tại trung tâm thư viện và Tri thức số, ĐHQGHN.
2. **Tóm tắt nội dung học phần:**

*Sản xuất ấn phẩm truyền thông*  là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc trưng, đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc tổ chức sản xuất một bài báo in, một trang báo in, một tờ báo in, một thông điệp quảng cáo trên báo in, một áp phích, tờ rơi... Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng xác định đề tài, tổ chức nội dung cũng như dàn trang, thiết kế ấn phẩm truyền thông. Đồng thời, cung cấp những nguyên tắc về mặt kỹ năng, các kỹ năng cần thiết để tổ chức sản xuất ấn phẩm truyền thông.

1. **Nội dung chi tiết học phần:**

**Chương 1. CHỌN CHỦ ĐỀ, ĐỀ TÀI VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN CHO ẤN PHẨM TRUYỀN THÔNG**

* 1. Báo chí và đề tài báo chí
  2. Khai thác thông tin cho các đề tài báo chí
  3. Chủ đề quảng cáo và khai thác thông tin để xây dựng thông điệp quảng cáo
  4. Chủ đề và khai thác thông tin để xây dựng thông điệp cho áp phích, tờ rơi…

**CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ẤN PHẨM TRUYỀN THÔNG**

2.1. Xây dựng đề cương và viết tác phẩm báo in

2.2. Xây dựng đề cương và viết thông điệp quảng cáo

2.3. Xây dựng đề cương và viết thông điệp cho áp phích, tờ rơi

**CHƯƠNG 3. ẢNH VÀ CHỌN ẢNH CHO ẤN PHẨM TRUYỀN THÔNG**

* 1. Đặc trưng của ảnh trên báo in
  2. Chọn ảnh cho báo in
  3. Đặc trưng của ảnh trên thông điệp quảng cáo, tờ rơi, áp phích…
  4. Chọn ảnh cho thông điệp quảng cáo, tờ rơi, áp phích…

**CHƯƠNG 4. DÀN TRANG ẤN PHẨM TRUYỀN THÔNG**

* 1. Đặc điểm bố cục trang báo in và dung lượng tác phẩm
  2. Dàn trang cho báo in
  3. Đặc điểm về bố cục trang quảng cáo, tờ rơi, áp phích…
  4. Dàn trang cho thông điệp quảng cáo, tờ rơi, áp phích

**CHƯƠNG 5. THIẾT KẾ ẤN PHẨM TRUYỀN THÔNG**

5.1. Đặc thù công việc thiết kế ấn phẩm truyền thông

5.2. Các công cụ phục vụ việc thiết kế ấn phẩm truyền thông

5.3. Thiết kế bài báo in

5.4. Thiết kế trang báo in

5.5. Thiết kế tờ báo in

5.6. Thiết kế trang quảng cáo, áp phích, tờ rơi…

**CHƯƠNG 6. THỰC HÀNH**

6.1. Lên kế hoạch tổ chức sản xuất bài báo in

6.2. Lên kế hoạch tổ chức sản xuất trang báo in

6.3. Tổ chức thực hiện sản xuất bài báo in, trang báo in

6.4. Lên kế hoạch tổ chức sản xuất thông điệp quảng cáo, tờ rơi, áp phích…

6.5. Tổ chức sản xuất trang quảng cáo, tờ rơi, áp phích.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH TIN TỨC/THỜI SỰ**

***(News Production)***

1. **Mã học phần**: JOU 3080
2. **Số tín chỉ**: 03
3. **Học phần tiên quyết:** JOU3044

- Kỹ thuật phát thanh truyền hình

- Kỹ năng viết cho phát thanh truyền hình

1. **Ngôn ngữ giảng dạy**: tiếng Việt
2. **Giảng viên**:

Bùi Chí Trung, Tiến sỹ, Viện Đào tạo BCTT

Nguyễn Đình Hậu, Thạc sĩ, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

1. **Mục tiêu của học phần:** Học phầntrang bị cho sinh viên những kiến thức về chương trình, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, chương trình tin tức phát thanh, chương trình tin tức truyền hình; quy trình tổ chức và sản xuất một số dạng chương trình tin tức phát thanh, chương trình tin tức truyền hình phổ biến hiện nay. Thông qua những bài tập từ đơn giản đến phức tạp, sinh viên sẽ được rèn luyện các kỹ năng từ ghi âm, ghi hình đến xử lý thông tin trong phát thanh, truyền hình, thực hiện một số các sản phẩm của loại hình phát thanh, truyền hình.
2. **Chuẩn đầu ra của học phần**:

**- Kiến thức:**

+ Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận về chương trình, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, chương trình tin tức phát thanh và chương trình tin tức truyền hình;

+ Sinh viên hiểu được quy trình cơ bản của hoạt động sản xuất chương trình tin tức phát thanh, sản xuất chương trình tin tức truyền hình; các bước tổ chức thực hiện chương trình tin tức phát thanh, chương trình tin tức truyền hình;

+ Nắm được thực tiễn hoạt động sản xuất chương trình tin tức phát thanh, chương trình tin tức truyền hình ở Việt Nam hiện nay; biết cách vận dụng lý luận vào thực tiễn sản xuất chương trình theo yêu cầu;

+ Sinh viên nắm được những thao tác nghiệp vụ của một phóng viên phát thanh, phóng viên truyền hình.

**- Kỹ năng:**

+ Sinh viên rèn luyện những kỹ năng thu thập, xử lý thông tin cho loại hình phát thanh, loại hình truyền hình; sử dụng các thiết bị kỹ thuật thu âm, ghi hình; biên tập âm thanh, biên tập hình ảnh;

+ Sinh viên rèn luyện kỹ năng phát hiện vấn đề, khai thác và tổ chức xây dựng, tổ chức sản xuất một số dạng chương trình tin tức phát thanh và chương trình tin tức truyền hình cơ bản.

**- Thái độ, chuyên cần:**

+ Luôn có ý thức tự rèn luyện, học hỏi nâng cao kĩ năng.

+ Tích cực thực hành, thực tập, chủ động và sáng tạo

+ Hợp tác, làm việc theo nhóm hiệu quả

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1 | Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận về chương trình, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, chương trình tin tức phát thanh và chương trình tin tức truyền hình | PLO1.4 |
| CLO2 | Sinh viên hiểu được quy trình cơ bản của hoạt động sản xuất chương trình tin tức phát thanh, sản xuất chương trình tin tức truyền hình; các bước tổ chức thực hiện chương trình tin tức phát thanh, chương trình tin tức truyền hình | PLO1.4 |
| CLO3 | Nắm được thực tiễn hoạt động sản xuất chương trình tin tức phát thanh, chương trình tin tức truyền hình ở Việt Nam hiện nay; biết cách vận dụng lý luận vào thực tiễn sản xuất chương trình theo yêu cầu | PLO1.4 |
| CLO4 | Sinh viên nắm được những thao tác nghiệp vụ của một phóng viên phát thanh, phóng viên truyền hình. | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO5 | Sinh viên rèn luyện những kỹ năng thu thập, xử lý thông tin cho loại hình phát thanh, loại hình truyền hình; sử dụng các thiết bị kỹ thuật thu âm, ghi hình; biên tập âm thanh, biên tập hình ảnh | PLO2.1 |
| CLO6 | Sinh viên rèn luyện kỹ năng phát hiện vấn đề, khai thác và tổ chức xây dựng, tổ chức sản xuất một số dạng chương trình tin tức phát thanh và chương trình tin tức truyền hình cơ bản. | PLO2.1 |
| Thái độ | |  |
| CLO7 | Luôn có ý thức tự rèn luyện, học hỏi nâng cao kĩ năng | PLO3.1 |
| CLO8 | Tích cực thực hành, thực tập, chủ động và sáng tạo | PLO3.2 |
| CLO9 | Hợp tác, làm việc theo nhóm hiệu quả | PLO4.1 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1 | - Giới thiệu mục đích, yêu cầu, tài liệu tham khảo, các dạng bài tập  - Khái niệm chương trình, chương trình phát thanh, chương trình tin tức phát thanh  - Những yếu tố của một chương trình tin tức phát thanh  - Đặc điểm của chương trình tin tức phát thanh | - Đọc các học liệu  Bắt buộc 1, học liệu tham khảo 1 (103-106);  Tham khảo 2 (216-217); 2 (218-219); 1 (42-54)  - Đặc biệt quan tâm đến những nội dung bàn về đặc tính của phát thanh và chương trình tin tức phát thanh  - Đọc các học liệu tham khảo 1 (32-54) và (99-103); học liệu tham khảo 2 (217-219)  - Nghe đài phát thanh, đặc biệt lưu ý những vấn đề về thời điểm, thời lượng phát sóng, nội dung, các yếu tố của chương trình |  |
| Tuần 2 | - Giới thiệu, phân tích kết cấu chương trình tin tức phát thanh truyền thống và chương trình phát thanh hiện đại  - Giới thiệu tiêu chí phân chia các dạng chương trình tin tức phát thanh hiện nay | - Đọc các học liệu bắt buộc 1, học liệu tham khảo 2 (219-224); 1 (126-137) |  |
| Tuần 3 | Giới thiệu những phương tiện kỹ thuật cơ bản dùng trong sản xuất chương trình tin tức phát thanh  - Phân tích vị trí, nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm sản xuất chương trình tin tức phát thanh  - Lưu ý những kỹ năng tác nghiệp trong quá trình sản xuất chương trình tin tức phát thanh  - Thực tế khảo sát quy trình sản xuất chương trình tin tức phát thanh tại một số cơ quan sản xuất chương trình tin tức phát thanh | - Đọc các học liệu bắt buộc 1, học liệu tham khảo 2 (225-228); 2 (147-215); |  |
| Tuần 4 | - Tác nghiệp thực tế sản xuất chương trình bản tin phát thanh đầu giờ  - Thực hành các kỹ năng của phóng viên phát thanh ngoài hiện trường hoặc trong studio  - Thực hiện được quy trình tổ chức, sản xuất chương trình bản tin đầu giờ  - Tác nghiệp sản xuất theo nhóm hoặc cá nhân | Đọc học liệu 1, học liệu tham khảo 1 (78-98) |  |
| Tuần 5 | - Lắng nghe sản phẩm hoàn thiện chương trình bản tin mà cá nhân hoặc nhóm thực hiện tại tuần 04  - Góp ý và rút ra bài học kinh nghiệm sau khi tác nghiệp thực tế |  |  |
| Tuần 6 | - Tác nghiệp thực tế sản xuất chương trình tin tức tổng hợp  - Thực hành các kỹ năng của phóng viên phát thanh ngoài hiện trường hoặc trong studio  - Thực hiện được quy trình tổ chức, sản xuất chương trình tin tức tổng hợp  - Tác nghiệp sản xuất theo nhóm hoặc cá nhân |  |  |
| Tuần 7 | - Lắng nghe sản phẩm hoàn thiện chương trình bản tin mà cá nhân hoặc nhóm thực hiện tại tuần 06  - Góp ý và rút ra bài học kinh nghiệm sau khi tác nghiệp thực tế |  |  |
| Tuần 8 | - Khái niệm chương trình tin tức truyền hình  - Những yếu tố của một chương trình tin tức truyền hình  - Đặc điểm của truyền hình, chương trình tin tức truyền hình | Nghiên cứu tài liệu tham khảo 03 |  |
| Tuần 9 | - Giới thiệu, phân tích kết cấu chương trình tin tức truyền hình truyền thống và chương trình truyền hình hiện đại  - Giới thiệu tiêu chí phân chia các dạng chương trình tin tức truyền hình hiện nay | Nghiên cứu tài liệu tham khảo 03 |  |
| Tuần 10 | - Giới thiệu những phương tiện kỹ thuật cơ bản dùng trong sản xuất chương trình tin tức truyền hình  - Phân tích vị trí, nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm sản xuất chương trình tin tức truyền hình  - Lưu ý những kỹ năng tác nghiệp trong quá trình sản xuất chương trình tin tức truyền hình  - Đi khảo sát một số mô hình sản xuất chương trình tin tức truyền hình của một số cơ quan truyền hình trung ương | Nghiên cứu tài liệu tham khảo 03 |  |
| Tuần 11 | - Tác nghiệp thực tế sản xuất chương trình bản tin đầu giờ của truyền hình  - Thực hành các kỹ năng của phóng viên truyền hình ngoài hiện trường hoặc trong studio  - Thực hiện được quy trình tổ chức, sản xuất chương trình bản tin đầu giờ của truyền hình  - Tác nghiệp sản xuất theo nhóm hoặc cá nhân |  |  |
| Tuần 12 | - Lắng nghe sản phẩm hoàn thiện chương trình bản tin truyền hình mà cá nhân hoặc nhóm thực hiện tại tuần 0  - Góp ý và rút ra bài học kinh nghiệm sau khi tác nghiệp thực tế |  |  |
| Tuần 13 | - Tác nghiệp thực tế sản xuất chương trình tin tức tổng hợp  - Thực hành các kỹ năng của phóng viên phát thanh ngoài hiện trường hoặc trong studio  - Thực hiện được quy trình tổ chức, sản xuất chương trình tin tức tổng hợp  - Tác nghiệp sản xuất theo nhóm hoặc cá nhân |  |  |
| Tuần 14 | - Lắng nghe sản phẩm hoàn thiện chương trình bản tin mà cá nhân hoặc nhóm thực hiện tại tuần 04  - Góp ý và rút ra bài học kinh nghiệm sau khi tác nghiệp thực tế |  |  |
| Tuần 15 | - Tổng hợp lại toàn bộ hệ thống kiến thức môn học  - Nhấn mạnh lại những lỗi thường xuyên gặp phải trong thực tế tác nghiệp của sinh viên  - Tổng kết môn học |  |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học phần được ghi trong đề cương.

- Thiếu một điểm thành phần, không được tính điểm môn đó.

- Các bài tập phải nộp đúng hạn và đầy đủ.

- Đi học đầy đủ, đúng giờ (nghỉ không quá 20% tổng số giờ).

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương.

1. **Phương pháp dạy – học**

Các phương pháp sử dụng dạy và học trong học phần

- Thuyết giảng trên lớp

- Gửi tài liệu nghiên cứu

- Thảo luận nhóm

- Thuyết trình

- Thực hành

1. **Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

**12.1 Kiểm tra – đánh giá thường xuyên**

- Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia của sinh viên trên lớp.

- Các bài tập: 02 bài tập sản xuất được xen kẽ vào quá trình học tập của sinh viên

- Điểm thường xuyên tính trung bình trung điểm chuyên cần và điểm bài tập - trọng số 10%

**12.2 Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ**

- Kiểm tra - đánh giá giữa kì: Thực hành cá nhân hoặc nhóm sản xuất một chương trình tin tức phát thanh ( chiếm trọng số 30%): tuần 7 – kết thúc nội dung 4.

- Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Thực hành hoặc tiểu luận cá nhân hoặc nhóm sản xuất một chương trình tin tức truyền hình (chiếm trọng số 60%): tuần 14 – Kết thúc nội dung 8.

1. **Học liệu:**

***Học liệu bắt buộc***

1. Đinh Thị Xuân Hòa, 2019, Sản xuất chương trình tin tức/thời sự.

***Học liệu tham khảo***

1. Đức Dũng. *Lý luận báo phát thanh*. Nxb. Văn hoá - Thông tin. H.2003. Tài liệu có tại phòng tư liệu Khoa Báo chí và truyền thông, phòng 504 nhà **A**. 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

2. Phân viện Báo chí & Truyên truyền - Đài Tiếng nói Việt Nam. *Báo phát thanh*. Nxb. Văn hoá thông tin. H.2002. Tài liệu có tại Thư viện Học viện Báo chí & Tuyên truyền, 36 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội.

3. Dương Xuân Sơn (2009) *Giáo trình Báo chí truyền hình*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

1. **Tóm tắt nội dung học phần**: Học phần*Sản xuất chương trình tin tức (3 tín chỉ)* cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, kết cấu, các dạng chương trình tin tức phát thanh, chương trình tin tức truyền hình và quy trình, công nghệ sản xuất chương trình tin tức phát thanh - truyền hình hiện đại; rèn luyện cho sinh viên những thao tác nghiệp vụ cơ bản của phóng viên trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình. Quy trình học kết hợp lý thuyết và thực hành giúp sinh viên vận dụng được những kiến thức lý thuyết về sản xuất chương trình tin tức phát thanh truyền hình vào thực tiễn, tự tổ chức sản xuất một số dạng chương trình tin tức phát thanh - truyền hình hiện đại.
2. **Nội dung chi tiết học phần**

**Phần I: Sản xuất chương trình tin tức phát thanh**

**Nội dung 1. Chương trình tin tức phát thanh**

1.1. Khái niệm chương trình; chương trình tin tức và chương trình tin tức phát thanh

1.2. Đặc điểm của chương trình tin tức phát thanh

**Nội dung 2. Kết cấu của chương trình tin tức phát thanh**

2.1. Kết cấu của chương trình tin tức phát thanh

2.2. Các dạng chương trình tin tức phát thanh

**Nội dung 3. Quy trình sản xuất chương trình tin tức phát thanh**

3.1. Phương tiện kỹ thuật

3.2. Nhân lực

3.3.3. Kỹ năng

3.4. Tổ chức sản xuất

**Nội dung 4: Thực hành sản xuất chương trình tin tức phát thanh**

**Phần II: Sản xuất chương trình tin tức truyền hình**

**Nội dung 5. Chương trình tin tức truyền hình**

5.1. Khái niệm chương trình truyền hình, chương trình tin tức truyền hình

5.2. Đặc điểm của chương trình tin tức truyền hình

**Nội dung 6. Kết cấu của chương trình tin tức truyền hình**

6.1. Kết cấu của chương trình tin tức truyền hình

6.2. Các dạng chương trình tin tức truyền hình

**Nội dung 7. Quy trình sản xuất chương trình tin tức truyền hình**

7.1. Phương tiện kỹ thuật

7.2. Một số chức danh sản xuất

7.3.3. Kỹ năng

7.3.4. Tổ chức sản xuất

**Nội dung 8: Thực hành sản xuất chương trình tin tức truyền hình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN ĐỀ**

**(***Specialized program producing***)**

**1. Mã học phần**: JOU3081

**2. Số tín chỉ:** **03**

**3. Học phần tiên quyết** : JOU3044

**4. Ngôn ngữ giảng dạy**: Tiếng Việt

**5. Giảng viên**: Theo phân công của Bộ môn

**6. Mục tiêu học phần:**

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về khái niệm dạng chương trình chuyên đề, đặc điểm, phương thức và quy trình sản xuất chương trình chuyên đề trên sóng phát thanh, truyền hình. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể phân loại các lĩnh vực chuyên đề, lựa chọn đề tài và xử lý tác phẩm, phù hợp với tính chất, đặc trưng và phong cách của dạng chương trình chuyên đề trên sóng phát thanh tuyền hình hiện nay. Học phầngiúp sinh viên có khả năng sáng tạo tác phẩm, sáng tạo format chương trình chuyên đề đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

**7*. Chuẩn đầu ra của học phần:***

*- Về kiến thức:*

+ Sinh viên hiểu biết về hệ thống các chương trình phát sóng của một đài phát thanh, truyền hình; Vị trí, vai trò của các chương trình chuyên đề, Tiêu chí phân loại các chương trình chuyên đề.

+ Sinh viên nắm được phương thức sản xuất các chương trình chuyên đề trên sóng phát thanh và truyền hình, đặc trưng, đặc điểm nội dung và hình thức của từng chuyên đề

+ Sinh viên nắm vững quy trình tổ chức sản xuất chương trình chuyên đề

*- Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng phát hiện, tìm kiếm đề tài để xây dựng chương trình chuyên đề phát thanh và truyền hình

+ Kỹ năng viết, xây dựng kịch bản, format chương trình

+ Kỹ năng sử dụng thể loại tác phẩm phù hợp với dạng chương trình chuyên đề

+ Kỹ năng thực hiện chương trình chuyên đề trên sóng phát thanh, truyền hình

+ Kỹ năng biên tập hậu kỳ

+ Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm

+ Kỹ năng phân tích tác phẩm các chương trình chuyên đề và từ đó rút ra những kinh nghiệm trong tác nghiệp.

*- Về thái độ:*

+ Có thái độ công bằng, khách quan và khoa học trong nhận xét, đánh giá phân tích tác phẩm, chương trình

+ Tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập và thực hành.

+ Có ý thức phấn đấu, ham học hỏi, sáng tạo

**8. Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1 | Sinh viên hiểu biết về hệ thống các chương trình phát sóng của một đài phát thanh, truyền hình; Vị trí, vai trò của các chương trình chuyên đề, Tiêu chí phân loại các chương trình chuyên đề. | PLO1.4 |
| CLO2 | Sinh viên nắm được phương thức sản xuất các chương trình chuyên đề trên sóng phát thanh và truyền hình, đặc trưng, đặc điểm nội dung và hình thức của từng chuyên đề | PLO1.4 |
| CLO3 | Sinh viên nắm vững quy trình tổ chức sản xuất chương trình chuyên đề | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Kỹ năng phát hiện, tìm kiếm đề tài để xây dựng chương trình chuyên đề phát thanh và truyền hình | PLO2.1 |
| CLO5 | Kỹ năng viết, xây dựng kịch bản, format chương trình | PLO2.1 |
| CLO6 | Kỹ năng sử dụng thể loại tác phẩm phù hợp với dạng chương trình chuyên đề | PLO2.1 |
| CLO7 | Kỹ năng thực hiện chương trình chuyên đề trên sóng phát thanh, truyền hình | PLO2.1 |
| CLO8 | Kỹ năng phân tích tác phẩm các chương trình chuyên đề và từ đó rút ra những kinh nghiệm trong tác nghiệp. | PLO2.1 |
| CLO9 | Kỹ năng biên tập hậu kỳ; Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm | PLO2.2 |
| Thái độ | |  |
| CLO10 | Có thái độ công bằng, khách quan và khoa học trong nhận xét, đánh giá phân tích tác phẩm, chương trình | PLO4 |
| CLO11 | Tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập và thực hành. | PLO3 |
| CLO12 | Có ý thức phấn đấu, ham học hỏi, sáng tạo | PLO3 |

**9. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Tuần 1+2 | - Giới thiệu đề cương môn học  - Giới thiệu tổng quan môn học  - Giới thiệu các bài tập lớn/học kỳ  - Giao bài tập cá nhân/tuần  - Chia nhóm học tập  - Khái quát chung về chương trình truyền hình chuyên đề  - Kết cấu của chương trình truyền hình chuyên đề  - Chủ đề của chương trình truyền hình.  - Quy trình thực hiện chương trình truyền hình chuyên đề |  |  |
| Tuần 3+4 | Khái quát về các chương trình liên quan đến Chính trị - Nội chính  *-* Cách tổ chức sản xuất chương trình truyền hình về Chính trị - Nội chính  - Các bước thực hiện chương trình truyền hình Chuyên đề về Chính trị - Nội chính | Đọc tài liệu 1 và 2 |  |
| Tuần 4+5 | - Khái niệm chương trình truyền hình Chuyên đề về Kinh tế  - Quy trình sản xuất chương trình truyền hình Chuyên đề về Kinh tế  - Các bước thực hiện chương trình truyền hình Chuyên đề về Kinh tế | Đọc tài liệu 1, 2 |  |
| Tuần 6-7 | - Khái niệm chương trình truyền hình Chuyên đề về Văn hóa – Xã hội  - Quy trình sản xuất chương trình truyền hình Chuyên đề về Văn hóa – Xã hội  - Các bước thực hiện chương trình truyền hình Chuyên đề về Văn hóa – Xã hội | Đọc tài liệu 1,2 |  |
| Tuần 8 - 9 | - Khái niệm chương trình truyền hình Chuyên đề về Khoa học – Giáo dục – Y tế  - Quy trình sản xuất chương trình truyền hình Chuyên đề về Khoa học – Giáo dục – Y tế  - Các bước thực hiện chương trình truyền hình Chuyên đề về Khoa học – Giáo dục – Y tế |  |  |
| Tuần 10 | - Khái quát, giới thiệu các chương trình truyền hình Chuyên đề về Dân tộc - Tôn giáo  -Các nghiệp vụ nghề nghiệp của nhà báo truyền hình Chuyên đề về Dân tộc - Tôn giáo  - Các công việc cụ thể của nhà báo truyền hình Chuyên đề về Dân tộc - Tôn giáo  - Tính chuẩn nghề nghiệp của nhà báo truyền hình Chuyên đề về Dân tộc - Tôn giáo  - Trình bày các công việc cụ thể của nghề nghiệp nhà báo truyền hình Chuyên đề về Dân tộc - Tôn giáo  - Trình bày, phân tích một ví dụ cụ thể về các chức trách nghiệp vụ nhà báo truyền hình Chuyên đề về Dân tộc - Tôn giáo. | Đọc tài liệu 1,2 |  |
| Tuần 11 | - Khái niệm định nghĩa về Chuyên đề Tam nông  - Nêu được đặc điểm của Chuyên đề về Tam nông  - Nêu được một số khác biệt của Chuyên đề về Tam nông  - Quy trình xây dựng Chuyên đề về Tam nông | Đọc 1 và 2 |  |
| Tuần 12 | - Khái niệm chương trình truyền hình Chuyên đề Thể thao  -Đặc trưng của Chuyên đề Thể thao  - Các dạng (loại) Chuyên đề Thể thao  - Chỉ ra các chương trình Chuyên đề Thể thao  - Quy trình thực hiện chương trình truyền hình Chuyên đề Thể thao |  |  |
| Tuần 13 | - Nắm được khái niệm khái niệm, định nghĩa Chuyên đề Văn học – Nghệ thuật  - Vai trò và đặc điểm của Chuyên đề về Văn học – Nghệ thuật  - Các chương trình truyền hình chuyên đề về lĩnh vực văn học - Nghệ thuật  - Các dạng Chuyên đề Văn học – Nghệ thuật  - Phương pháp, nghệ thuật làm chương trình truyền hình Chuyên đề Văn học –Nghệ thuật  -Kịch bản chương trình truyền hình Chuyên đề Văn học –Nghệ thuật |  |  |
| Tuần 14 + 15 | - Tổ chức sản xuất chương trình chuyên đề: xây dựng eki, quy trình tổ chức và thực hành |  |  |

**10. Các yêu cầu đối với học phần**

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học phần được ghi trong đề cương.

- Thiếu một điểm thành phần, không được tính điểm môn đó.

- Các bài tập phải nộp đúng hạn và đầy đủ.

- Đi học đầy đủ, đúng giờ (nghỉ không quá 20% tổng số giờ).

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương.

**11. Phương pháp dạy – học**

Các phương pháp sử dụng dạy và học trong học phần

- Thuyết giảng trên lớp

- Gửi tài liệu nghiên cứu

- Thảo luận nhóm

- Thuyết trình

- Thực hành

**12. Phương pháp kiểm tra đánh gía:**

*12.1 .Kiểm tra – đánh giá thường xuyên :*

- Chuyên cần : căn cứ vào sự có mặt của sinh viên và tham gia xây dựng bài học, hoàn thành bài tập của sinh viên trên lớp 10%

- Các bài tập, các hoạt động thảo luận nhóm được tổ chức xen kẽ trong các tuần học theo các nội dung học tập

*12.2 . Kiểm tra – đánh giá giữa và cuối kỳ*

- Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ : 30% Làm bài giữa kỳ vào tuần 7. Đề bài yêu cầu sinh viên thực hiện một tác phẩm chuyên đề có nội dung và thời lượng theo quy định. Sản phẩm được trình bày dưới dạng file phát thanh kèm theo kịch bản chương trình.

- Kiểm tra đánh giá cuối kỳ : thực hành hoặc tiểu luận 60% Làm bài cuối kỳ vào tuần 15. Bài làm theo nhóm. Các nhóm sinh viên là một ekip sản xuất chương trình chuyên đề với nội dung và thời lượng theo quy định. Sản phẩm được trình bài dưới hình thức file truyền hình kèm theo kịch bản chương trình

**13. Học liệu:**

**13.1 Học liệu bắt buộc:**

1.Dương Xuân Sơn, *Giáo trình Báo chí truyền hình*, NXB ĐHQGHN, 2009

2. Dương Xuân Sơn, *Các loại hình báo chí truyền thông*, NXB Thông tin và Truyền thông, 2014

**13.2 Học liệu tham khảo:**

1. Bùi Chí Trung, Đinh Thị Xuân Hòa, *Truyền hình hiện đại – Những lát cắt 2015-2016*, Nxb ĐHQGHN, 2016

2. Vũ Quang Hào, *Ngôn ngữ báo chí*, Nxb Thông tấn, 2016

3. Đinh Thị Thu Hằng, *Báo phát thanh: Lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, 2013

4. V.V Xirnốp, *Các thể loại báo chí phát thanh*, Nxb Thông tấn. 2004

**14. Tóm tắt nội dung học phần:**

Chương trình chuyên đề là một dạng tác phẩm báo chí truyền thông có những yêu cầu cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, được thể hiện phổ biến trên sóng phát thanh, truyền hình. Học phần *Sản xuất chương trình chuyên đề* cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về đặc trưng, đặc điểm, quy trình sản xuất của dạng chương trình chuyên đề trên sóng phát thanh, truyền hình Việt Nam hiện nay. Học phầngiúp sinh viên có khả năng phân loại, định hướng chuyên môn thông qua các nội dung kiến thức về từng mảng lĩnh vực chính yếu trong hoạt động thông tin của báo chí truyền thông. Học phầncũng hệ thống hóa các đặc trưng về phong cách, quy trình sản xuất của loại hình phát thanh, truyền hình, giúp sinh viên có khả năng nhận biết và vận dụng kiến thức của mình để sản xuất chương trình chuyên đề phù hợp với từng loại hình. Học phầnthiết kế nội dung thực hành tác nghiệp linh hoạt, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức vào quy trình sản xuất thực tế các chương trình chuyên đề theo phương thức hiện đại, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

**15. Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1.** Tổng quan về chương trình chuyên đề

1.1 Khái niệm về chương trình chuyên đề

1.2 Đặc trưng, đặc điểm của chương trình chuyên đề

1.3 Phân loại chương trình chuyên đề

1.4 Các thể loại tác phẩm sử dụng trong chương trình chuyên đề

1.5 Kết cấu của chương trình truyền hình chuyên đề

1.6 Đặc trưng của chương trình chuyên đề của phát thanh và truyền hình

1.7 Quy trình thực hiện chương trình truyền hình chuyên đề của phát thanh, truyền hình

1.8 Phương thức sản xuất chương trình chuyên đề truyền thống và hiện đại

**Chương 2** **: Chương trình chuyên đề Chính trị - nội chính**

* 1. Những vấn đề chung về thông tin Chính trị - nội chính trên báo chí Việt Nam hiện nay
  2. Đặc trưng, đặc điểm chương trình chuyên đề Chính trị - nội chính

2.2 Các dạng format chương trình chuyên đề Chính trị - nội chính của phát thanh và truyền hình

2.4 Một số lưu ý trong sản xuất chương trình chuyên đề Chính trị - nội chính của phát thanh và truyền hình

**Chương 3 :** C**hương trình chuyên đề Kinh tế**

* 1. Những vấn đề chung về thông tin kinh tế trên báo chí Việt Nam hiện nay

3.2 Đặc trưng, đặc điểm chương trình chuyên đề kinh tế

3.3 Các dạng format chương trình chuyên đề kinh tế của phát thanh và truyền hình

3.4 Một số lưu ý trong sản xuất chương trình chuyên đề Kinh tế của phát thanh và truyền hình

**Chương 4 :** **Chương trình chuyên đề Văn hóa – Xã hội**

* 1. Những vấn đề chung về thông tin văn hóa – xã hội trên báo chí Việt Nam hiện nay

4.2 Đặc trưng, đặc điểm chương trình chuyên đề Văn hóa – Xã hội

4.3 Các dạng format chương trình chuyên đề Văn hóa – Xã hội của phát thanh và truyền hình

4.4 Một số lưu ý trong sản xuất chương trình chuyên đề Văn hóa – Xã hội của phát thanh và truyền hình

**Chương 5 :** **Sản xuất chương trình chuyên đề Khoa học - Giáo dục –Y tế**

5.1 Những vấn đề chung về thông tin Khoa học – Giáo dục – Y tế trên báo chí Việt Nam hiện nay

5.2 Đặc trưng, đặc điểm chương trình chuyên đề Khoa học – Giáo dục – Y tế

5.3 Các dạng format chương trình chuyên đề Khoa học – Giáo dục – Y tế của phát thanh và truyền hình

5.4 Một số lưu ý trong sản xuất chương trình chuyên đề Khoa học – Giáo dục – Y tế của phát thanh và truyền hình

**Chương 6:** **Sản xuất chương trình chuyên đề Dân tộc và Tôn giáo**

6.1 Những vấn đề chung về thông tin Dân tộc – Tôn giáo trên báo chí Việt Nam hiện nay

6.2 Đặc trưng, đặc điểm chương trình chuyên đề Dân tộc – Tôn giáo

6.3 Các dạng format chương trình chuyên đề Dân tộc – Tôn giáo của phát thanh và truyền hình

6.4 Một số lưu ý trong sản xuất chương trình chuyên đề Dân tộc – Tôn giáo của phát thanh và truyền hình

**Chương 7:** **Sản xuất chương trình chuyên đề Tam nông (Nông nghiệp – Nông thôn – Nông dân)**

7.1 Những vấn đề chung về thông tin Nông nghiệp – Nông thôn – Nông dân trên báo chí Việt Nam hiện nay

7.2 Đặc trưng, đặc điểm chương trình chuyên đề Tam nông

7.3 Các dạng format chương trình chuyên đề Tam nông của phát thanh và truyền hình

7.4 Một số lưu ý trong sản xuất chương trình chuyên đề Tam nông của phát thanh và truyền hình

**Chương 8**: **Sản xuất chương trình chuyên đề Thể thao**

8.1 Những vấn đề chung về thông tin thể thao trên báo chí Việt Nam hiện nay

8.2 Đặc trưng, đặc điểm chương trình chuyên đề Thể thao

8.3 Các dạng format chương trình chuyên đề Thể thao của phát thanh và truyền hình

8.4 Một số lưu ý trong sản xuất chương trình chuyên đề Thể thao của phát thanh và truyền hình

**Chương 9:** **Sản xuất chương trình chuyên đề Văn học – Nghệ thuật**

9.1 Những vấn đề chung về thông tin văn học - nghệ thuật trên báo chí Việt Nam hiện nay

9.2 Đặc trưng, đặc điểm chương trình chuyên đề Văn học – Nghệ thuật

9.3 Các dạng format chương trình chuyên đề Văn học – Nghệ thuật của phát thanh và truyền hình

9.4 Một số lưu ý trong sản xuất chương trình chuyên đề Văn học – Nghệ thuật của phát thanh và truyền hình

**Chương 10: Tổ chức sản xuất chương trình chuyên đề**

10.1 Xây dựng ekip sản xuất chương trình chuyên đề

10.2 Quy trình tổ chức sản xuất chương trình chuyên đề

10.3 Thực hành tác nghiệp sản xuất chương trình chuyên đề trên sóng phát thanh, truyền hình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**THỰC TẬP THỰC TẾ**

*(Fieldwork)*

1. **Mã học phần: JOU4064**
2. **Số tín chỉ:** 03
3. **Học phần tiên quyết:** Các môn thuộc khối kiến thức ngành bắt buộc
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Giảng viên:**

Các giảng viên của Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Đại học KHXH & NV

1. **Mục tiêu học phần:**

Học phần giúp sinh viên có cơ hội đến thăm và học hỏi kinh nghiệm tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công ty truyền thông; tìm hiểu về mô hình tổ chức của cơ quan, chức năng nhiệm vụ của bộ phận phụ trách truyền thông, trực tiếp quan sát học hỏi kinh nghiệm tổ chức và triển khai một số công đoạn hoặc toàn bộ chương trình, chiến dịch truyền thông của cơ quan, doanh nghiệp; học hỏi kinh nghiệm truyền thông nội bộ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp v.v… dưới sự hướng dẫn của nhà quản lý hoặc cán bộ phụ trách truyền thông tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội hoặc địa phương.

Sinh viên được tiếp cận thực tế môi trường truyền thông tại cơ sở để chuẩn bị cho thời gian thực tập tốt nghiệp tiếp theo sẽ bắt tay vào làm việc tại bộ phận truyền thông của các cơ quan tổ chức hoặc công ty truyền thông theo sự phân công, hướng dẫn của cơ quan nơi thực tập.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

- Kiến thức:

+ Sinh viên nắm được cơ cấu tổ chức, hoạt động của một cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc cơ quan truyền thông; nắm được chức năng, nhiệm vụ của mỗi phòng, ban. Cơ bản nắm được quy trình, các bước tổ chức thực hiện chương trình, chiến dịch, kế hoạch truyền thông v.v...

+ Chủ động tìm hiểu, nắm vững mô hình tổ chức, hoạt động truyền thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi tham quan thực tế

+ Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã được học để đánh giá được điểm thành

công và hạn chế của hoạt động truyền thông của cơ quan nơi tham quan thực tế và có kiến nghị.

+ Tạo ra được những sản phẩm truyền thông phù hợp (thông cáo BC, bài điểm báo về cơ quan doanh nghiệp, bài cho website của cơ quan doanh nghiệp, ý tưởng về chiến dịch truyền thông v.v…

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng phát triển tư duy nghề nghiệp; linh hoạt vận dụng kiến thức lý luận và thực hành trong hoạt động tác nghiệp thực tế.

+ Phân tích và nhận định được đặc điểm của báo chí truyền thông trong từng thời kì cụ thể.

+ Củng cố cho sinh viên những kỹ năng nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia vào hoạt động báo chí truyền thông

- Thái độ, chuyên cần:

+ Sinh viên cần chủ động hệ thống lại kiến thức ngành đã học.

+ Sinh viên cần vận dụng hệ thống kiến thức đó trong quá trình thâm nhập thực tế để trao đổi, thảo luận, đúc rút kinh nghiệm.

+ Sinh viên cần đưa ra được các ý kiến sáng tạo; tiếp tục xây dựng, bổ sung thêm cho hệ thống kiến thức hiện có thông qua quá trình học tập và thực hành các kỹ năng nghề nghiệp.

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1 | Sinh viên nắm được cơ cấu tổ chức, hoạt động của một cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc cơ quan truyền thông; nắm được chức năng, nhiệm vụ của mỗi phòng, ban. Cơ bản nắm được quy trình, các bước tổ chức thực hiện chương trình, chiến dịch, kế hoạch truyền thông v.v… | PLO1.3 |
| CLO2 | Chủ động tìm hiểu, nắm vững mô hình tổ chức, hoạt động truyền thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi tham quan thực tế | PLO1.4 |
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã được học để đánh giá được điểm thành công và hạn chế của hoạt động truyền thông của cơ quan nơi tham quan thực tế và có kiến nghị | PLO1.4 |
| CLO4 | Tạo ra được những sản phẩm truyền thông phù hợp (thông cáo BC, bài điểm báo về cơ quan doanh nghiệp, bài cho website của cơ quan doanh nghiệp, ý tưởng về chiến dịch truyền thông v.v… | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO5 | Kỹ năng phát triển tư duy nghề nghiệp; linh hoạt vận dụng kiến thức lý luận và thực hành trong hoạt động tác nghiệp thực tế. | PLO2.1 |
| CLO6 | Phân tích và nhận định được đặc điểm của báo chí truyền thông trong từng thời kì cụ thể. | PLO2.1 |
| CLO7 | Củng cố cho sinh viên những kỹ năng nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia vào hoạt động báo chí truyền thông | PLO2.1 |
| Thái độ |  |  |
| CLO8 | Sinh viên cần chủ động hệ thống lại kiến thức ngành đã học. | PLO2.2 |
| CLO9 | Sinh viên cần vận dụng hệ thống kiến thức đó trong quá trình thâm nhập thực tế để trao đổi, thảo luận, đúc rút kinh nghiệm. | PLO3 |
| CLO10 | Sinh viên cần đưa ra được các ý kiến sáng tạo; tiếp tục xây dựng, bổ sung thêm cho hệ thống kiến thức hiện có thông qua quá trình học tập và thực hành các kỹ năng nghề nghiệp. | PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Nội dung thực tế | - Kiến thức về hoạt động của cơ quan báo chí truyền thông  - Kiến thức về hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi tham quan thực tập | Tự tìm hiểu, tra cứu |  |
| Báo cáo kết quả thực tế | - Hoàn thành và nộp báo cáo thực tế  - Nộp những tác phẩm, chương trình đã được đăng tải, phát sóng | Theo mẫu báo cáo |  |

1. **Yêu cầu đối với học phần**

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học phần được ghi trong đề cương.

- Thiếu một điểm thành phần, không được tính điểm môn đó.

- Các bài tập phải nộp đúng hạn và đầy đủ.

1. **Phương pháp dạy – học**

Các phương pháp sử dụng dạy và học trong học phần

- Thuyết giảng trên lớp

- Gửi tài liệu nghiên cứu

- Thảo luận nhóm

- Thực hành

1. **Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

***12.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên***

+ Ý thức kỷ luật, chấp hành nghiêm nội quy của đoàn, quy định của đơn vị (10%)

***12.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ: Tiểu luận hoặc sản phẩm***

+ Chủ động tìm hiểu, nắm vững mô hình tổ chức, hoạt động truyền thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi tham quan thực tế (30%)

+ Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã được học để đánh giá được điểm thành công và hạn chế của hoạt động truyền thông của cơ quan nơi tham quan thực tế và có kiến nghị. Tạo ra được những sản phẩm truyền thông phù hợp (thông cáo BC, bài điểm báo về cơ quan doanh nghiệp, bài cho website của cơ quan doanh nghiệp, ý tưởng về chiến dịch truyền thông, bài báo được đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng v.v…) (60%)

1. **Học liệu:**

***13.1. Học liệu bắt buộc***

1. Viện ĐT BC&TT, 2018, Báo chí truyền thông: Những vấn đề trọng yếu (tập 1), Nxb ĐHQGHN
2. Viện ĐT BC&TT, 2020, Báo chí truyền thông: Những vấn đề trọng yếu (tập 2), Nxb ĐHQGHN

***13.2. Học liệu tham khảo***

1. Phan Văn Kiền, Phan Quốc Hải, Nguyễn Đình Hậu, Phạm Chiến Thắng, *Một số xu hướng của báo chí truyền thông hiện đại,* Nxb Thông tin và truyền thông, 2016
2. Anthony Adornato, 2021, Mobile and Social Media Journalism - A Practical Guide for Multimedia Journalism.
3. **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần *Thực tập thực tế* cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thực tế về hoạt động của một cơ quan báo chí; về biên tập, xây dựng nội dung cũng như hình thức cho một tác phẩm báo chí; công tác phóng viên ở cơ quan mà sinh viên tham gia thực tế; xây dựng được tác phẩm báo chí để đăng, phát trên các loại hình báo chí; về sử dụng các phương tiện kỹ thuật để phục vụ cho việc xây dựng tác phẩm như : máy tính, máy ảnh, máy quay phim, máy ghi âm, kỹ năng sử dụng internet...

Học phần còn trang bị cho sinh viên phương pháp khoa học trong cách đánh giá, nhận xét, quy trình xây dựng chương trình, cách phát hiện, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề một cách khách quan, khoa học , công bằng, minh bạch.

1. **Nội dung chi tiết học phần:**

**Phần 1. Nội dung thực tế**

* 1. Kiến thức về hoạt động của cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông.
     1. Sản phẩm của toà soạn, cơ quan báo chí.
     2. Hoạt động của phóng viên toà soạn.
     3. Hoạt động của biên tập viên toà soạn.
     4. Hoạt động của bộ phận trình bày, maket, kỹ thuật dựng, kỹ thuật thu, truyền dẫn và phát sóng...
     5. Hoạt động của các ban chuyên môn.
     6. Hoạt động của Thư ký toà soạn.
     7. Hoạt động của Ban biên tập toà soạn.
  2. Kiến thức về hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi tham quan thực tế
     1. Cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp
     2. Hoạt động cơ bản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp
     3. Hoạt động truyền thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

**Phần 2: Báo cáo kết quả thực tế:**

2.1. Hoàn thành và nộp báo cáo thực tế.

2.2. Nộp những tác phẩm, chương trình đã được đăng tải, phát sóng (Bao gồm băng, đĩa chương trình, văn bản tác phẩm...)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

*(Internship)*

1. **Mã học phần: JOU4050**
2. **Số tín chỉ:** 05
3. **Học phần tiên quyết:** Các môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Giảng viên:**

Các giảng viên của Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Đại học KHXH & NV

1. **Mục tiêu học phần:**

Học phần giúp sinh viên có cơ hội tham gia hoạt động tác nghiệp tại cơ quan báo chí, doanh nghiệp hoặc công ty truyền thông; tìm hiểu về mô hình tổ chức của cơ quan, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, trực tiếp quan sát học hỏi kinh nghiệm làm báo, tổ chức và triển khai một số công đoạn hoặc toàn bộ chương trình, chiến dịch truyền thông của cơ quan, doanh nghiệp; học hỏi kinh nghiệm truyền thông nội bộ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp v.v… dưới sự hướng dẫn của nhà quản lý hoặc cán bộ phụ trách truyền thông tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội hoặc địa phương.

Sinh viên được tiếp cận thực tế môi trường truyền thông thực tiễn tại cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông, tổ chức doanh nghiệp, vận dụng kiến thức đã tích lũy được trong quá trình học tập để tác nghiệp, giải quyết các tình huống công việc cụ thể, bước đầu sáng tạo các sản phẩm báo chí truyền thông có chất lượng được sử dụng, đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

**- Kiến thức**:

Học xong môn này, sinh viên được:

+ Tìm hiểu được công tác tổ chức toà soạn ở cơ quan báo in, đài phát thanh, đài truyền hình, báo điện tử mà sinh viên tham gia thực tập.

+ Tìm hiểu được công tác biên tập, nội dung bài vở.

+ Tìm hiểu được cách trình bày báo, làm maket.

+ Tìm hiểu được phương thức công tác phóng viên.

+ Đi thực tế cơ sở và sáng tạo được tác phẩm.

- **Kỹ năng:**

+ Có các kỹ năng thực hành nghề nghiệp và có thể phát triển được.

+ Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích và xây dựng tác phẩm.

+Có kỹ năng biết làm viêc cùng nhóm

+ Hình thành ý tưởng và xây dựng được tác phẩm.

* **Thái độ:**

+ Hình thành thái độ công bằng, khách quan, khoa học trong học tập, đánh giá, nhận xét.

+ Yêu thích môn học, ngành học mà sinh viên đang theo học

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1 | Tìm hiểu được công tác tổ chức toà soạn ở cơ quan báo in, đài phát thanh, đài truyền hình, báo điện tử mà sinh viên tham gia thực tập. | PLO1.3 |
| CLO2 | Tìm hiểu được công tác biên tập, nội dung bài vở, cách trình bày báo, làm maket. | PLO1.4 |
| CLO3 | Tìm hiểu được phương thức công tác phóng viên. | PLO1.4 |
| CLO4 | Đi thực tế cơ sở và sáng tạo được tác phẩm. | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO5 | Có các kỹ năng thực hành nghề nghiệp và có thể phát triển được. | PLO2.1 |
| CLO6 | Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích và xây dựng tác phẩm. | PLO2.1 |
| CLO7 | Có kỹ năng biết làm việc cùng nhóm | PLO2.2 |
| CLO8 | Hình thành ý tưởng và xây dựng được tác phẩm. | PLO2.1 |
| Thái độ |  |  |
| CLO9 | Hình thành thái độ công bằng, khách quan, khoa học trong học tập, đánh giá, nhận xét | PLO4 |
| CLO10 | Yêu thích môn học, ngành học mà sinh viên đang theo học | PLO3 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| Nội dung 1 | Tìm hiểu về toàn soạn, cơ quan báo chí | Tự tìm hiểu, tra cứu |  |
| Nội dung 2 | Hoạt động thực tập cụ thể của sinh viên | Tự tìm hiểu, tra cứu |  |
| Nội dung 3 | Báo cáo kết quả thực tập | Theo mẫu báo cáo |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học phần được ghi trong đề cương.

- Thiếu một điểm thành phần, không được tính điểm môn đó.

- Các bài tập phải nộp đúng hạn và đầy đủ

1. **Phương pháp dạy – học**

Các phương pháp sử dụng dạy và học trong học phần

- Gửi tài liệu nghiên cứu

- Thảo luận nhóm

- Thực hành

1. **Phương pháp kiểm tra đánh giá:**

***12.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên***

+ Ý thức kỷ luật, chấp hành nghiêm nội quy của đoàn, quy định của đơn vị (10%)

***12.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ: tiểu luận hoặc sản phẩm***

+ Chủ động tìm hiểu, nắm vững mô hình tổ chức, hoạt động truyền thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi tham quan thực tế (30%)

+ Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã được học để đánh giá được điểm thành công và hạn chế của hoạt động truyền thông của cơ quan nơi tham quan thực tế và có kiến nghị. Tạo ra được những sản phẩm truyền thông phù hợp (thông cáo BC, bài điểm báo về cơ quan doanh nghiệp, bài cho website của cơ quan doanh nghiệp, ý tưởng về chiến dịch truyền thông, bài báo được đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng v.v…) (60%)

1. **Học liệu:**

***13.1. Học liệu bắt buộc***

1. Luật báo chí, 2016

***13.2. Học liệu tham khảo***

1. Viện ĐT BC&TT, 2018, Báo chí truyền thông: Những vấn đề trọng yếu (tập 1), Nxb ĐHQGHN
2. Viện ĐT BC&TT, 2020, Báo chí truyền thông: Những vấn đề trọng yếu (tập 2), Nxb ĐHQGHN
3. Phan Văn Kiền, Phan Quốc Hải, Nguyễn Đình Hậu, Phạm Chiến Thắng, *Một số xu hướng của báo chí truyền thông hiện đại,* Nxb Thông tin và truyền thông, 2016
4. Nguyễn Quang Hoà, 2016, Tô chức hoạt động cơ quan báo chí – Thực tiễn và xu hướng phát triển.
5. **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần *Thực tập tốt nghiệp* cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để có thể tham gia vào hoạt động của một cơ quan báo chí; có kỹ năng thực tế về biên tập, xây dựng nội dung cũng như hình thức bài vở cho một tác phẩm báo chí; nắm được những kiến thức cơ bản về công tác phóng viên ở cơ quan mà sinh viên tham gia thực tập; xây dựng được tác phẩm báo chí để đăng, phát trên các loại hình báo chí mà sinh viên thực tập; nắm được phương pháp khai thác thông tin và tư liệu khi đi cơ sở và ở thư viện; biết sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật để phục vụ cho việc xây dựng tác phẩm như : máy tính, máy ảnh, máy quay phim, máy ghi âm, kỹ năng sử dụng internet...

Học phầncòn trang bị cho sinh viên phương pháp khoa học trong cách đánh giá, nhận xét, quy trình xây dựng chương trình, cách phát hiện, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề một cách khách quan, khoa học , công bằng, minh bạch.

1. **Nội dung chi tiết học phần:**

**Nội dung 1. Tìm hiểu về toà soạn, cơ quan báo chí**

* 1. Vị trí của toà soạn, cơ quan báo chí.
     1. Lịch sử sơ lược, vị trí của cơ quan, toà soạn báo chí.
     2. Cơ quan chủ quản của toà soạn, cơ quan báo chí.
     3. Đặc điểm của toà soạn, cơ quan báo chí.
  2. Kiến thức về hoạt động của toà soạn, cơ quan báo chí.
     1. Sản phẩm của toà soạn, cơ quan báo chí.
     2. Hoạt động của phóng viên toà soạn, cơ quan.
     3. Hoạt động của biên tập viên toà soạn, cơ quan.
     4. Hoạt động của bộ phận trình bày, maket, kỹ thuật dựng, kỹ thuật thu, truyền dẫn và phát sóng...
     5. Hoạt động của các ban chuyên môn.
     6. Hoạt động của Thư ký toà soạn, cơ quan.
     7. Hoạt động của Ban biên tập toà soạn, cơ quan.

**Nội dung 2: Hoạt động thực tập cụ thể của sinh viên.**

2.1. Hoạt động khai thác thông tin

2.1.1. Hoạt động khái thác thông tin qua đi thực tế cơ sở.

2.1.2. Hoạt động khai thác thông tin qua tài liệu, hồ sơ thu thập được.

2.1.3. Hoạt động khai thác thông tin qua mạng internet.

2.2. Hoạt động biên tập tác phẩm, chương trình

2.2.1. Hoạt động biên tập tin, bài báo in, báo mạng.

2.2.2. Hoạt động biên tập chương trình truyền hình.

2.2.3. Hoạt động biên tập chương trình phát thanh.

2.2.4. Hoạt động biên tập chương trình PR, Quảng cáo.

2.3. Công tác bạn đọc, bạn nghe đài, bạn xem truyền hình.

2.3.1. Xử lý, phân loại thư.

2.3.2. Trả lời thư bạn đọc, bạn nghe đài, bạn xem truyền hình.

2.3.3. Hoạt động điều tra theo thư bạn đọc, bạn nghe đài, bạn xem truyền hình.

**Nội dung 3: Báo cáo kết quả thực tập**

3.1. Hoàn thành và nộp nhật ký thực tập.

3.2. Nộp những tác phẩm, chương trình đã được đăng tải, phát sóng (Bao gồm băng, đĩa chương trình, văn bản tác phẩm...).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**CÁC LOẠI HÌNH BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG**

*(Mass Media)*

1. **Mã học phần: JOU4054**
2. **Số tín chỉ:** 02
3. **Học phần tiên quyết:** Các môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Giảng viên:**

- Nguyễn Thị Thanh Huyền, PGS.TS., Đại học KHXH & NV

- Nguyễn Thu Giang, Tiến sĩ, Đại học KHXH & NV

- Đỗ Anh Đức, Tiến sĩ, Đại học KHXH & NV

1. **Mục tiêu học phần**

Học phần giúp sinh viên tổng hợp lại toàn bộ kiến thức về các loại hình báo chí truyền thông đã được học trong khối kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ (báo in, phát thanh, truyền hình, báo ảnh, internet, các hình thức truyền thông mới) và xu thế phát triển của từng loại hình, từ đó, vận dụng vào thực tiễn để lý giải cho sự vận động và phát triển của ngành báo chí truyền thông.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

* Kiến thức:
* Liệt kê được các loại hình báo chí truyền thông
* Trình bày được về các đặc trưng của từng loại hình báo chí truyền thông
* Giải thích được bản chất, quy luật của quá trình hình thành và phát triển của báo chí nói riêng và truyền thông đại chúng nói chung
* Kỹ năng:
* Vận dụng kiến thức về các loại hình trong xây dựng tác phẩm báo chí truyền thông
* So sánh đặc trưng loại hình của các loại hình báo chí truyền thông
* Thái độ:
* Đánh giá về xu hướng phát triển của từng loại hình báo chí truyền thông đương đại
* Đề xuất giải pháp giúp nhà báo thích ứng với xu hướng phát triển của các loại hình báo chí truyền thông hiện nay

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[25]](#footnote-25) | Liệt kê được các loại hình báo chí truyền thông | PLO1.4[[26]](#footnote-26) |
| CLO2 | Trình bày được về các đặc trưng của từng loại hình báo chí truyền thông | PLO1.4 |
| CLO3 | Giải thích được bản chất, quy luật của quá trình hình thành và phát triển của báo chí nói riêng và truyền thông đại chúng nói chung | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Vận dụng kiến thức về các loại hình trong xây dựng tác phẩm báo chí truyền thông | PLO2.1.2  PLO2.1.5  PLO2.2 |
| CLO5 | So sánh đặc trưng loại hình của các loại hình báo chí truyền thông | PLO2.1.2  PLO2.1.4 |
| Thái độ | |  |
| CLO6 | Đánh giá về xu hướng phát triển của từng loại hình báo chí truyền thông đương đại | PLO2.1.7  PLO3  PLO4 |
| CLO7 | Đề xuất giải pháp giúp nhà báo thích ứng với xu hướng phát triển của các loại hình báo chí truyền thông hiện nay | PLO2.1.6  PLO3  PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1 | Giới thiệu môn học  Chương 1. Báo in – Báo in trong hệ thống loại hình báo chí truyền thông | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 2 | Đặc điểm của loại hình báo in  Tổ chức bộ máy báo in | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 3 | Quy trình sản xuất sản phẩm báo in  Xu hướng vận động của báo in | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 4 | Chương 2. Phát thanh  Phát thanh trong hệ thống các loại hình báo chí truyền thông  Đặc điểm của báo phát thanh | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 5 | Tổ chức bộ máy báo phát thanh  Quy trình thực hiện tác phẩm báo phát thanh | Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang (2011), *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 6 | Phát thanh trong xu thế phát triển của truyền thông hiện đại | Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang (2011), *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kì | |  |
| Tuần 8 | Chương 3. Truyền hình  Truyền hình trong hệ thống các loại hình báo chí truyền thông  Đặc điểm của báo hình | Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang (2011), *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 9 | Tổ chức hoạt động báo hình  Quy trình thực hiện tác phẩm báo hình | Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang (2011), *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 10 | Truyền hình trong xu thế phát triển của truyền thông hiện đại | Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang (2011), *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 11 | Chương 4. Báo mạng điện tử và những phương thức truyền thông hiện đại trên Internet  Báo mạng điện tử trong hệ thống các loại hình báo chí truyền thông | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. | Bài tập cá nhân |
| Tuần 12 | Đặc điểm của báo mạng điện tử | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 13 | Những phương thức truyền thông hiện đại trên internet | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 14 | Khả năng khai thác mạng thông tin toàn cầu | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 15 | Khả năng khai thác mạng thông tin toàn cầu (tiếp)  Tổng kết môn học | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

Các yêu cầu của học phần đối với sinh viên như sau:

* Cần đọc, nghiên cứu các tài liệu bắt buộc
* Được khuyến khích đọc thêm tài liệu tham khảo
* Cần nghiêm túc tham gia bài tập nhóm và các thảo luận trên lớp
* Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên
* Có ý thức tự học, tự đọc, tự tìm hiểu thêm về các nội dung của môn học
* Tuyệt đối không đạo văn. Trích dẫn đầy đủ khi làm bài tập/thi.

1. **Phương pháp dạy - học**

* Các phương pháp giảng dạy được sử dụng:
* Thuyết giảng
* Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm (thảo luận, hợp tác làm bài tập nhóm, v.v.)
* Hướng dẫn sinh viên một số phương pháp để tự học (tìm kiếm tài liệu, đọc tài liệu, đánh giá thông tin, ghi chú, v.v.)
* Các phương pháp học tập được sử dụng:
* Sinh viên tự đọc tài liệu.
* Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
* Tham gia các hoạt động nhóm/cá nhân.
* Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập trên nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

* *Kiểm tra – đánh giá thường xuyên (10%)*
* Chuyên cần: Căn cứ vào sự có mặt và tham gia các bài tập tại lớp, tham gia xây dựng bài, thảo luận của sinh viên trên lớp.
* Bài tập viết cá nhân: Loại bài tập này thường dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn. Bài tập ở thời điểm kết thúc một chương của học phần.
* *Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ*
* Kiểm tra - đánh giá giữa kì: Bài tập lớn hoặc tiểu luận ở tuần thứ 7 của học kỳ ( trọng số 30%)
* Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Thi cuối kỳ hình thức tự luận hoặc tiểu luận (trọng số 60%).

1. **Học liệu**

* *Học liệu bắt buộc*
* Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang (2011): *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, Nxb. ĐHQGHN. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* *Học liệu tham khảo*
* Phan Văn Kiền, Phan Quốc Hải, Nguyễn Đình Hậu, Phạm Chiến Thắng (2016), *Một số xu hướng của báo chí truyền thông hiện đại,* Nxb Thông tin và truyền thông. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* Dương Xuân Sơn (2014), *Các loại hình báo chí truyền thông,* Nxb Thông tin và Truyền thông. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.

1. **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần *Các loại hình báo chí truyền thông* giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức về từng loại hình báo chí truyền thông. Sinh viên đã từng được học các môn chuyên ngành – các loại hình báo chí truyền thông riêng biệt trong các kì học trước. Việc hệ thống lại các kiến thức đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn và có những nhận định đúng đắn, đầy đủ hơn về mỗi loại hình, sau khi đã thực sự trải qua việc học lý thuyết kết hợp với thực tế - thực tập. Học phần đề cập tới từng loại hình: báo viết, báo nói, báo hình, báo ảnh, báo mạng điện tử, và một số các phương thức truyền thông mới. Học phần *Các loại hình báo chí truyền thông* tập trung vào việc hệ thống lại các khối kiến thức của mỗi loại hình, phân biệt các đặc trưng, đặc điểm; các vấn đề đặt ra của mỗi loại hình; xu hướng phát triển.

1. **Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1. Báo in**

* 1. Báo in trong hệ thống loại hình báo chí truyền thông

1.2. Đặc điểm của loại hình báo in

1.3. Tổ chức bộ máy báo in

1.4. Quy trình sản xuất sản phẩm báo in

1.5. Xu hướng vận động của báo in

**Chương 2. Phát thanh**

2.1. Phát thanh trong hệ thống các loại hình báo chí truyền thông

2.2. Đặc điểm của báo phát thanh

2.3. Tổ chức bộ máy báo phát thanh

2.4. Quy trình thực hiện tác phẩm báo phát thanh

2.5. Phát thanh trong xu thế phát triển của truyền thông hiện đại

**Chương 3. Truyền hình**

3.1. Truyền hình trong hệ thống các loại hình báo chí truyền thông

3.2. Đặc điểm của báo hình

3.3. Tổ chức hoạt động báo hình

3.4. Quy trình thực hiện tác phẩm báo hình

3.5. Truyền hình trong xu thế phát triển của truyền thông hiện đại

**Chương 4. Báo mạng điện tử và những phương thức truyền thông hiện đại trên Internet**

4.1. Báo mạng điện tử trong hệ thống các loại hình báo chí truyền thông

4.2. Đặc điểm của báo mạng điện tử

4.3. Những phương thức truyền thông hiện đại trên internet

- Weblog

- Webcast

- Podcast

- Portal

4.4. Khả năng khai thác mạng thông tin toàn cầu

- Thiết lập các phương thức truyền thông trên Internet

- Kiểm soát thông tin và an ninh mạng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**LÝ LUẬN VÀ CÁC THỂ LOẠI BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG**

*(Communication Theories and Journalism Genres)*

1. **Mã học phần: JOU 4053**
2. **Số tín chỉ:** 03
3. **Học phần tiên quyết:** Các môn thuộc khối kiến thức ngành bắt buộc
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt , tiếng Anh
5. **Giảng viên:**

- Đặng Thị Thu Hương, PGS.TS., Đại học KHXH & NV

- Nguyễn Thu Giang, Tiến sĩ, Đại học KHXH & NV

- Đỗ Anh Đức, Tiến sĩ, Đại học KHXH & NV

1. **Mục tiêu học phần:**

Học phần hệ thống lại toàn bộ kiến thức cơ quả ngành, sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản của truyền thông đại chúng và hoạt động báo chí, được củng cố kiến thức về các thể loại báo chí truyền thông, đồng thời vận dụng được những kiến thức lý luận vào thực tiễn hoạt động báo chí.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

* Kiến thức:
* Liệt kê được những vấn đề lý luận của truyền thông đại chúng và hoạt động báo chí.
* Trình bày được tính chất, đặc trưng của từng thể loại báo chí truyền thông.
* Giải thích được ưu điểm và hạn chế của từng thể loại báo chí truyền thông.
* Kỹ năng:
* Vận dụng kiến thức được học vào xử lí các vấn đề lí luận báo chí truyền thông.
* Sử dụng các thể loại trong việc tổ chức và thực hiện một tác phẩm báo chí.
* Phân tích các vấn đề của truyền thông đại chúng nói chung và hoạt động báo chí nói riêng hiện nay.
* Thái độ:
* Đánh giá về xu hướng phát triển của các thể loại báo chí truyền thông hiện nay.
* Đề xuất giải pháp cho các vấn đề tồn tại trong quá trình phát triển thể loại báo chí truyền thông.

1. **Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ký hiệu | CĐR của học phần (hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng | CĐR của chương trình đào tạo |
| Kiến thức | |  |
| CLO1[[27]](#footnote-27) | Liệt kê được những vấn đề lý luận của truyền thông đại chúng và hoạt động báo chí. | PLO1.4[[28]](#footnote-28) |
| CLO2 | Trình bày được tính chất, đặc trưng của từng thể loại báo chí truyền thông. | PLO1.4 |
| CLO3 | Giải thích được ưu điểm và hạn chế của từng thể loại báo chí truyền thông. | PLO1.4 |
| Kỹ năng | |  |
| CLO4 | Vận dụng kiến thức được học vào xử lí các vấn đề lí luận báo chí truyền thông | PLO2.1.2  PLO2.1.5 |
| CLO5 | Sử dụng các thể loại trong việc tổ chức và thực hiện một tác phẩm báo chí. | PLO2.1.2  PLO2.1.4  PLO2.1.5  PLO2.2 |
| CLO6 | Phân tích các vấn đề của truyền thông đại chúng nói chung và hoạt động báo chí nói riêng hiện nay. | PLO2.1.2  PLO2.1.4 |
| Thái độ | |  |
| CLO7 | Đánh giá về xu hướng phát triển của các thể loại báo chí truyền thông hiện nay. | PLO2.1.7  PLO3  PLO4 |
| CLO8 | Đề xuất giải pháp cho các vấn đề tồn tại trong quá trình phát triển thể loại báo chí truyền thông. | PLO2.1.6  PLO3  PLO4 |

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

| **Tuần** | **Nội dung chính** | **Tài liệu chính cần đọc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1 | Giới thiệu môn học  Chương 1: Cơ sở lý luận báo chí truyền thông. Nội dung 1 – Lí thuyết về truyền thông và vị trí, vai trò của báo chí truyền thông trong đời sống xã hội | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 2 | Chương 1: Cơ sở lý luận báo chí truyền thông.  Nội dung 1 – Lí thuyết về truyền thông và vị trí, vai trò của báo chí truyền thông trong đời sống xã hội (tiếp) | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 3 | Nội dung 2. Các chức năng của báo chí truyền thông | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 4 | Nội dung 2. Các chức năng của báo chí truyền thông (tiếp) | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 5 | Nội dung 3. Các nguyên tắc hoạt động của báo chí truyền thông | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 6 | Chương 2: Thể loại báo chí  Thể loại Tin | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kì | |  |
| Tuần 8 | Thể loại Phỏng vấn | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 9 | Thể loại Tường thuật | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 10 | Thể loại Bình luận | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 11 | Thể loại Điều tra | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 12 | Thể loại Phản ánh | Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. |  |
| Tuần 13 | Thể loại Phóng sự | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 14 | Thể loại Chân dung báo chí | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |
| Tuần 15 | Thể loại Tiểu phẩm báo chí  Tổng kết môn học | Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. |  |

1. **Các yêu cầu đối với học phần**

Các yêu cầu của học phần đối với sinh viên như sau:

* Cần đọc, nghiên cứu các tài liệu bắt buộc
* Được khuyến khích đọc thêm tài liệu tham khảo
* Cần nghiêm túc tham gia bài tập nhóm và các thảo luận trên lớp
* Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên
* Có ý thức tự học, tự đọc, tự tìm hiểu thêm về các nội dung của môn học
* Tuyệt đối không đạo văn. Trích dẫn đầy đủ khi làm bài tập/thi.

1. **Phương pháp dạy - học**

* Các phương pháp giảng dạy được sử dụng:
* Thuyết giảng
* Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm (thảo luận, hợp tác làm bài tập nhóm, v.v.)
* Hướng dẫn sinh viên một số phương pháp để tự học (tìm kiếm tài liệu, đọc tài liệu, đánh giá thông tin, ghi chú, v.v.)
* Các phương pháp học tập được sử dụng:
* Sinh viên tự đọc tài liệu.
* Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
* Tham gia các hoạt động nhóm/cá nhân.
* Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập trên nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1. **Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

* *Kiểm tra – đánh giá thường xuyên*
* Căn cứ vào sự có mặt và tham gia của sinh viên trên lớp (10% )
* *Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ*
* Kiểm tra - đánh giá giữa kì: Bài tập hoặc tiểu luận cá nhân hoặc nhóm (30%)
* Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Bài thi hoặc tiểu luận hết môn (60%).

1. **Học liệu**

* *Học liệu bắt buộc:*
* Tạ Ngọc Tấn (2020), *Báo chí, truyền thông hiện đại: Thực tiễn, vấn đề, nhận định*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông những vấn đề trọng yếu (tập 1)*, Nxb. ĐHQGHN. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* *Học liệu tham khảo:*
* Nguyễn Thị Thoa, Đức Dũng (2008), *Phóng sự báo chí*, Nxb Lý luận – chính trị. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.
* Đinh Văn Hường (2006), *Các thể loại báo chí thông tấn*, Nxb ĐHQGHN. Có tại Trung tâm Thư viện – Tri thức số, ĐHQGHN.

1. **Tóm tắt nội dung học phần**

Môn *Lý luận và các thể loại báo chí truyền thông*giúp sinh viên hệ thống lại toàn bộ kiến thức cơ sở ngành. Nội dung Học phần tập trung vào cơ sở lý luận báo chí truyền thông và hệ thống thể loại báo chí. Trên cơ sở các kiến thức cơ sở ngành đã học, sinh viên chủ động xây dựng bài dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kiến thức của Học phần có phần mở rộng và nâng cao hơn phần nội dung của các môn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, liên hệ với việc sử dụng các thể loại trong hoạt động thực tiễn báo chí hiện đại.

1. **Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1: Cơ sở lý luận báo chí truyền thông**

Nội dung 1. Lý thuyết về truyền thông và vị trí, vai trò của báo chí truyền thông trong đời sống xã hội.

Nội dung 2. Các chức năng của báo chí truyền thông

Nội dung 3. Các nguyên tắc hoạt động của báo chí truyền thông

**Chương 2: Thể loại báo chí**

1.2. Thể loại báo chí Thông tấn – Vai trò và phương pháp sáng tạo tác phẩm

- Tin

- Phỏng vấn

- Tường thuật

2.2. Thể loại báo chí Chính luận – Vai trò và phương pháp sáng tạo tác phẩm

- Bình luận

- Điều tra

- Phản ánh

2.3. Thể loại báo chí Chính luận nghệ thuật – Vai trò và phương pháp sáng tạo tác phẩm

- Phóng sự

- Chân dung báo chí

- Tiểu phẩm báo chí

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DUYỆT *(Khoa/trường)* | BỘ MÔN *(Ký tên)* | GIẢNG VIÊN *(Ký tên)* |

1. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-1)
2. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-2)
3. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-3)
4. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-4)
5. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-5)
6. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-6)
7. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-7)
8. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-8)
9. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-9)
10. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-10)
11. Course Learning Outcomes (CĐR của học phần) [↑](#footnote-ref-11)
12. Programme Learning Outcomes (CĐR của chương trình đào tạo) [↑](#footnote-ref-12)
13. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-13)
14. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-14)
15. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-15)
16. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-16)
17. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-17)
18. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-18)
19. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-19)
20. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-20)
21. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-21)
22. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-22)
23. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-23)
24. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-24)
25. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-25)
26. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-26)
27. Course Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-27)
28. Programme Learning Outcomes [↑](#footnote-ref-28)